

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Phát hành mỗi kỳ hai tháng/Edition bimestrielle Số N. 17 01/2004

CHỨC MÌNH NĂM MỚI-BONNE ANNEE 2004

Chân thể tự nhiên chân
Nhân chân thuyết hữu lý
Lãnh đức chân chân pháp
Vô hành diệc vô chỉ.

*Thể thật tự nhiên thật
Nhân thật nói có lý
Lãnh được pháp chân thật
Không hành cũng không ngừng.*

Tổ thứ Mười Hiếp Tôn Giả.

Các bạn muốn nghiên cứu và thâm nhập Phật pháp là ở đây.
Cette propagation de l'Enseignement du Bouddha vous
permettra d'étudier et connaître la voie du Bouddha.

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mục Lục / Sommaire

<p><input type="checkbox"/> Tờ Phật pháp / La Revue BouddhaDharma phát hành mỗi kỳ hai tháng / Edition bimestrielle.</p> <p><input type="checkbox"/> Chủ Nhiệm / Directeur de publication : Vén. Thích Minh Định.</p> <p><input type="checkbox"/> Kỹ thuật máy vi tính / Technicien de l'ordinateur : Đỗ Lưu Vương.</p> <p><input type="checkbox"/> Phụ tá đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Chú Hoàng Minh, Trần Xuân Tiến.</p> <p><input type="checkbox"/> Les correcteurs des textes : Lý Thị Minh Nguyệt.</p> <p><input type="checkbox"/> Ban phát hành : Thích Nu Dam Nhu, Nguyễn Quang Lý, Anh Chị Phạm Tấn Lộc, Diệp Văn Thọ, Cô Vi, Cô Hồng, Anh chị Lethong Savanh Hảo, Cô Cẩm Vân, Fahmat Fakine, Nguyễn Thị Kim Liên.</p> <p><input type="checkbox"/> Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang / Les Sutras publiés dans la revue BouddhaDharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.</p> <p><input type="checkbox"/> La revue BouddhaDharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.</p> <p><input type="checkbox"/> Mọi chi tiết xin liên lạc về : Chùa/Pagode Kim Quang 8 B rue Fontaine 93000 Bobigny - France Tel./fax : 01.48.50.98.66 kimquang@free.fr kimquangtu@hotmail.com</p>	<p><input type="checkbox"/> Kinh Hoa Nghiêm 3</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Pháp Hoa 6</p> <p><input type="checkbox"/> Kinh Lăng Nghiêm 9</p> <p><input type="checkbox"/> Pháp Ngữ 11</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Lăng Nghiêm 12</p> <p><input type="checkbox"/> Chú Đại Bi 14</p> <p><input type="checkbox"/> Đại Trí Độ Luận 16</p> <p><input type="checkbox"/> Thiền Thất Khai Thị 18</p> <p><input type="checkbox"/> Cuộc Đời Như Mộng Như Bóng 20</p> <p><input type="checkbox"/> Sám Hối Tức Là Sửa Lỗi . . . 21</p> <p><input type="checkbox"/> Giữ Cửa Và Xả Cửa 22</p> <p><input type="checkbox"/> Nói Chuyện Đầu Năm 24</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Dharma De La Fleur 27</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Shurangama 30</p> <p><input type="checkbox"/> Le Mantra Shurangama 33</p> <p><input type="checkbox"/> Le Mantra De La Grand . . . 35</p> <p><input type="checkbox"/> Le Sutra Du Vajna Prajna 37</p> <p><input type="checkbox"/> Le Bouddha Parle Le Sutra . . . 39</p> <p><input type="checkbox"/> Chant De L'Illumination 41</p> <p><input type="checkbox"/> Se Repentir Permet . . . 42</p> <p><input type="checkbox"/> La Vie Est Un Rêve, Un Mirage 44</p> <p><input type="checkbox"/> Garder Et Dépenser Ses Richesses 45</p> <p><input type="checkbox"/> Parlons d'Histoire du Nouvel An 46</p> <p><input type="checkbox"/> Le Souvenir De La Vie . . . 49</p> <p><input type="checkbox"/> L'Histoire Du Bouddha 51</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

KINH HOA NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Lại có vô lượng Tu Dạ Ma Thiên Vương. Đó là : **Thiện Thời Phần Thiên Vương. Khả Ái Lạc Quang Minh Thiên Vương. Vô Tận Huệ Công Đức Tràng Thiên Vương. Thiện Biến Hóa Đoan Nghiêm Thiên Vương. Tổng Trì Đại Quang Minh Thiên Vương. Bất Tư Nghì Trí Huệ Thiên Vương. Luân Tề Thiên Vương. Quang Diệm Thiên Vương. Quang Chiếu Thiên Vương. Phổ Quán Sát Đại Danh Xưng Thiên Vương.**

Lại có vô lượng vô biên Tu Dạ Ma Thiên Vương. Tu Dạ Ma Thiên là tầng trời thứ ba thuộc dục giới, ở trên không núi Tu Di, đã tách khỏi mặt đất, cho nên gọi là "cư không thiên" (trời ở trên không). Tu dịch là "thiện", Dạ Ma dịch là "thời", vì tùy thời thọ hưởng dục lạc, cho nên gọi là Trời Thiện Thời Phần.

Cõi trời này chẳng có ánh sáng mặt trời mặt trăng, dùng hoa sen nở và khép lại làm ngày và đêm. Hoặc là hoa sen đỏ nở làm ngày, hoa sen trắng nở làm ban đêm, cho nên gọi là Trời Thời Phần.

Cõi trời này tự nhiên có ánh sáng. Thân chư thiên tự phóng ra ánh sáng, chiếu khắp trời đất. Người tu thượng phẩm thập thiện và thiền định thì có thể sinh về cõi trời này, hưởng thọ khoái lạc đặc biệt thù thắng. Nhưng phước trời hưởng hết rồi thì trở lại luân hồi tùy theo nghiệp lực mà thọ sinh tử.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ nhất tên là Thiện Thời Phần. Vì vị này là chúa cõi trời Tu Dạ Ma, quản lý chúng sinh cõi trời này, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ hai tên là Khả Ái Lạc Quang Minh. Vì vị này thích khoái lạc và thích quang minh, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ ba tên là Vô Tận Huệ Công Đức Tràng. Vì vị này có trí huệ vô cùng vô tận, lại có công đức vô lượng vô biên sáng giống như tràng báu, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ tư tên là Thiện Biến Hóa Đoan Nghiêm. Vì vị này khéo về biến hóa vừa đoan chánh vừa trang nghiêm, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ năm tên là Tổng Trì Đại Quang Minh. Vì vị này tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa, có cảnh giới đại phóng quang minh không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ sáu tên là Bất Tư Nghì Trí Huệ. Vì vị này có đại trí huệ không thể nghĩ bàn, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ bảy tên là Luân Tề. Vì vị này quản lý chúng sinh trong lục đạo về vấn đề sinh sinh tử tử, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ tám tên là Quang Diệm Thiên Vương. Vì quang minh của vị này phóng ra thường có lửa ngọn, chiếu triệt tất cả đen tối, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ chín tên là Quang Chiếu. Vì vị này phóng quang chiếu khắp thế gian, khiến cho chúng sinh đắc được lợi ích, cho nên được tên này.

Vị Tu Dạ Ma Thiên Vương thứ mười tên là Phổ Quán Sát Đại Danh Xưng. Vì vị này quán sát khắp hết tất cả chúng sinh trong thế gian, ai có đại danh xưng, ai là đại thiện nhân, ai là đại hiếu tử, ai là người tu hành, ai là người có đạo đức, do đó được tên này.

Có vô lượng số Tu Dạ Ma Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị đó siêng năng tu tập căn lành rộng lớn, tâm thường hoan hỷ biết đủ.

Mười vị Tu Dạ Ma Thiên Vương này làm thượng thủ trong các Thiên Vương. Số lượng chư Thiên Vương cũng vô lượng vô biên, không thể tính đếm được.

Những vị Tu Dạ Ma Thiên Vương này đều siêng tinh tấn tu hành và học tập, tu căn lành rộng lớn

tức là tu phước tu huệ. Đồng thời tu học vô thượng Phật đạo, tức là nghiên cứu kinh điển, y giáo phụng hành. Cho nên tâm của họ thường thanh tịnh khoái lạc vô ưu, thường sinh hoan hỷ và tri túc. Do đó “ Sự năng tri túc tâm thường lạc.”

Lại có các vị Đâu Xuất Đà Thiên Vương nhiều không thể nghĩ bàn. Đó là : Tri Túc Thiên Vương. Hỷ Lạc Hải Kế Thiên Vương. Tối Thắng Công Đức Tràng Thiên Vương. Tịch Tĩnh Quang Thiên Vương. Khả Ái Lạc Diệu Mục Thiên Vương. Bảo Phong Tịnh Nguyệt Thiên Vương. Tối Thắng Dũng Kiện Lực Thiên Vương. Kim Cang Diệu Quang Minh Thiên Vương. Tinh Tú Trang Nghiêm Tràng Thiên Vương. Khả Ái Lạc Trang Nghiêm Thiên Vương.

Lại có các vị Đâu Xuất Đà Thiên Vương số nhiều không thể nghĩ bàn. Đâu Xuất Đà dịch là "tri túc", hoặc là "hỷ túc". Vì hoan hỷ tri túc, chẳng có tâm tham. Cung trời này phân làm nội viện và ngoại viện. Phạm là Bồ Tát bồ làm Phật, đều ở nội viện này, đợi khi nhân duyên chín mùi thì nương voi trắng sáu ngà hàng lâm xuống nhân gian để làm giáo chủ. Giáo chủ vị lai là Bồ Tát Di Lạc. Bây giờ Ngài đang ở nội viện, giảng kinh thuyết pháp. Đợi kiếp tăng đến bốn vạn tám ngàn tuổi, lại giảm xuống còn tám vạn tuổi thì Ngài hàng lâm xuống nhân gian. Lúc đó máu huyết con người màu trắng. Bây giờ bạn nhất định không tin, nhưng đến lúc đó không tin cũng sẽ tin.

Bồ Tát Di Lạc tu từ tâm tam muội, pháp môn tri túc hỷ lạc, cho nên thiên chúng ở đây chẳng có phiền não, chẳng có đau khổ, chỉ có khoái lạc. Tại sao ? Vì tri túc cho nên tâm thường an lạc.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Tri Túc. Vì vị này luôn luôn biết đủ, cho nên tâm thường khoái lạc. Nhẫn được thì yên, biết đủ thì vui, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Hỷ Lạc Hải Kế. Vì vị này hoan hỷ khoái lạc nhất, tuyệt đối chẳng có phiền não, tâm của vị này rộng lớn như biển cả, ý niệm thanh tịnh như bảo kế, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Tối Thắng Công Đức Tràng. Vì công đức của vị này thù thắng nhất, trang

nghiêm mà sáng giống như trăng báu, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Tịch Tĩnh Quang. Vì quang minh của vị này tịch tĩnh, thanh tịnh đến cực điểm, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Ái Lạc Diệu Mục. Vì mắt của vị này mỹ diệu phi thường, thường phóng quang minh, ai thấy cũng đều sinh tâm hoan hỷ, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Bảo Phong Tịnh Nguyệt. Vì vị này giống như núi Bảo Phong, lại giống như trăng thanh tịnh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Tối Thắng Dũng Kiện Lực. Vì vị này có đại lực thù thắng chẳng sánh được, lại dũng cảm và kiên tráng, do đó mà đánh thắng được A Tu La, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Kim Cang Diệu Quang Minh. Vì thân thể của vị này là Kim Cang làm thành, thường phóng ra quang minh vi diệu, anh dũng thiện chiến, A Tu La từ xa thấy hình mà sợ, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Tinh Tú Trang Nghiêm Tràng. Vì vị này có thần thông lực, khiến được nhị thập bát tú đều đến trang nghiêm tràng báu này, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Khả Ái Lạc Trang Nghiêm. Vì vị này có tướng trang nghiêm thù thắng, khiến cho chúng sinh sanh ra vui thích và khoái lạc, cho nên được tên này.

Có các vị Đâu Xuất Đà Thiên Vương số nhiều không thể nghĩ bàn như vậy làm thượng thủ. Các vị đó đều siêng năng trì niệm danh hiệu của tất cả chư Phật.

Mười vị trời Đâu Xuất Đà này làm thượng thủ trong Đâu Xuất Đà Thiên Vương. Ngoài ra còn có vô lượng vô biên số Thiên Vương nhiều không thể nghĩ bàn.

Những vị Thiên Vương này đều luôn luôn niệm Phật, trì danh hiệu chư Phật trong mười phương ba đời, tinh tấn lại tinh tấn, không giải đãi phóng dật, thường niệm danh hiệu Phật. Ở trên là chúng thứ năm Đâu Xuất Đà Thiên Vương.

Lại có vô lượng Hóa Lạc Thiên Vương. Đó là : Thiên Biến Hóa Thiên Vương.

**Tịch Tĩnh Âm Quang Minh Thiên Vương.
Biến Hóa Lực Quang Minh Thiên Vương.
Trang Nghiêm Chủ Thiên Vương. Niệm
Quang Thiên Vương. Tối Thượng Vân Âm
Thiên Vương. Chúng Diệu Tối Thắng
Quang Thiên Vương. Diệu Kế Quang Minh
Thiên Vương. Thành Tụ Hỷ Huệ Thiên
Vương. Hoa Quang Kế Thiên Vương. Phổ
Kiến Thập Phương Thiên Vương.**

Lại có vô lượng vô biên Hóa Lạc Thiên Vương. Hóa là biến hóa, lạc là lạc đủ. Thiên chúng cõi trời này, bằng phước lực của mình, có cảnh giới toại tâm như ý, những gì mình mong muốn, biến hóa ra được các loại âm nhạc, ai ai cũng có thiên tài diễn tấu âm nhạc, lại có năng lực thưởng thức âm nhạc, cho nên ở cõi trời này chỉ biết vui mà không biết sầu.

Nói về Thiên Biến Hóa Thiên Vương, vị Thiên Vương này khéo về biến hóa, biến hóa ra các loại nhạc khí mà tự vui vẻ, tuyệt đối không xâm phạm người khác, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ nhất tên là Tịch Tĩnh Âm Quang Minh. Vì âm thanh của vị này tịch tĩnh, tuy nhiên tịch tĩnh nhưng có quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ hai tên là Biến Hóa Lực Quang Minh. Vì sức biến hóa của vị này không thể nghĩ bàn, biến hóa ra bảy báu để trang nghiêm cung điện, lại biến hóa ra hoa sen năm màu thanh tịnh, đều sáng lạng chẳng có gì sánh được, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ ba tên là Trang Nghiêm Chủ. Vì vị này trang nghiêm cung điện của chư thiên, lại trang nghiêm tất cả đạo tràng, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tư tên là Niệm Quang. Vì vị này thường niệm Phật, từ trong miệng phóng ra quang minh, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ năm tên là Tối Thượng Âm Vân. Vì âm thanh của vị này tối cao, cao thâu tận trên mây, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ sáu tên là Chúng Diệu Tối Thắng Quang. Vì vị này có rất nhiều cảnh giới không nghĩ bàn, không những tối thù thắng mà còn sáng nhất, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ bảy tên là Diệu Kế Quang Minh. Vì diệu kế của vị này thường phóng quang minh, chiếu khắp thế gian, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ tám tên là Thành Tụ Hỷ Huệ. Vì vị này thành tựu được trí huệ hỷ lạc, khiến cho chúng sinh cũng thành tựu trí huệ này, cho nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ chín tên là Hoa Quang Kế. Vì liên hoa quang của vị này giống như bảo kế, nên được tên này.

Vị Thiên Vương thứ mười tên là Phổ Kiến Thập Phương. Vì vị này ngồi tại bốn tòa mà thấy khắp tất cả thế giới trong mười phương, cho nên được tên này.

Có vô lượng số Hóa Lạc Thiên Vương như vậy làm thượng thủ. Các vị đó đều siêng năng điều phục tất cả chúng sinh, khiến cho họ được giải thoát.

Mười vị Hóa Lạc Thiên Vương này làm thượng thủ trong Hóa Lạc Thiên Vương, ngoài ra còn có vô lượng vô biên, không cách chi tính đếm được. Những vị Hóa Lạc Thiên Vương này đều siêng năng điều phục những chúng sinh không nghe lời, khiến cho họ tuân theo quy cụ giữ giới luật, đắc được pháp môn giải thoát, ra khỏi ba cõi biến sinh tử, đạt đến bờ Niết Bàn bên kia. Trên đây là chúng thứ sáu Hóa Lạc Thiên Vương. (còn tiếp)

KINH PHÁP HOA

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Điều Tần Tam Tạng Pháp Sư Cư Ma La Thập

Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Chúng ta có đại tín tâm chân chánh đối với Phật pháp thì chúng ta cũng là đại Bồ Tát. Trong Kinh Kim Cang có nói : "*Cho đến trong một niệm sinh niềm tin thanh tịnh, thì phước đức ấy thắng hơn dùng bảy báu bố thí ba ngàn đại thiên thế giới.*" Công đức của một niệm tin thanh tịnh của bạn, đồng như dùng bảy báu để bố thí cho tất cả thế giới, mà Đức Như Lai hoàn toàn biết tâm niệm này của bạn, không thể khiến cho luống qua. Cho nên chúng ta là người học Phật pháp, đều phải đem niềm tin chân chánh ra, mới có thể đắc được sự tương ứng.

1. Hiểu đại lý : Trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : Tin, hiểu, hành, chứng. Do đó hiểu đại lý thì phải y chiếu tín tâm, trước hết phải tin, sau mới hiểu, rồi thực hành, cuối cùng sẽ chứng đắc. Đại lý là gì ? Tức là minh bạch tất cả chúng sinh vốn là Phật, tức cũng là "lý tức Phật" ở trong sáu tức Phật. Nói theo lý thì mỗi chúng sinh đều là Phật, nhưng phải tu hành mới thành Phật được. Nếu không tu hành mà cứ nói mình là Phật thì chẳng ích gì. Ví như bạn tự phong làm vua, suốt ngày tự hô : Ta là hoàng đế ! Ta là hoàng đế ! Nhưng chẳng có văn võ bá quan đến bảo hộ bạn, chẳng có nhân dân để chỉ trì, nếu chẳng có, bạn chỉ là hoàng đế trống rỗng, có ích gì ? Cho nên theo lý mà nói thì tất cả chúng sinh vốn là Phật, nhưng phải tu hành mới trở về nguồn cội được, nhận thức bốn lai chân diện mục của mình. Tại sao phải minh bạch chúng sinh vốn là Phật ? Vì trí huệ thật tướng không lìa tâm chúng sinh, đều đầy đủ trong mỗi tự tính của chúng sinh, cho nên phải hiểu đại lý.

2. Tu đại hạnh : Đại Bồ Tát siêng tu lục độ vạn hạnh : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

A. Bố thí : Gồm bố thí tài, bố thí pháp, bố thí không sợ hãi.

a. Bố thí tài lại có nội tài (đầu, mắt, tủy, não), và ngoại tài (ngai vàng, vợ con). Hành Bồ Tát đạo là chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, cho nên Bồ Tát xả bỏ tất cả, bố thí cho mọi người.

b. Bố thí pháp, tức là thuyết pháp lợi sinh, vì Chúng sinh mà thuyết giảng Phật pháp. Cho nên người học Phật pháp, đều phải học tập giảng Kinh thuyết pháp, để thuyết giảng cho mọi người nghe. Nếu biết chút ít thì nói chút ít, biết nhiều thì nói nhiều, tùy theo sự hiểu biết của mình mà giảng giải cho người nghe, đó tức là bố thí pháp, dùng pháp để bố thí giáo hóa chúng sinh.

c. Bố thí không sợ hãi, tức là nếu có người gặp hoàn cảnh bất như ý hoặc tai nạn, trong tâm sợ hãi âu lo, mà lúc đó bạn an ủi họ, khiến cho họ tiêu trừ hết tất cả sợ hãi lo âu, tâm được yên ổn.

B. Trì giới : Giới có năm giới, tám giới, mười giới, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, giới Tỳ Kheo, giới Tỳ Kheo Ni.

C. Nhẫn nhục : Là phương pháp hữu dụng nhất, nếu bạn nhẫn nhục được, thì giống như lượm được báu vật vậy. Có câu chuyện này tôi đã từng nói qua : Có vị tu hành tu hạnh nhẫn nhục ghi câu "Tính của tôi như tro" dán lên ở trước cửa. Ý nghĩa câu đó là tính của vị đó chẳng có lửa, chưa bao giờ nóng giận. Vị tu hành này ngày đêm tinh tấn dụng công, tính tình tu rất là nhu hòa. Lúc đó, có vị Bồ Tát đến khảo nghiệm đạo hạnh của vị đó. Bồ Tát đến trước cửa của vị đó hỏi : "Mấy chữ này là chữ gì ?" Đáp : "Tính như tro." Lát sau Bồ Tát trở lại hỏi nữa : "Tám đó biên cái gì vậy ? Tôi chẳng nhớ rõ." Đáp : "Tính như tro." Cứ như thế trở lại hỏi mấy lần, cuối cùng vị tu hành nổi lửa sân lên, lớn tiếng la lớn : "Tính như tro ! Tính như tro ! Ông có nghe không ! Ông có nghe không ! Cứ đến nhiều loạn sự tu hành của tôi." Bồ Tát cười nói : "Té ra tro vẫn còn lửa." Nói xong vọt thân lên hư không biến mất. Bạn biết vị Bồ Tát này là ai chăng ? Đó là Bồ Tát Quán Thế

Âm đến khảo nghiệm ông ta, kết quả tu mấy chục năm tính như tro nhưng vẫn còn lửa. Trước khi Bồ Tát Quán Âm đi có nói : "Người hãy tiếp tục tu hành, hai mươi năm sau ta sẽ đến nữa." Do đó đủ thấy nhãn nhục là việc cực đoan chẳng dễ dàng, quan trọng nhất là chẳng còn nóng giận.

D. Tinh tấn : Gồm thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Thân tinh tấn là : Lạy Phật, tụng Kinh, trì Chú .v.v., ngày đêm sáu thời đều tinh tấn dụng công, một phút một giây cũng không giải đãi phóng dật. Chân chánh dụng công chẳng phải cứ giả bề mặt bên ngoài, mà là tự mình chân thật dụng công, đứng ở trước mặt đại chúng tạo tác, giả vờ. Tâm tinh tấn là luôn luôn siêng tu giới, định, huệ, diệt trừ tham, sân, si.

E. Thiền định : Tham thiền đả tọa thì phải cần tinh tấn để trợ giúp, có tinh tấn thì tất có nhẫn nại ; có nhẫn nại tất tu được công đức, tham thiền đả tọa nhập định. Nếu chẳng tinh tấn, một nóng mười lạnh, tu một ngày, nghỉ mười ngày, thì vĩnh viễn cũng chẳng đắc được thiền định.

F. Bát Nhã : Bát Nhã là quan trọng nhất, người tu hành phải có trí huệ, thiếu trí huệ thì rất khó tu hành. Người có trí huệ thì bất cứ lúc nào cũng đều dụng công, thấy gì cũng đều là trí huệ, do đó : "Thúy trúc hoàng hoa vô phi Bát Nhã". Nghĩa là : Trúc xanh hoa vàng đâu chẳng phải là Bát Nhã trí huệ. Giống như tôi có một đệ tử nói với tôi : "Su huynh nào đó khi nói chuyện với con thì mắng con". Mắng ai ? Đó chẳng phải là ngu si chằng ! Nếu bạn có trí huệ thì y mắng bạn mà bạn không nhận sự mắng này thì sự mắng này trở về y ! Ví như có người ngửa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng bao lâu lại trở về mặt mình, hoặc là bạn có thể xem như người đó vì mình mà ca hát hoặc là nói tiếng ngoại quốc, như thế thì việc lớn sẽ hóa nhỏ, việc nhỏ chẳng còn nữa, đó mới là thật sự có trí huệ. Đừng trách cứ rằng : Y mắng chưởi tôi. Cứu kính : Tôi lại là ai ? Bồ Tát chẳng có tướng tôi, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng, như vậy còn cái tôi chằng. Người xuất gia phải sớm trừ khử cái tướng tôi, đừng để nó tồn tại sẽ có chướng ngại.

Bồ Tát còn phải quét sạch ba tâm : Tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai. Tâm quá khứ : quá khứ đã qua rồi, cho nên tâm quá khứ không thể được. Tâm hiện tại : nếu bạn nói bây giờ là hiện tại, nhưng từng sát na trôi qua không ngừng, cho nên

tâm hiện tại cũng không thể được. Tâm vị lai : vị lai thì chưa đến, do đó tâm vị lai cũng không thể được. Nếu bạn đã rõ ba tâm không thể được, thì còn có gì để chấp trước, không chấp trước tất cả thì tức là đắc được giải thoát, được tự tại thật sự.

Bồ Tát lại có bốn pháp nhiếp : bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

◎ Bố thí : Bồ Tát phải luôn luôn có tâm bố thí, bố thí khắp cho tất cả chúng sinh.

◎ Ái ngữ : Bồ Tát chẳng có tướng ta, cho nên đối với tất cả chúng sinh thường sinh tâm thương xót, xem chúng sinh như chính mình, chẳng có chút phân biệt ta người. Bồ Tát tự độ độ tha, đối với bất cứ chúng sinh nào cũng đều dùng lời dịu dàng ôn hòa để đối xử.

◎ Lợi hành : Tất cả chúng sinh đều thích sự lợi ích, cho nên Bồ Tát thường làm việc lợi ích cho chúng sinh.

◎ Đồng sự : Bồ Tát hóa thân trăm ngàn ức, thấy thân gì độ được họ thì hiện ra thân đó để độ họ. Khi Đức Phật hành Bồ Tát đạo thì vì muốn độ một bày nai má hóa thành thân nai để giáo hóa chúng, đó là một trong những đồng sự.

Hành Bồ Tát đạo thì khó hành mà hành được, khó xả mà xả được, khó nhẫn mà nhẫn được, khó nhường mà nhường được. Đó là những điều kiện tu hạnh Bồ Tát phải có.

3. Trải qua đại kiếp. Một kiếp tức là mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm. Một ngàn kiếp hợp lại làm một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp. Vậy Bồ Tát phải tu bao nhiêu kiếp ? Ba đại A Tăng Kỳ kiếp. A Tăng Kỳ là tiếng Phạn dịch là "vô lượng số". Cho nên làm Bồ Tát chẳng phải là việc dễ dàng, phải trải qua ba vô lượng số đại kiếp thời gian mới thành đại Bồ Tát.

4. Cầu đại quả : Bồ Tát cầu đại quả gì ? Ngài cầu quả vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là thành Phật.

Cho nên đại (Ma ha tát) đầy đủ bảy đại ý nghĩa này. Trong hội Pháp Hoa này có bao nhiêu đại Bồ Tát ? Có tám vạn người. Tám vạn người này đều đắc đại đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đó con đường này chỉ tiến về trước, cho nên nói : Đều không thối chuyển nơi đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác. Có ba bất thối chuyển.

1. Vị bất thối : Bồ Tát đại thừa không thối về quả vị nhị thừa.
2. Niệm bất thối : Đại Bồ Tát luôn luôn nghĩ nhớ hành Bồ Tát đạo, tu lục độ vạn hạnh, niệm niệm hướng về trước mà chẳng lui về sau, chưa từng nghĩ : Tôi không hành Bồ Tát đạo, mà làm tự liễu hán ! Bồ Tát không bao giờ khởi ý niệm như thế.
3. Hành bất thối : Bồ Tát tinh tấn không giải đãi, chỉ có tiến chứ chẳng có lùi.

"Đều đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài. Đà La Ni là tiếng Phạn dịch là tổng trì. Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Còn gọi là giá trì, hoặc là Chú. Đà La Ni là sinh thiện diệt ác, che (giá) ác, giữ (trì) thiện, nghĩa là không làm các điều ác, làm các điều lành và nghĩa là giới, đại đồng tiểu dị, bất quá giữ giới luật thì bạn tự mình giữ gìn, Đà La Ni thì trì tụng Chú, sức lực của Chú trợ giúp cho bạn dứt các điều ác, sinh các điều lành. Đà La Ni có rất nhiều thứ, Bồ Tát đều đắc được và còn đắc được nhạo thuyết biện tài, cũng có thể nói là đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài.

"Chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển." Chuyển bánh xe pháp là gì ? Bồ Tát thường chuyển bánh xe pháp tức là chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển. Ví như chúng ta hiện tại giảng Kinh thuyết pháp, hoặc phiên dịch Kinh ra tiếng Anh, tiếng ngoại ngữ khác, hoặc giới thiệu Phật pháp cho mọi người đều biết, đó đều là chuyển bánh xe pháp. Tất cả những công việc hoằng pháp, đều gọi là chuyển bánh xe pháp. Cho nên chúng ta là Phật giáo đồ đều phải coi công tác chuyển bánh xe pháp là trách nhiệm của mình, đem hết khả năng ra làm. Hơn nữa, hiện tại là thời đại khoa học, có máy in, máy đánh chữ, chúng ta lợi dụng những công cụ này lưu truyền rộng rãi những bản Kinh đã dịch ra tiếng nước ngoài quốc, khiến cho mỗi người đều có phần, đó tức là chuyển bánh xe pháp, khiến cho Phật pháp chảy mãi không ngừng, vĩnh viễn không dứt. Khi tôi còn thiếu thời tại Đông Bắc Trung Quốc, học Phật pháp chẳng bao lâu thì thích nhất là in Kinh Phật, in ra mấy trăm mấy ngàn bộ. Mỗi khi dịp lễ hoặc ngày sinh nhật của thân nhân bạn bè, thì tôi đều biếu cho họ làm quà, khiến cho họ sinh ra cảm hứng đối với Phật pháp, đó là tôi chuyển bánh xe pháp bất thối trước kia. Hy vọng mỗi người đều tận hết khả năng lưu truyền Phật pháp, khiến cho bánh xe pháp chuyển mãi không ngừng.

Đại Bồ Tát cúng dường vô lượng chư Phật ở nơi các đạo tràng của chư Phật trải qua vô lượng kiếp, vun bồi các gốc công đức lành. Bạn thường cúng dường Tam Bảo thì tức là vun bồi gốc rễ đức hạnh của chính mình. Cho nên tám vạn đại Bồ Tát này, thời khắc luôn luôn đều được chư Phật tán thán ca ngợi : "Thiện nam tử ! Ông hành Bồ Tát đạo bất thối chuyển, thật tốt thật không sai !"

Đại Bồ Tát dùng tâm từ bi giáo hóa chúng sinh, tu dưỡng thân mình. Các Ngài khéo đắc được trí huệ của Phật, thông đạt đắc được đại trí huệ, cho nên đến được bờ kia. Nếu đắc được đại trí huệ thì đến được bờ kia (Ba La Mật). Danh hiệu của tám vạn đại Bồ Tát này, vang khắp trong vô lượng thế giới, tất cả chúng sinh thường nghe thường niệm thường biết. Trong tất cả vô lượng vô biên thế giới, Bồ Tát độ giáo hóa vô số trăm ngàn Chúng sinh.

Tên của các Ngài là Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Túc, Bồ Tát Bảo Châu, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Bảo Nguyệt, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Mãn Nguyệt, Bồ Tát Đại Lực, Bồ Tát Vô Lượng Lực, Bồ Tát Việt Tam Giới, Bồ Tát Bạt Đà Bà La. Bồ Tát Di Lạc, Bồ Tát Bảo Tích, Bồ Tát Đạo Sư .v.v., các vị đại Bồ Tát như vậy gồm tám vạn người tụ hội.

Tám vạn vị đại Bồ Tát có tám vạn danh hiệu, nếu kể ra hết thì bộ Kinh Pháp Hoa này sẽ quá dài, cho nên chỉ đề ra mấy vị Bồ Tát đứng đầu trong số đó làm đại biểu.

Bồ Tát đại biểu đứng đầu có Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi. Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn dịch là Diệu Đức, Diệu Cát Tường. Vị Bồ Tát này trí huệ rộng lớn vô cùng, tư cách cũng già nhất. Trong quá khứ Ngài sớm đã thành Phật, hiệu là Long Chung Thượng Tôn Vương Phật, thành Phật rồi Ngài ẩn lớn hiện nhỏ, hành Bồ Tát đạo giáo hóa chúng sinh, trợ giúp Phật hoằng dương giáo hóa. Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Địa Tạng là bốn vị Đại Bồ Tát. Bồ Tát Văn Thù ở tại núi Ngũ Đài, là đạo tràng Ngài thường hiển hiện. Thần thông diệu dụng của Ngài thật là không thể nghĩ bàn. (còn tiếp)

KINH LĂNG NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Tiếp theo kỳ trước

Vậy, trì giới chính là:

“Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành.”

Có bao nhiêu loại giới? Giới có rất nhiều loại! Người tại gia học Phật sau khi quy y Tam Bảo, nếu muốn tiến thêm một bước, thì cần phải thọ Năm giới (Ngũ giới). Sau khi thọ Ngũ giới rồi, nếu muốn tiến tu thêm một bước, thì người tại gia có thể thọ Tám giới (Bát giới). Xa hơn nữa thì có Mười giới (Thập giới), tức là giới Sa di. Sau khi xuất gia và thọ Sa di giới, lại phải thọ hai trăm năm mươi giới nếu là Tỳ kheo, hoặc ba trăm bốn mươi tám giới nếu là Tỳ kheo ni. Bồ tát cũng có giới của Bồ tát. Bồ tát giới gồm có mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Mười giới trọng nếu phạm thì mang tội rất nặng, một khi đã phạm rồi thì không thể sám hối; phạm các giới khinh thì có thể sám hối, sửa đổi lỗi lầm.

Khi Phật sắp nhập Niết bàn, Tôn giả A Nan thỉnh Phật chỉ dạy bốn việc; một trong bốn việc đó là: “Khi Phật còn tại thế, chúng con lấy Phật làm Thầy, Phật là Sư phụ của chúng con. Thế sau khi Phật nhập Niết bàn, ai sẽ là Sư phụ của chúng con?”

Đức Phật bèn nói với ngài A Nan rằng: “Sau khi ta nhập Niết bàn, các ông phải lấy Giới làm Thầy.”

Đó là bảo người xuất gia, tất cả Tỳ kheo, Tỳ kheo ni phải “đi Giới vi Sư” (lấy Giới làm Thầy). Vì vậy, người tại gia nếu muốn cầu thọ giới, nhất

định phải đến gặp vị xuất gia để cầu giới. Và, vị xuất gia truyền trao giới thể này nhất định phải là Tỳ kheo, bởi vì Tỳ kheo ni không được phép truyền giới. (Trong giới luật của Phật, không cho phép Tỳ kheo ni truyền giới.) Vậy, giới có rất

nhiều loại như giới Sa di, giới Tỳ kheo, giới Bồ Tát. Chúng ta muốn tu Đạo thì nhất định phải thọ giới. Nếu quý vị có thể giữ gìn giới thể thanh tịnh thì sẽ được xinh đẹp, ngời sáng như ngọc lưu ly, vô cùng trân quý.

Trước đây mấy ngày, tôi có giảng về Luật sư Đạo Tuyên (đời Đường) ở núi Chung nam, Ngài do trì giới tinh nghiêm nên được thiên nhân đến cúng dường. Vì thế, giới đức vô cùng quan trọng! Người học Phật nếu không thọ trì giới luật, thì tu thế nào cũng chỉ như cái bình thủng đáy, đổ bao nhiêu nước vào đều chảy ra ngoài hết cả!

Thân thể của chúng ta là thân hữu lậu, có sự lậu thoát. Nếu quý vị có thể trì giới thì lâu dần sẽ trở thành vô lậu. Đạo lý hữu lậu này, tôi nay không thể công khai giảng cho quý vị được. Quý vị nào muốn học pháp môn vô lậu thì cứ từng người một thưa hỏi, tôi sẽ giảng cho nghe, vì hiện giờ không thể công khai giảng được.

Giáo pháp mà tôi đang giảng đây vô cùng vi diệu ; thế nhưng, pháp tuy vi diệu, vẫn cần phải có "diệu nhân" (người vi diệu) đến thỉnh mới được. Vị "diệu nhân" này chính là ông Ron Epstein, pháp danh Quả Dung. Khoảng bốn, năm năm trước, khi Phật Giáo Giảng Đường còn đang ở đường Sutter thì ông ta có đến rồi. Lần đó, ông đến Phật Giáo Giảng Đường học ngồi thiền cũng được một thời gian ; nay được nghỉ hè nên ông lại đến. Nếu như trước kia thì có lẽ ông đã nhân dịp này mà đi xem phim, hoặc là đi đá độ, đánh bài, hoặc tìm trò vui chơi giải trí ở những nơi khác rồi ; thì nay tại sao lại đến đây ? Bởi ông ta đã bị lừa. Bị lừa về chuyện gì ? Bị lừa về học Kinh Lăng Nghiêm !

Có nhiều người vừa nghe nói "bị lừa" là trong lòng thấy chán nản, nói : "Lần này là chết rồi ! Bị gạt rồi !" Tại sao bị gạt ? Bởi

Pháp hội Lăng Nghiêm lần này là một Pháp

hội gian khổ nhất, và cũng là một Pháp hội khó khăn nhất—mỗi ngày đều phải học từ sáu giờ sáng đến chín giờ tối. Có người nói: “Ngay trong trường cũng không phải học nhiều như vậy!”

Nhưng trường học hiện nay của chúng ta là trường học “thoát ly sanh tử,” trường học “hành giải tương ứng.” Giảng *Kinh Lăng Nghiêm* là “giải,” tọa thiền là “hành”—giải hành cùng tiến, sự hiểu biết và hành trì phải đi đôi với nhau; đó mới gọi là “chân đạp thực địa, thân hành thực tiễn,” một chút cũng không được cầu thả dễ dãi, một chút cũng không được lừa dối chính mình. Nếu quý vị đối người thì cũng chính là đối mình. Nay tôi nói quý vị bị gạt rồi, thật ra đó không phải là lừa gạt. Đó chẳng qua là để giúp quý vị giải quyết vấn đề sanh tử của chính mình, và đem lại lợi ích lớn lao nhất cho quý vị trong tương lai, cho nên quý vị nhất định phải “giải, hành” đồng thời tu tập.

Giảng về “giải hành cùng tiến,” nay tôi đưa ra một ví dụ: Có một người bị mù và một người bị liệt nọ sống chung với nhau, và trong nhà còn có vài người khác nữa để giúp đỡ họ. Một hôm, mọi người đều đi vắng—không phải họ đến Phật Giáo Giảng Đường để học *Kinh Lăng Nghiêm* đâu, mà là đi câu cá, đi tắm biển, đi *shopping*, mua sắm...., nói chung là đi làm những việc mà người thế gian ưa thích—chỉ còn người mù và người liệt ở nhà.

Bất ngờ, cũng vào hôm đó, căn nhà của họ bị cháy. Quý vị nghĩ xem, họ phải làm gì bây giờ? Người mù thì không thấy đường nên chẳng biết đâu mà chạy; người liệt tuy nhìn thấy, nhưng lại chẳng thể chạy đi đâu được cả. Quý vị nói có oái oăm, nguy hiểm không chứ!? Người mù sắp bị chết thiêu, người liệt cũng sẽ bị chết cháy!

Lúc đó, có một vị Thiện tri thức đến nói với họ rằng: “Hai ông có thể thoát hiểm, ra khỏi căn nhà cháy này. Chỉ cần lấy mắt của người liệt cho người mù dùng, lấy chân của người mù cho người liệt mượn. Bấy giờ, hai ông sẽ kết hợp với nhau giống như ‘con lang, con bối’ vậy, cùng tương trợ,

đỡ đỡ cho nhau.”

Lấy “con lang con bối” để so sánh, thì hình dung có hơi quá đáng; nhưng tôi ngại rằng mọi người không hiểu, nên phải đưa ra một ví dụ cụ thể mà thôi. Vậy, đem chân người mù cho người liệt mượn, lấy mắt người liệt cho người mù dùng, là như thế nào? Có phải là móc mắt của người liệt ra rồi đập vào chỗ con mắt của người mù không? Nếu thế thì không có bác sĩ, không thể làm phẫu thuật được, đâu có móc mắt ra cũng chẳng có ích lợi gì. Nếu đem chân của người mù ghép vào chân người liệt, cũng không phải dễ dàng làm được, mà cũng không có bác sĩ chuyên môn. Vậy phải làm sao đây? Đó gọi là “nhân sự chế nghi, thông quyền đạt biến,” tức là người mù công người liệt, người liệt chỉ đường cho người mù, bảo người mù đi qua phải, rẽ qua trái, hoặc cứ đi thẳng. Người mù có chân, nhưng không có mắt, không nhìn thấy, nên phải nghe theo lời chỉ dẫn của người liệt. Nhờ được vị Thiện tri thức chỉ bày, nên cả hai người đều có thể tự cứu mình thoát khỏi căn nhà lửa.

Giảng ý nghĩa này, mọi người không nên hiểu lầm ý của tôi mà nói rằng: “Thầy nói con là người mù! Thầy nói con là người liệt!”

Quý vị không phải là người mù hay kẻ liệt, tôi cũng không phải là kẻ liệt hay người mù; chẳng qua là tôi biết được đạo lý này nên dùng tỷ dụ như thế để giảng. Đây không phải nói về quý vị, cũng không phải nói về tôi; nhưng cũng là nói về quý vị, mà cũng là nói về tôi vậy!

Cho nên, chúng ta không nên tự mãn, không nên cho rằng mình đã hiểu biết rất nhiều, trí huệ mình đã rộng lớn. Bởi, nếu vậy, thì xin hỏi tại sao quý vị vẫn chưa thành Phật? Chính là vì quý vị quá tự mãn, cho rằng mình học được nhiều kiến thức! Kỳ thực, học cái gì thì bị cái đó chướng ngại, quý vị có trí thức nhiều thì bị trí thức chướng ngại; quý vị có năng lực lớn thì bị năng lực chướng ngại; mà có chướng ngại thì không thể thành Đạo được.

Nay chúng ta nên buông bỏ những tư tưởng phân biệt “tôi, anh, họ,” không cần tới chúng nữa. Hãy làm cho những tư tưởng này lắng xuống, an tĩnh, thanh tịnh, hãy làm cho bụng của mình trống không. Để làm chi vậy? Để chứa hương vị kỳ diệu như món “đề hồ” của diệu pháp vô thượng!

Tôi còn nhớ năm ngoái có một nữ cư sĩ (hiện nay cô đang học Tiến sĩ) thú nhận rằng trong đầu của cô “có rất nhiều rác, nhiều garbage, dọn dẹp không sạch được”; có đúng vậy không? Vậy, nay tôi sẽ dùng từ ngữ của cô và nói rằng: Chúng ta mỗi người hãy vứt bỏ những garbage trong đầu óc mình, quét sạch những tạp niệm căn bản trong tâm trí mình, rồi sau đó mới đi nghe giảng kinh, thì có thể được “một nghe ngàn ngộ,” dễ dàng hiểu rõ!

Nay nói tiếp về đề mục của kinh. “Chư Bồ Tát Vạn Hạnh”—“chư Bồ tát” tức là bao gồm tất cả các vị Bồ tát; “vạn hạnh” là muôn vàn công hạnh mà bậc Bồ tát phải tu tập. Bồ tát thì tu Lục độ Vạn hạnh; ở trên đã nói về hai độ là bố thí và trì giới, vậy còn bốn độ nữa.

Vậy, độ thứ ba là nhẫn nhục. Nhẫn nhục có ba loại là sanh nhẫn, pháp nhẫn và vô sanh pháp nhẫn.

Thứ tư là tinh tấn Ba la mật. “Tinh tấn” là hăng hái tiến tới phía trước, không lùi lại đằng sau. Trong *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, ở phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự có chép việc Bồ tát Dược Vương tự đốt thân cúng Phật—Ngài quán vãi chung quanh mình, rưới dầu thơm, rồi đối trước Phật tự đốt thân cúng dường. Nếu muốn biết rõ hơn, quý vị có thể nghiên cứu *Kinh Pháp Hoa*, ở phẩm Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự có nói rất rõ ràng.

Tại sao Bồ tát Dược Vương đốt thân cúng Phật? Vì cảm thấy ân đức của Phật rất sâu dày, rất lớn lao, không thể nào báo đáp được, cho nên Ngài quyết đem hết thân tâm tánh mạng của chính mình đốt lên để cúng dường Đức Phật. Thân Ngài cháy trong bao lâu? Rất lâu, lâu đến nỗi không thể kể xiết. (còn tiếp)

Pháp Ngữ của H.T Tuyên Hoá

☐ Người tu đạo thì giống như nước, lúc nào cũng có lòng khiêm tốn hạ mình, chẳng tranh công, chẳng tham đức. Chuyện gì tốt thì nhường người khác, việc gì xấu thì mình nhận hết.

☐ Vì sao thế giới sẽ có ngày bị hủy diệt? Vì người ta có tâm niệm thiện thì ít, mà tâm niệm ác thì nhiều. Sinh một ý niệm tốt thì trời đất sinh thêm chính khí. Khởi một niệm ác thì trời đất tăng thêm độc khí. Mình phải biến khí xấu thành khí tốt lành.

☐ Nếu như bạn chẳng tu hành thì dù đức Thích Ca Mâu Ni Phật có làm Sư phụ của bạn thì cũng chẳng có ích lợi gì.

☐ Khi mình niệm danh hiệu đức Quán Âm Bồ Tát, chớ nên thấy ai mình cũng nhìn lỗi lầm của họ. Nếu mình cứ chuyên môn tìm chuyện xấu của người thì cái khổ của mình chưa trừ hết. Gốc khổ chưa dứt tận.

☐ Vì sao con người có âu lo, buồn bã hay sợ hãi? Là vì người ta còn có ái dục. Khi ái dục đoạn dứt thì chẳng còn âu lo buồn bã, sợ hãi nữa.

☐ Vì sao thế giới sẽ có ngày bị hủy diệt? Vì người ta có tâm niệm thiện thì ít, mà tâm niệm ác thì nhiều. Sinh một ý niệm tốt thì trời đất sinh thêm chính khí. Khởi một niệm ác thì trời đất tăng thêm độc khí. Mình phải biến khí xấu thành khí tốt lành.

☐ Thân thể của mỗi người chúng ta là một địa ngục, chẳng qua mình không biết đó thôi.

☐ Tham thiền hay niệm Phật đều tốt cả. Chỉ cần mình chân thật tu hành thì có thể vượt qua được cửa sinh tử. Đến khi lâm chung sẽ chẳng có thống khổ, lòng không tham luyến, như nhập thiền định, tươi cười mà vắng sinh.

CHÚ LĂNG

NGHIÊM

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

33. SA HÊ DẠ GIA.

Kê : Liệt hoả viêm viêm nhiệt nan đương
Thủ tai hiện thời thất thái dương
Sơn khô hải can vô sinh vật
Thành trụ hoại không nghiệp mang mang.

Tạm dịch :

*Lửa mạnh hùng hực chịu không thấu
Nạn này đồng hiện bảy mặt trời
Núi khô biển cạn không vật sống
Thành trụ hoại không nghiệp mênh mông.*

Giải : Sa Hê Dạ Gia là "thần lửa". Thứ thần lửa này rất nóng vô cùng. Vì nóng quá cho nên nói : "Lửa mạnh hùng hực chịu không thấu." Rất lợi hại, nóng khiến người không chịu nổi. Nóng quá sẽ khiến người chết. Nạn lửa xuất hiện thì trên không trung có bảy mặt trời đồng thời cũng xuất hiện, thiêu hủy hết thủy sơn hà đại địa, biển cả cũng khô cạn, chẳng có vật gì còn sống sót lại. Lửa có thể thiêu đến cõi trời Sơ Thiên. Nhị Thiên và Tam Thiên cũng có tai nạn. Vậy trời Tứ Thiên có bảo đảm chăng ? Không. Cho nên nói : "Nếu tu được sinh về Trời Phi Phi Tướng", còn bị đọa lạc trầm luân. "Bất như Tây Phương quy khứ lai." Chẳng bằng đến Tây Phương thành Phật rồi nương thuyền từ bi trở lại giáo hóa chúng sinh. Tôi còn nhớ mười mấy năm về trước, tôi giảng về cõi Trời Tứ Thiên, có mấy người Mỹ hỏi : Trời "ngũ thiên" như thế nào ? Bạn xem, không hiểu Phật pháp rất buồn cười. "Thành trụ hoại không nghiệp mênh mông." Một tăng một giảm là một kiếp, bây giờ là kiếp giảm. Kiếp tăng thì một trăm năm thọ mạng của con người tăng một tuổi, thân người cũng cao thêm một tấc, kiếp giảm thì một trăm năm thọ mạng con người giảm một tuổi, thân người giảm xuống một tấc. Kiếp giảm thì từ tám vạn bốn ngàn tuổi giảm xuống đến mười tuổi thì sau đó mới tăng, tăng đến tám vạn bốn ngàn

tuổi. Một tăng và một giảm gọi là một kiếp. Một ngàn kiếp gọi là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp thành một trung kiếp, bốn trung kiếp thành một đại kiếp. Con người sống trên thế gian mấy mươi năm, cũng giống như một sát na (thời gian rất ngắn) nhắm mắt mở mắt mà thôi. Trong một sát na chẳng có gì lưu luyến, đừng xem nghiêm trọng như thế. Thế giới thành có hai mươi tiểu kiếp, trụ có hai mươi tiểu kiếp, hoại có hai mươi tiểu kiếp, không có hai mươi tiểu kiếp. Thành trụ hoại không trải qua bốn trung kiếp, hợp lại là một đại kiếp. Trong thành trụ hoại không mỗi người tạo không biết bao nhiêu là biển nghiệp. Cho nên nói "nghiệp mênh mông" không có bờ mé. Mỗi người có nghiệp cảm khác nhau, mỗi người có tư tưởng khác nhau, do đó mỗi người tạo nghiệp cũng khác nhau, nếu nghiên cứu kỹ càng thì vô cùng vô tận, mênh mông như biển cả không có bờ mé.

34. NAM MÔ BÀ GIÀ BÀ ĐẾ.

Kê : Quy mạng Thế Tôn Bạt Già Phạm
Vô tận Pháp Bảo diệu trạm nhiên
Thập phương hiền Thánh đồng tụ hội
Nhất tâm đánh lễ Thiên Trung Thiên.

Tạm dịch :

*Cuối đầu đánh lễ đáng Thế Tôn
Vô tận Pháp Bảo sáu vi diệu
Mười phương Thánh hiền cùng tụ hội
Một lòng đánh lễ Thầy trời người.*

Giải : Bà Già có sáu ý nghĩa, bây giờ lược giảng như sau :

1. **Tự tại** : Tức là không có vọng tưởng, có vọng tưởng thì không tự tại, tức là chạy đi, cho nên không tự tại, chạy đi đâu ? Bạn vọng tưởng cái gì thì chạy đến đó. Khởi vọng tưởng ăn thì chạy đến chỗ có đồ ăn. Khởi vọng tưởng mặc thì chạy đến tìm đồ mặc, cũng không tự tại. Cho nên nói :

*"Dấy niệm thì gì cũng có,
Bạc niệm thì gì cũng không.
Tâm ngừng niệm bạc giàu sang thật,*

Lòng dục dứt sạch thật giàu có.”

Bạn chẳng còn ham muốn gì nữa, cũng chẳng hướng vào trong cầu, cũng chẳng hướng ra ngoài cầu, cầu mà chẳng được thì là khổ. Người có khổ thì đừng nói đến giàu sang, đều là người nghèo. Có tâm tham thì có khổ, không có tâm tham, đến chỗ vô cầu thì không có lo lắng gì, vô sở cầu thì chẳng còn tham nữa, chẳng còn u sầu nữa. Tham ăn ngon, chỗ ở tốt, ngủ nhiều, tham không được thì có phiền não. Không biết bạn có kinh nghiệm gì chăng ? Nếu trong tâm thức dục thì trong miệng bèn khổ ghê lắm, giống như ăn lửa than, giống như bị lửa cháy. Dụng công cũng dụng chẳng tốt. “Tâm ngừng niệm bậc giàu sang thật - Lòng dục dứt sạch thật giàu có.” Nếu thật minh bạch hai câu này thì một đời dùng không hết, nói là nói như thế, chứ tâm tham thì không thể dừng lại, cho nên ưu sầu lo lắng đều có, lại sợ cái này, lại sợ cái kia, có sự sợ sệt thì không được chân chánh, đó đều là không tự tại. Phật vọng tưởng gì cũng chẳng có, tạp niệm gì cũng không sinh, cho nên tự tại nhất.

2. **Sí thịnh** : Cũng giống như lửa sáng rực, có một thứ quang minh. Trí huệ qung minh này phá hết thủy ngu si đen tối. Nếu việc đến mà sáng suốt rõ ràng thì không bị sự việc làm mê tức là sí thịnh.

3. **Đoan nghiêm** : Đoan là đoan chánh, chánh thì không lệch, ngồi thẳng ngay ngắn không ngã về trước, không dựa phía sau, không nghiêng bên trái, lệch bên phải. Nghiêm là luôn luôn không cầu thả, không sơ xuất, không phóng dật, không tùy tiện, không phải kỷ luật không nghiêm, mà chính mình tha thứ cho chính mình.

4. **Danh xưng** : Danh là danh dự, xưng là xưng tán. Danh xưng này chẳng phải cầu đến, chẳng phải mua danh chuộc tiếng khen, hoặc cố ý đối với người tốt, để người nói bạn tốt, mua được cái danh như thế thì không đúng, vậy người làm việc là một thứ phục vụ, chỉ hỏi lương tâm không hổ thẹn, mà đắc được danh dự mới là chân. Chẳng phải biểu diễn công phu cho người khác xem. Giúp đỡ kẻ khác phải vô sở cầu (không cầu gì hết), không cần kẻ khác cảm ơn bạn, nói với bạn một lời tốt, danh chân thật thì chẳng phải cầu đến, chẳng phải giả dạng tu hành để được tứ sự cúng dường ẩm thực, y phục, ngọa cụ, thuốc men. Dùng tâm giả dối để treo nhãn hiệu giả vào những

gì có được thì đều là giả, những vật chất của cải đều là giả. Chân thật thì không cần như thế, chỉ cần hết lòng đi làm. Cho đến tạp niệm nhỏ như sợi tóc cũng chẳng có, tuyệt đối không mưu đồ hư danh thích giả tốt. Bạn ôm ấp giả tốt đến khi chết rồi thì vua Diêm Vương sẽ hỏi bạn ôm ấp cái gì đó. Lúc đó bạn mới biết là hư danh, giả tốt là vô dụng, chỉ là một tân khách mà thôi. Bạn có thật thì danh tự nhiên sẽ đến, nhưng cũng không thể tồn tại thứ tâm như vậy. Bất cứ người phê bình đánh giá mình như thế nào, mình vẫn cứ làm ngay thật thì kết quả những gì bạn được đều là chánh. Nghĩ muốn đắc được kiết tường thì phải đừng có nóng giận. Phạm là người nóng giận, đều chẳng phải là chân cát tường, phải như Bồ Tát, luôn luôn từ bi vui vẻ, không nóng giận đó mới là cát tường.

5. **Tôn quý** : Tôn quý tức là tất cả sự việc phải làm một cách chân thật, đừng làm những việc không có giá trị, không chân thật thì không có giá trị.

6. **Bạt Già Phạm** : Đầy đủ sáu thứ ý nghĩa này. Sáu thứ ý nghĩa này đều rất bình thường, chứ không phải thần kỳ gì, nên hết lòng cung hành thực tiễn, đừng mang mặt nạ giả đi lường gạt người, đó là sáu nghĩa Bạt Già Phạm giải thích đơn giản rõ ràng. Bất cứ giảng giải Kinh điển gì, đều phải thực dụng, luôn thường dùng hàng ngày, đi đứng nằm ngồi đều dùng được. Sáu nghĩa này cũng là những công việc hành động mỗi ngày chúng ta đều dùng được, đừng thích những thứ cao xa, hoặc là nói được câu văn hay một chút thì cho rằng là tốt. Bất cứ Kinh điển hoặc nghĩa của Chú hiểu rõ thì phải thực hành, hoa mà không thật thì vô dụng. Câu thứ nhất “Quy mạng Thế Tôn Bạt Già Phạm.” Thế Tôn, Bạt Già Phạm đều là Phật, đây là Phật Bảo.” Vô tận pháp bảo thường tịch nhiên.” Đây là quy y Pháp Bảo, pháp là thanh tịnh không có tự tính, chỉ là phương pháp, không có thể tính, bạn dùng nó thì sẽ hiểu, sẽ có trí huệ. Nếu không hiểu, không dùng nó thì ngu si. Trạng nhiên thường tịch là vắng lặng, chẳng phải có hình có tướng.

“Thập phương hiền Thánh đồng tụ hội.” Đây là Tăng Bảo. Hiền Thánh tức Tăng Bảo, mười phương đại đức cao Tăng, đồng tụ hội với nhau. “Nhất tâm đánh lễ Thiên Trung Thiên.” Mười phương Tam Bảo đồng tụ hội với nhau vẫn phải lễ kính tất cả chư Phật, Phật là Thiên Trung Thiên. (còn tiếp)

Chú ãi Bi

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

60. Na La Cãn Trì.

Kê : Vi trần tướng hải vô lượng thân
Lục độ vạn hạnh cần canh vân
Hồi tiểu hướng đại bồ đề quả
Tự độ hoá tha Bát Nhã tâm.

Tạm dịch :

*Vô biên sắc tướng vô lượng thân
Sáu độ vạn hạnh siêng vun bồi
Bỏ nhỏ cầu lớn chúng bồ đề
Độ mình độ người mở trí huệ.*

61. Ta Bà Ha.

Kê : Chủng nhân kết quả thực thiện căn
Liễu sinh thoát tử yếu tự cần
Dững mãnh tinh tấn Ba La Mật
Ma Ha giác đạo diệu hành thâm.

Tạm dịch :

*Trồng nhân kết quả gieo căn lành
Chấm dứt sinh tử tự mình làm
Dững mãnh tinh tấn đến bờ kia
Con đường giác ngộ rất thâm sâu.*

"Na La Cãn Trì" dịch ra nghĩa là "ái hộ", tức là ái hộ tất cả chúng sinh, nghĩa cũng là từ bi. Câu này là "Bảo Bình Thủ".

62. Ma La Na La.

Kê : Bảo Ấn Thủ Nhân đại Bồ Tát
Kim phủ phách phá vô minh gia
Nhất thiết hữu tình phiền não đoạn
Tùng địa dững xuất bảo liên hoa.

Tạm dịch :

*Thủ Nhân Bảo Ấn của Bồ Tát
Nay phá đập tan nhà vô minh
Hết thấy hữu tình dứt phiền não
Từ đất vọt lên hoa sen báu.*

63. Ta Bà Ha.

Kê : Du hí thần thông hoá tam thiên

Mang hài đạp lã pháp vô biên
Phát hải triều âm kinh mê mộng
Noạ phụ lập chí ngoan giả liêm.

Tạm dịch :

*Du hí thần thông độ ba cõi
Ngọn cỏ đạp sóng pháp vô biên
Vang tiếng hải triều thức mê mộng
Kẻ nhược lập chí kẻ ngoan hiền.*

"Ma La Na La" là tiếng Phạn. "Ma La" dịch ra nghĩa là "như ý". 'Na La' nghĩa là "tôn thượng", tối tôn tối thượng.

Đây là "Quyên Tố Thủ Nhân", nếu có chuyện gì không an thì có thể khiến cho bạn được bình an. Không an là gì ? Ví như có bệnh, hoặc có chuyện gì không an, có chướng ngại gì, đó là những chuyện không an.

Quyên Tố Thủ này có rất nhiều hữu dụng. Ở trong Phật giáo gọi là Quyên Tố Thủ Nhân, ở trong Đạo giáo gọi là "khổn tiên thùng" dùng chỉ ngũ sắc làm sợi dây thùng. Bạn tu Thủ Nhân này thành công, bạn phóng dây thùng ra thì yêu ma quỷ quái, lị mị vọng lượng đều bị trói chặt; bị trói không thể đi được thì chúng phải đầu hàng bạn.

"Ta Bà Ha" cũng giống như nghĩa đã giảng ở trên.

64. Tất La Tăng A Mục Khê Gia.

Kê : Hoá hiện Dược Vương đại Bồ Tát
Trừ ôn diệt dịch cứu Hằng sa
Phổ khiến hữu tình ly tật khổ
Cam lồ biến sái hàm thức nhạ.

Tạm dịch :

*Hoá hiện đại Bồ Tát Dược Vương
Trừ diệt ôn dịch cứu vô số
Khiến khắp hữu tình lìa bệnh khổ
Cam lồ rưới khắp mầm hữu tình.*

65. Ta Bà Ha.

Kê : Quán hành khởi tu lễ Pháp Vương
Phước huệ trang nghiêm diệu đạo tràng

Nhược năng chứng đắc thâm Bát Nhã
Độ chư khổ ách ngộ Chân Thường.

Tạm dịch :

*Quán sát tu hành lay Pháp Vương
Phước huệ trang nghiêm đẹp đạo tràng
Nếu chúng được trí huệ thâm sâu
Qua khỏi khổ ách ngộ Chân Thường.*

"Tất La Tăng A Mục Khê Gia" là tiếng Phạn. Ý nghĩa của câu Chú này phải chia ra để dịch. "Tất La Tăng", nghĩa là "thành tựu, ái hộ", ái hộ tất cả chúng sinh.

"A Mục Khê Gia", dịch ra nghĩa là "bất không, bất xả". Bất không tức là có (hữu), Song có ở đây là diệu hữu. Bất xả tức là không bỏ một pháp nào; không bỏ pháp nào mà phải học tất cả các pháp. Cho nên nói : "Phật sự môn trung bất xả nhất pháp, chân như lý thượng bất lập nhất trần", tức là ý nghĩa này. Còn có một ý nghĩa nữa gọi là "ái chúng hòa hợp", ái hộ tất cả chúng sinh, hòa hợp với nhau. Thủ Nhãn này là "Việt Phủ Thủ Nhãn".

"Việt Phủ Thủ Nhãn", hay là khỏi tất cả hoạn nạn trong hoàng cung. Bạn tu pháp này thì không bị vương pháp câu thúc, mọi thời mọi nơi đều là khỏi hoạn nạn hoàng cung, chẳng có tai nạn ngục tù. Tai nạn ngục tù tức là phạm pháp bị ở tù. Có phải tu pháp này thì phạm pháp cũng không ngồi tù chăng ? Không phải, căn bản thì bạn sẽ không phạm pháp. Vì bạn tu pháp này thì bạn minh bạch Phật pháp, bạn đâu có phạm pháp. Cho nên bạn không phạm pháp thì đương nhiên chẳng có hoạn nạn hoàng cung. Vậy có người không phạm pháp cũng có hoạn nạn hoàng cung, đó là vì chẳng tu "Việt Phủ Thủ Nhãn" này.

66. Ta Bà Ma Ha A Tất Đà Dạ.

Kê : Hằng thuận chúng sinh giáo Ta Bà
Ngũ uẩn ác thế hoá quần ma
Sa lý đào kim cầu hiền kiệt
Thủy trung lao nguyệt bất bì xuyên.

Tạm dịch :

*Luôn thuận chúng sinh độ Ta Bà
Đời ác năm uẩn cứu quần ma
Trong cát tìm vàng cầu hiền kiệt
Trong nước mò trăng không một mới.*

67. Ta Bà Ha.

Kê : Vô tự chân kinh quả thân biên

Trí như đại hải định như sơn
Giới đức viên minh quang biến chiếu
Phổ nhiếp quần cơ độ hữu duyên.

Tạm dịch :

*Chân kinh không chữ mang theo mình
Trí như biển cả định như núi
Giới đức tròn sáng quang chiếu khắp
Nhiếp hết quần sinh độ kẻ có duyên.*

"Ta Bà": Các bạn đều biết, thế giới này gọi là thế giới "Ta Bà". "Ta Bà" dịch ra nghĩa là "kham nhẫn", còn có nghĩa nữa là "nhẫn ái", còn có ý nghĩa nữa là "thiện thuyết, thiện đạo", có ba ý nghĩa.

Kham nhẫn, ý nói chúng ta chúng sinh hay kham nhẫn chịu đựng thống khổ của thế giới Ta Bà. Sự khổ ở thế giới Ta Bà này quá nhiều, hay nhẫn khổ mà sinh ra tâm thương yêu. 'Thiện thuyết, thiện đạo' : Ý nói bạn cho thế giới Ta Bà này quá tốt, vẫn đến thế giới Ta Bà để làm người.

"Ma Ha": Là pháp đại thừa; pháp đại thừa là pháp Bồ Tát.

"A Tất Đà Dạ" dịch ra nghĩa là "vô lượng thành tựu", thành tựu chẳng có số lượng. Nghĩa là nói pháp Bồ Tát đại thừa cứu kính đạt đến bờ bên kia, vô lượng sự thành tựu.

Thủ Nhãn này là gì ? Là "Bồ Đào Thủ Nhãn". Nếu bạn tu thành tựu Bồ Đào Thủ Nhãn này thì trong miệng của bạn luôn luôn có vị ngọt giống như ăn bồ đào (nhô), thậm chí còn ngọt hơn nhô, hơn đường. Khi bạn tu pháp này thì bạn sẽ cảm giác trong miệng có một mùi vị ngọt, đây là sự tương ứng đầu tiên có cảm giác này. Nếu bạn trồng tất cả rau cỏ ngũ cốc, hết thảy các thứ thực vật trong vườn, nếu bạn tu Bồ Đào Thủ thì tất cả sâu bọ sẽ không ăn hoặc phá hoại mùa màng của bạn làm. Bạn tu Thủ Nhãn này thì sâu bọ sẽ bỏ chạy đi. Bạn tu pháp này thì những cây ăn trái mà bạn trồng như táo, lê, mận, ổi... đặc biệt trái rất mau chín, cũng có một vị ngọt đặc biệt. Cho nên Bồ Đào Thủ này cũng rất hữu dụng, vô lượng pháp đại thừa đều sẽ thành tựu.

"Tất La Tăng A Mục Khê Gia Ta Bà Ha": Ở trên là bản thân Dược Vương Bồ Tát, Ngài dùng đủ thứ thuốc để chữa trị đủ thứ bệnh cho chúng sinh. Còn câu Chú "Ta Bà Ma Ha A Tất Đà Dạ Ta Bà Ha" này là bản thân của Bồ Tát Dược Thượng. Ngài cũng dùng đủ thứ loại thuốc để vì chúng sinh chữa trị tất cả bệnh tật. (còn tiếp)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

HỎI : Nếu các A-la-hán sở tác dĩ biện, đã được lợi mình, không phải nghe pháp, tại sao khi thuyết Bát-nhã ba-la-mật cùng năm ngàn A-la-hán ?

ĐÁP : Các A-la-hán tuy sở tác dĩ biện (những gì cần làm đã làm xong), Phật muốn chỉ thậm thâm trí tuệ pháp thức như trong kinh Phật vấn Xá-Lợi-Phất, Kinh Ba-La-Duyên, kệ nói :

*Hết thấy các học nhân,
Và các số pháp nhân,
Người ấy chỗ hành pháp,
Nguyện vì nói như thực.*

Trong đây thế nào là học nhân ? Thế nào là số pháp nhân ?

Lúc bấy giờ, ngài Xá-Lợi-Phất lặng yên. Như thế, ba lần hỏi, ba lần lặng yên. Phật bèn chỉ nghĩa, bảo ngài Xá-Lợi-Phất : Có sinh không ?

Dạ, bạch đức Thế Tôn, có sinh.

Có sinh là muốn diệt pháp do hữu vi sinh nên gọi là học nhân ; lấy trí tuệ được pháp vô sinh nên gọi là số pháp nhân.

Lại nữa, dù hữu lậu hay vô lậu, các thiền định chưa được nên muốn được, đã được muốn cho bền sâu. Do đó, các A-la-hán ở bên Phật nghe pháp. Như kinh Nan-Đà-Ca nói : muốn đời nay vui nên nghe pháp.

Lại nữa, các A-la-hán ở bên Phật nghe pháp tâm không đủ chán, như trong kinh Côn-Lư-Đề-Ca nói ngài Xá-Lợi-Phất bảo Côn-Lư-Đề-Ca rằng : trong pháp, ta nghe không chán.

Lại nữa, chẳng nên gạn hỏi A-la-hán sở tác dĩ biện sao lại nghe pháp. Ví như người đã ăn no gặp được thức ăn ngon cũng còn ăn nữa, huống chi người đang đói mà nói không nên ăn !

Lại nữa, Phật trụ ở trong pháp giải thoát, các A-la-hán cũng trụ ở trong pháp giải thoát, trụ pháp tương ưng, quyến thuộc trang nghiêm. Như kinh Chiên Đàn Thí Dụ nói : có rừng chiên đàn, cây y lan vây quanh ; có chiên đàn, chiên đàn lấy làm từng lăm ; có y lan, y lan tự vây quanh. Phật và các A-la-hán cũng lại như thế.

Như núi Tu-Di Vương có mười núi báu vây quanh ; như bạch hương tượng vương có bạch hương tượng vây quanh. Cũng như thế, Phật là vô thượng phúc điền của thế gian cùng các đệ tử vây quanh chung ở.

KINH : Duy trừ A-Nan ở địa vị hữu học, chỉ đắc quả Tu-đà-hoàn.

Luận :

HỎI : Tại sao nói duy trừ A-Nan ?

ĐÁP : Trên đây tán thán các A-la-hán, ngài A-Nan không ở trong số này vì còn ở tình trạng phải học thêm, chưa ly dục.

HỎI : Ngài A-Nan là đệ tam sư pháp tướng của đại chúng, trông Niết-bàn từ vô lượng kiếp, thường gần Phật, trì pháp tạng, là bậc lợi căn, sao đến nay chưa ly dục mà còn ở địa vị hữu học ?

ĐÁP : Ngài A-Nan có bản nguyện như thế này : Ta là người đa văn, trong chúng là tối đệ nhất, thấu hiểu pháp của chư Phật và A-la-hán. Ở trong Phật pháp được luận bàn đại sự, phá giặc phiền não, cùng Phật ngồi trên giường giải thoát. Ngài A-Nan nghe hết thấy các Kinh, trì tụng thông lợi, nên trí tuệ nhiều, nhiếp tâm thì ít ; hai công đức ấy phải quân bình mới được đạo lậu tận. Bởi thế, trưởng lão A-Nan là học nhân Tu-đà-hoàn. Lại nữa, chư Phật không nhận A-la-hán làm thị giả, ngài A-Nan muốn được theo hầu Phật nên nghĩ rằng : nếu ta đắc đạo lậu tận sớm, thì phải xa lìa đức Thế Tôn, không được làm người cung cấp, cúng dàng. Vì thế ngài A-Nan tuy có thể đắc đạo A-la-hán mà tự chế không thủ lấy.

Lại nữa, những yếu tố địa điểm thời gian, nhân vật chưa hợp đúng lúc nên ngài A-Nan chưa đắc đạo. Phải đợi đến sau khi đức Thế Tôn diệt độ, ở núi Kỳ-Xà-Quật có một ngàn A-la-hán hội họp, quả trách mới đủ duyên để ngài A-Nan đắc đạo. Lại nữa, ngài A-Nan ít pháp yếm thế không như người khác vì ngài đời đời là dòng vua chúa, đoan chính, đẹp đẽ, ít người sánh bằng, phúc đức vô lượng, thường gần hầu hạ Phật, hẳn có nghĩ rằng : ta hầu gần Phật, biết pháp bảo tạng, đạo pháp lậu tận, ta không sợ mất. Vì thế ngài không cần cầu hết lậu.

HỎI : Tên của đại đức A-Nan do nhân duyên gì ?

ĐÁP : Do từ đời trước cũng có, do cha mẹ đặt cũng có và do nhân duyên mà đặt tên cũng có.

Tiền thân của đức Phật Thích Ca là một người thợ đúc ngói, tên là Đại Quang Minh. Lúc bấy giờ có đức Phật hiệu là Thích-Ca-Văn, đệ tử tên là Xá-Lợi-Phất, Mục-Kiền-Liên, A-Nan. Phật và đệ tử cùng đến nhà ông thợ đúc ngói nghỉ một đêm. Ông thợ đúc ngói giải tòa cỏ, đốt đèn, dâng nước, đường phèn, ba việc cúng dường Phật và Tỷ-Khưu Tăng, rồi phát nguyện rằng : tôi ở đời vị lai già, bệnh, chết, não, năm ác, làm Phật như nay tên Thích-Ca-Văn, danh tự các đệ tử cũng như đệ tử của Phật ngày nay. Bởi phát nguyện như vậy nên một đệ tử của Phật nay tên là A-Nan.

Lại nữa, ngài A-Nan đời đời nhẫn nhục trừ bỏ giận tức nên khi sinh ra tướng mạo đoan chính tốt đẹp. Cha mẹ thấy vậy, vui mừng đặt tên là A-Nan nghĩa là hoan hỉ.

Đó là nhân duyên đời trước. Và sau đây là do cha mẹ đặt tên chữ.

Xưa dòng Nhật chủng, vua tên là Sư-Tử-Giáp có bốn người con trai : Tịnh-Phạn, Bạch-Phạn, Hộc-Phạn, Cam-Lộ-Phạn và một con gái là Cam-Lộ-Vị. Vua Tịnh Phạn có hai con : Tất-Đạt-Đa và Nan-Đà. Bạch-Phạn vương có hai con : Bạt-Đề và Đề-Sa. Hộc-Phạn vương có hai con : Đề-Bà-Đạt-Đà và A-Nan. Cam-Lộ vương có hai con : Ma-Ha-Nam và A-Nậu-Lâu-Đà. Cam-Lộ-Vị nữ có một con tên là Thí-Bà-La. Tất-

Đạt-Đa Bồ-Tát dần dần lớn lên, bỏ ngôi chuyển luân thánh vương nửa đêm xuất gia, đi đến nước Âu-Lâu-Bệ-La bên sông Ni-Liên-Thiên, tu khổ hạnh sáu năm. Thời gian đó, vì yêu nhớ con nên vua Tịnh-Phạn thường sai người đi dò hỏi tin tức xem thái tử đã đắc đạo chưa hoặc có mệnh hệ gì chăng. Sứ về tâu vua rằng Bồ-Tát chỉ còn da bọc xương, rất là gầy yếu, sợ sống không được bao lâu nữa. Vua nghe rất là rầu rĩ.

Khi đó, Bồ-Tát bỏ xứ khổ hạnh, dùng bát bánh sữa bách vị, sức khỏe phục hồi, xuống tắm ở sông Ni-Liên-Thiên xong đến dưới gốc cây bồ-đề ngồi tòa kim cương mà tự thề rằng : ta ngồi nơi đây nếu không phá được phiền não, kết sử để thành nhất thiết trí, trọn không đứng dậy. Lúc đó, ma vương đem 18 ức chúng đến quyết cùng Bồ-Tát mất còn. Bồ-tát lấy lực trí tuệ đại phá ma quân khiến chúng phải rút lui. Rồi ma tự nghĩ rằng : không phá được bồ-tát thì đến làm não phụ vương, bèn đến chốn vua Tịnh-Phạn nói dối rằng con ông nửa đêm nay sẽ qua đời.

Vua nghe kinh sợ, ngã xuống đất như con cá ở bãi cát nóng. Vua khóc mà nói :

A-Di-Đà nói xuong,
Điềm lành cũng vô nghiệm !
Được lợi trung danh tốt,
Tất cả không được gì !

Cũng lúc đó, thần cây bồ-đề rất vui mừng, mang hoa trời mạn-đà-la, đến cung vua Tịnh-Phạn mà nói kệ rằng :

Con vua đã đắc đạo,
Ma chúng bị phá tan.
Quang minh như trời chiếu,
Rọi sáng khắp mười phương !
Hoan hỷ được lợi lớn,
Giải thoát tất cả khổ !
Nay sắp chuyển pháp luân,
Không gì chẳng thanh tịnh !

Vua phân vân không biết tin ai. Thần cây nói : tôi không nói dối, vừa rồi là ma vương nó ghen ghét với Phật nên đến làm não vua đó. (còn tiếp)

THIÊN THẤT KHAI THỊ

Tiếp theo kỳ trước

Một ngày nọ, Bách Trọng Thiên Sư kêu Ngài xem trong lò còn lửa chãng ? Ngài dùng đũa bếp bốc tro trong lò liền nói : "Không còn lửa", lúc đó Bách Trọng Thiên Sư tự mình đi bốc thử xem, phát hiện một ít lửa than, liền chỉ cho Linh Hựu Thiên Sư xem : "Đây không phải lửa chãng ?" Linh Hựu Thiên Sư hốt nhiên đại ngộ.

Bách Trọng Thiên Sư lúc đó biết Linh Hựu Thiên Sư đã khai ngộ, liền bảo Ngài đến Hồ Nam Ngưỡng Sơn kiến lập đạo tràng, hoằng dương Phật pháp, truyền tông môn độ chúng sinh. Tin tức này bị thủ tòa Hoa Lâm Thiên Sư biết, tâm có ý không phục, liền đến trước tòa Bách Trọng Thiên Sư tranh giữ chức phương trượng, liền nói với Bách Trọng Thiên Sư : "Con là thủ tòa, nếu muốn phái người làm phương trượng thì phái con trước mới đúng, còn Linh Hựu Thiên Sư bất quá là một danh鼎鼎 tòa mà thôi, có tư cách gì đến Ngưỡng Sơn làm phương trượng ?"

Bách Trọng Thiên Sư nói với thủ tòa Hoa Lâm Thiên Sư rằng : "Nếu người có thể khiến cho đại chúng đều phục thì ta phái người đi làm phương trượng". Liền chỉ tịnh bình nói "Nếu không gọi cái tịnh bình này là tịnh bình thì gọi nó là cái gì ?" Thủ tòa đáp : "Tịnh bình này không phải làm bằng cây, bất cứ thế nào cũng không gọi đó là cây". Lúc đó Bách Trọng thiên sư quay qua hỏi Linh Hựu Thiên Sư : "Ông nói là cái gì ?" Linh Hựu Thiên Sư lấy chân đá tịnh bình rớt xuống rồi quay đầu bỏ đi. Bách Trọng Thiên Sư cười và nói : "Đệ nhất tòa đầu tức sơn tử dã". Đây là đạo

lý gì ? Phàm là người khai ngộ, hiểu hết thấy đều không, vốn đều là không, còn gọi đó là cái gì ? cuối cùng thủ tòa bèn lạy Linh Hựu Thiên Sư. Sau đó Linh Hựu Thiên Sư đi thẳng đến núi Quy Sơn tạo Chùa Đồng Khánh, khai sáng phái Quy Ngưỡng Tông.

Linh Hựu Thiên Sư từ Giang Tây đến Hồ Nam Đại Quy Sơn, làm một cái lều tranh để ở tu. Loài thú cũng quây quần sống với nhau, hằng ngày khi hái trái cây mang đến cúng dường, thiên sư vì bày

khỉ mà quy y cho chúng. Do việc này mà một vị quan lớn ở Hồ Nam nghe tin, bèn phát tâm làm Chùa và nói với Ngài rằng: "Thừa tướng Phỉ Hưu là một Phật tử, tôi sẽ thỉnh mời ông ta làm Chùa cho Ngài". Thừa tướng Phỉ Hưu nghe nói có vị cao Tăng đạo hạnh, cho nên đến Quy Sơn bái phỏng Linh Hựu Thiên Sư, liền phát tâm đem ba trăm lạng bạc để trên cỏ ngoài lều tranh rồi bỏ về.

Ba năm sau, thừa tướng Phỉ Hưu đến núi thăm hỏi Linh Hựu Thiên Sư thì, thấy thiên sư vẫn còn ở tại lều tranh cũ, liền hỏi : "Thiên sư ! Tại sao vẫn chưa làm Chùa ?" Sau đó phát hiện nguyên lai ba trăm lạng bạc còn nguyên bất động tại chỗ cũ. Thừa tướng Phỉ Hưu cảm động đức hạnh thiên sư Linh Hựu lập tức khởi công kiến lập Chùa Đồng Khánh. Sau đó thừa tướng Phỉ Hưu viên tịch. Vị thừa tướng khác thay thế cũng phát tâm cúng dường ủng hộ Tam Bảo, giúp Linh Hựu Thiên Sư hoằng dương Phật pháp. Đến đời vua Đường Tuyên Tông khoảng năm 853 mùng 9 tháng giêng, Linh Hựu Thiên Sư hưởng đại chúng cáo biệt, ngồi kiết già viên tịch hưởng thọ 83 tuổi, húy là Đại Viên Thiên Sư, tháp hiệu là Thanh Tịnh. Linh Hựu Thiên Sư không vì ba trăm lạng bạc mà động tâm. Ba năm sau có thể thấy định lực của Ngài hơn người, đạo đức đầy đủ lại khiến cho bày khỉ và dã thú quy phục, cho nên :

*"Đạo cao long hổ phục,
Đức trọng quý thần khâm".*

Thừa tướng Phỉ Hưu thân thế địa vị cao, chỉ dưới một người mà trên hàng vạn người, giúp vua trị lý quốc chánh, cho nên không thể buông bỏ trọng trách đi xuất gia, liền cho con là Hàn Lâm học sĩ đến Chùa Đồng Khánh xuất gia, lạy Linh Hựu Thiên Sư làm thầy, pháp hiệu là Pháp Sư Pháp Hải. Trong Chùa giữ chức vụ gánh nước từ sáng đến tối, trong ba năm như một ngày, mồ hôi chảy nhễ nhại vì gánh nước cho Chùa cúng dường đại chúng.

Một ngày nọ Pháp Sư Pháp Hải lén đến thiên đường nhìn xem thử, thì thấy rất nhiều người ngồi thiền, tâm nghĩ : "Tôi mỗi ngày khổ cực gánh nước, các vị ở trong thiên đường ngủ, tôi là người có học vấn mà gánh nước cho các vị, mà các vị

chỉ biết ngủ". Nghĩ rồi liền rời khỏi thiền đường bèn nói với người bạn những gì vừa nghĩ, vừa nói hết, bị Linh Hựu Thiền Sư triệu đến nói : "Người sinh tâm cống cao ngã mạn, người không thể ở đây được", liền đuổi đi và cho tám đồng rưỡi tiền nói rằng : "Khi nào dùng hết tám đồng rưỡi tiền thì người lưu lại chỗ đó".

Pháp Sư Pháp Hải bèn rời khỏi Chùa Đồng Khánh, trở về Trường An, trên đường đi khát thực để độ qua ngày, không dám tiêu tiền, từ Hồ Nam Đại Quy Sơn đi đến Giang Tô trấn giang thì đi ngang qua trường giang tiền đồ quá đặc, chỉ có tám đồng rưỡi không đủ qua đò, liền thương lượng với chủ đò, có thể lấy nửa số tiền qua đò chăng ? Chủ đò nói : "Tám đồng rưỡi tiền, chỉ có thể đến hòn đảo giữa sông". Sau khi đến đảo rồi, lên núi tìm rễ cây, cỏ lá ăn thay cơm, sống ở trong hang động.

Một ngày nọ, lúc vô ý phát hiện trong động có ba hũ vàng, Pháp Sư Pháp Hải dùng số vàng đó làm Chùa gọi là "Kim Sơn Giang Thiên Tự" (Chùa Kim Sơn), trở thành đại tùng lâm nổi tiếng trong thiên tông. Cho nên có câu "Kim Sơn thối tử, Cao Mân hương", mọi người xa gần đều biết. Ở Chùa Kim Sơn, ngồi thiền thì ngồi kiết già, chân đau cũng không dám cử động bỏ xuống, một khi thân cử động, liền bị đánh hương bản. Cho nên quy cụ tham thiền ở Kim Sơn Giang Thiên Tự rất nghiêm khắc, cũng rất nổi danh. Chùa Cao Mân thì nổi danh về ngồi hương. Mỗi khi đốt một cây hương dài, ngồi cho đến khi nào cháy hết cây hương mới được bỏ chân xuống. Thời gian một chút cũng không thể khinh địch, rất có quy cụ. Kim Sơn Giang Thiên Tự kiến trúc rất hùng vĩ, có bảo tháp là một trong những đạo tràng quy mô của Trung Quốc. Cho nên có câu :

CUỘC ĐỜI NHƯ MỘNG, NHƯ BÓNG

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Có một bài kệ tụng, rất hợp đạo lý, nay xin đọc ra để tham khảo :

Bất cầu đại đạo xuất mê đồ

*"Kim Sơn thấy Chùa không thấy núi,
Cháy núi thấy núi không thấy Chùa".*

Hai hòn đảo tương đối xa xa, trở thành thắng địa của Phật giáo. Kim Sơn Tự nằm ngay Trấn Giang trong sông Trường Giang, hiện tại tương vận giao tiếp với bờ phía nam, trở thành bán đảo.

Lịch đại Trung quốc đến nay, đã trải qua nhiều lần thay triều đổi đại. Kim Sơn Giang Thiên Tự bị lửa thiêu hủy, sau do chính phủ trùng tu lại, nhưng sau cũng bị lửa thiêu hủy.

Người Trung Quốc xuất gia nếu chưa ở qua Kim Sơn Giang Thiên Tự hoặc chùa Cao Mân thì không thể xưng là Thiền Sư. Nếu người đã từng ở qua hai Chùa trên, hoặc ba năm, hoặc năm năm, mới có tư cách xưng là thiền sư. Hoặc người ở được mười năm mới có thể xưng là đại Thiền sư. Một số người muốn cúng dường họ, vì những vị xuất gia đó đầy đủ oai nghi, bất cứ lúc nào, tại đạo tràng nào cũng đều là mắt quán mũi, mũi quán miệng, miệng quán tâm, không thời khắc nào mà chẳng đoan nhiên chánh tọa, chiếu cứ thoạt đầu, khiến cho Phật giáo đồ rất cung kính họ.

Người chân chánh tu hành thì mới xứng đáng chủ trì Phật giáo; gười không chân chánh tu hành thì là phá hoại Phật giáo. Tin chắc rằng bất cứ nơi nào cũng đều có hai loại người này tồn tại. Người chân chánh tu hành thường từ bi, nhẫn nại đối với những người không tu hành; nhưng người không tu hành thường sinh tâm đố kỵ chướng ngại với những người chân chánh tu hành, thậm chí còn hy vọng người chân chánh tu hành sinh tâm thối chuyển. (còn tiếp)

Túng phụ hiền tài khởi trượng phu
Bách tuế quang âm thạch hỏa chúc
Nhất sinh thân tự thủy bào phù
Thê tài phao hạ phi quân hữu
Tội nghiệt tương hình nan tự khi
Thí vấn đôi kim đẳng sơn nhạc
Vô thường mãi đặc bất lai hồ.

"Bất cầu đại đạo xuất mê đồ" (Chẳng cầu đại đạo để ra khỏi đường mê): Cuộc đời của chúng ta như mộng ảo, như bọt nước, như làn sương, như điện chớp, phải quán nó là như vậy. Mạng sống con người là vô thường, sự nghiệp vô thường,

phú quý vô thường, cho nên "niềm vui là nhân của khổ." Tất cả khoái lạc trong thế giới này cũng đều hàm chứa cái khổ. Muốn lìa khổ để an vui, tất phải lo tu đạo. Tu đạo thì trước hết phải trừ tập khí. Trừ như thế nào? Bên trong thì khắc kỷ phục lễ, bên ngoài thì đoạn dục khử ái, cả hai đang cùng dụng công, ắt sẽ thành công.

Con người sanh ra bởi sắc dục, chết bởi sắc dục, đó là lẽ thường của thế tục, và thuận theo thế tục thì cứ sống đi chết lại không ngừng. Kê xuất gia thì đi ngược lại, có đi ngược mới thành Thánh, nên cái gì hay với thế gian thì lại không hay với người xuất gia; người thế gian tham, chúng ta không tham; cái gì người thế gian yêu thích, chúng ta không yêu thích; cái gì người thế gian mê, chúng ta không mê. Muốn cầu đại đạo ắt phải ra khỏi đường mê.

Thế nào là đường mê? Chính vì vô minh tác quái nên bất cứ đi hướng nào cũng là hồ đồ, rút cuộc chẳng biết làm sao. Mê cũng là nghĩa mất phương hướng, con đường phải đi lại không nhận ra, mà đi lạc vào chỗ khác. Phải biết rằng chẳng cầu đạo thì chẳng ra khỏi đường mê. Muốn ra khỏi đường mê tất phải tu đạo.

Tu đạo cần phải có thiện tri thức chỉ điểm cho sáng mắt. Thiện tri thức biết cách thức dạy ta tu sao cho được dứt đường sanh tử, giúp ta không trở lại với cảnh luân hồi. Cái thấy và cái biết của thiện tri thức là chính xác, trong đó không có chút nào gọi là tà tri tà kiến.

"Túng phụ hiền tài khởi trượng phu" ? (Để phụ cái tài trí thì đâu phải trượng phu?): Nếu chúng ta không cầu đạo, không ra khỏi đường mê, ắt là ta phụ hiền tài của ta, hiền tài cũng là trí huệ đức tướng của ta. Phật đã từng nói: *"Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như-lai."* Nếu quả chúng ta không tu hành, ắt ta chẳng thành tựu được gì. Như vậy chúng ta đã cô phụ trí hiền tài, tức đâu còn là kẻ trượng phu nữa?

"Bách tuế quang âm thạch hỏa chước" (Quang âm của trăm năm qua đi như lửa lóe ra - từ đá đánh lửa): Tỷ dụ có thể sống tới trăm năm thì ngày tháng cũng qua nhanh như tia lửa chớp, trong thoáng qua đã tắt.

"Nhất sinh thân tự thủy bào phù" (Một đời, thân xác giống như bọt nước): Từ lúc sanh ra cho đến lúc chết, gọi là một đời người. Thân thể này giống như một cái bọt trên mặt nước, nổi trôi bồng bềnh, thật là hư vọng chẳng có gì là thực

chất, chỉ trong một sát-na đã thấy nó biến mất. Vậy thì lưu luyến nó làm gì? Hà tất chấp trước vào nó?

"Thê tài phao hạ phi quân hữu" (Tài sản và vợ bỏ lại, anh chẳng có gì): Tới khi lâm chung, dù anh có bao nhiêu tiền cũng không đổi được cái chết. Hết thầy nào vàng bạc, châu báu, anh đều bỏ lại, một đồng cũng không mang đi. Lúc đó, vợ và tài sản đều không còn là của anh, anh chỉ còn hai tay buông xuôi về châu Diêm Vương.

"Tội nghiệt tương hình nan tự khi" (Tội vạ đi theo như hình, không thể tự dối) : Bất cứ loại nghiệp nào, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu, đều theo ta như hình với bóng, như câu nói: *"Mọi thứ mang chẳng được, chỉ có nghiệp tùy thân."* Nghiệp tội thì không thể dối gạt được, bởi chính ta tạo ra thì nhất định ta phải lãnh quả báo, chẳng ai có thể thay ta lãnh giùm.

"Thí vấn đôi kim đẳng sơn nhạc" (Thử hỏi vàng chất lên thành núi) : Chất đầy vàng bạc, cao như núi, thành vua kim tiền, giàu bậc nhất thiên hạ, thử hỏi khi chết những thứ đó có ích gì? Để lại cho con cháu, thì con cháu nào hay, chúng chẳng cần tới, con cháu nào xấu thì lấy tiền tạo nghiệp xấu, còn nặng tội hơn.

"Vô thường mãi đặc bất lai hồ" (Liệu có mua được luật vô thường chẳng?) : Tuy vàng bạc chất lên cao bằng núi, nhưng liệu chúng ta có mua nổi quỹ vô thường không? Không thể mua được. Quỹ vô thường rất là công bình, không thiên lệch, không nói chuyện ân tình, cũng không nhận quà cáp.

Cảnh ngộ của người ta tại thế gian là như vậy. Chúng ta là người xuất gia, chính là vượt qua thói tục, không chịu để thói tục giam hãm. Nay lại không tu hành nghiêm chỉnh thì còn chờ tới lúc nào nữa? Phải nhớ rằng mục tiêu của kẻ xuất gia là dứt đường sanh tử, vượt qua luân hồi, chớ không thể sống như thế tục. Quý vị! *"Tướng quân bất hạ mã, các tỵ bốn tiền trình,"* (tướng quân không xuống ngựa, chỉ tiến thẳng về trước), quý vị hãy ráng sức tu hành!

**SÁM HỐI TỨC LÀ
SỬA LỖI LÀM MỚI**

Hoà Thượng Tuyên Hoá

**"Nếu mình chân chính có tâm sám hối,
thì sợ gì không có hy vọng".**

P háp lực của Phật rất là vĩ đại, song nghiệp lực của chúng sinh cũng rất lớn, nên có câu rằng :

"Người phạm thì nghiệp nặng tình mê,
Phật thì nghiệp sạch tình không."

Do đó, Thánh và phạm khác nhau ở chỗ là "nghiệp" đã dứt chưa, và còn có "tình" hay không ?

Giác giả, Phật dã,
Mê giả, chúng sanh.

Nghĩa là:

*Khi giác ngộ là Phật,
Khi mê là chúng sinh.*

Chúng sinh thì "bội giác hợp trần" (quay lưng rời bỏ sự giác ngộ sáng suốt để hòa mình trộn lẫn với bụi bặm vô minh), luôn bị trần lao ngũ dục (tham tài, tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ) làm cho xoay chuyển, khiến nghiệp chướng càng ngày càng tăng thêm. Phật thì siêu thoát mọi ngũ dục trần lao, không còn tạo nghiệp nữa. Chúng sinh do nghiệp nặng nên muốn liễu Đạo thành Phật, trước tiên cần phải sám hối những tội nghiệp đã làm. Nếu như không có tâm sám hối mà muốn thành Phật thì cũng như nấu cát mà mong thành cơm vậy. Tuy rằng cát nấu Hằng hà sa số kiếp nhưng cuối cùng cũng không thể nào thành cơm được. "Sám" nghĩa là sám trừ lỗi lầm xưa, hổ thẹn với những lỗi lầm đã phạm. "Hối" là hối cải, sửa đổi; nhất định quyết tâm sửa đổi con người mình, vĩnh viễn không còn tái phạm nữa. Như ông Viên Liễu Phàm đã nói:

Dĩ tiền chủng chủng, ví như tạc nhật tử.

Dĩ hậu chủng chủng, ví như kim nhật sinh.

Nghĩa là:

*Những điều xấu mình làm từ trước,
Hôm qua kể như là ngày cuối cùng.
Những điều mình làm về sau,*

Hôm nay là bắt đầu một cuộc đời mới.

Nếu như mình không siêng năng sám hối thì tội nghiệp mình tạo ra sẽ khiến mình mãi đọa lạc. Chắc quý-vị còn nhớ khi quy y, trước tiên quý-vị xưng tên mình rồi sau đó sám hối như sau:

Tùng ư vô thủy, dĩ chí kim sinh,
Hủy báng Tam-bảo, tác nhất xiển đề,
Báng Đại-thừa Kinh, đoạn học Bát-nhã,
Thí hại phụ mẫu, xuất Phật thân huyết,
Ô tăng già lam, phá tha phạm hạnh,
Phản hủy tháp tự, đạo dụng Tăng vật,
Khởi chur tà kiến, bác vô nhân quả,
Hiệp cận ác hữu, vĩ bôi lương sư...

Nghĩa là:

*Con từ vô thủy, cho tới ngày nay,
Nguyên rủa Tam-bảo, làm Nhất-xiển-đề,
Chưởi Kinh Đại-thừa, dứt học Bát-nhã,
Giết hại mẹ cha, làm Phật đổ máu,
Bản chốn chùa chiền, phá phạm hạnh người
Đốt hủy chùa tháp, ăn cắp đồ Tăng,
Dấy đủ ý sai, nói không nhân quả
Gần bạn bè xấu, nghịch lại thầy lành...*

Bây giờ, tôi sẽ giảng lại đại ý của đoạn văn sám hối trên.

Chúng ta từ vô thủy đến nay đã tạo ra không biết là bao nhiêu tội nghiệp, không kể xiết. Thứ nhất là mình hủy báng Tam-bảo: Phật, Pháp, Tăng. Trong các tội, hủy báng "Tăng-bảo" là tội lớn nhất, nặng nhất, bởi vì chư Tăng đại biểu cho Phật để tuyên dương Phật-pháp. Bởi vậy hủy báng Tăng tức tội không thể sám hối được. Thế nào gọi là "Xiển đề"? "Xiển đề" tiếng Phạn dịch nghĩa là "tín bất cụ," không đủ lòng tin, hoặc là "vô thiện căn," không có căn cơ lành. Thí dụ như khi quý-vị thuyết pháp cho người đó, không những họ không thích nghe mà thậm chí còn nói ngược lại rằng: "Tôi không tin đâu !" Đây không phải là tự đem thiện căn của mình mà đoạn tuyệt đi sao?

"Báng Đại-thừa Kinh" tức là phi báng kinh điển Đại-thừa. Như có người nói đạo lý trong kinh là giả hoặc nói rằng kinh điển Đại-thừa là do ma vương nói ra, .v.v., đây cũng là phạm tội không thể sám hối được. "Bát-nhã" là tiếng Phạn, nghĩa là trí huệ. Bát-nhã có ba loại : Thật-tướng Bát-nhã, Quán-chiếu Bát-nhã và Văn-tự Bát Nhã. Nếu như "đoạn học" (không chịu học) bất cứ loại Bát-nhã nào, thì mình sẽ trở nên ngu si. Quả báo của ngu si là sẽ đọa làm thú vật.

"Thí hại phụ mẫu" nghĩa rằng giết hại cha mẹ của mình. Câu này bao hàm luôn việc sát hại các vị A-la-hán và Thánh nhân. Thí dụ như Đề-Ba-Đạt-Đa giết một vị đắc Tứ-quả A-la-hán.

Kể đến là "Xuất Phật thân huyết" nghĩa là dấy máu Phật. Đây cũng là một tội không thể sám hối sạch được. Nhiều người hiểu lầm cho rằng tội này chỉ áp dụng khi đức Phật còn tại thế. Khi dùng dao cắt chém thân thể Phật thì mới mang tội này. Song thật sự sau khi Phật diệt độ rồi, hễ ta hủy hoại tượng Phật, hình ảnh Phật, tất cả đều phạm tội này. Phá lớp vàng trên tượng Phật hoặc đập bể tượng Phật, tuy rằng không làm tổn hại đến xác thịt của Phật nhưng cũng là cắt chém thân Phật vậy.

"Ô tăng già lam" nghĩa là làm ô uế chốn thanh tịnh của chùa chiền. Giống như một số cư sĩ có gia đình trú ngụ trong chùa, song lại làm những việc không chính đáng như ăn thịt, sát sinh, v.v... "Phá tha phạm hạnh" nghĩa là phá hạnh thanh tịnh của kẻ khác. Thí dụ như người xuất gia xưa nay vốn thanh tịnh không bị nhiễm ô, nhưng có người lại phá quấy họ, khiến họ phạm giới luật, đó cũng là tội không thể sám hối được.

"Phản hủy tháp tự" nghĩa là đốt hoặc thiêu hủy, phá hoại tháp đền và chùa chiền. Thí dụ như trong lịch sử có Phùng Ngọc Tường hỏa thiêu Chùa Bạch Mã và Chùa Thiếu Lâm. "Đạo dụng Tăng vật" là ăn cắp vật dụng của chư Tăng. Đây là nói đến những kẻ dùng thủ đoạn không chính đáng để đoạt của thường trụ lấy làm của riêng họ. Những hạng người như vậy đều có tà tri, tà kiến, ý tưởng sai lầm, luôn cho mình là đúng. Họ thường cho rằng không có nhân quả và luôn luôn làm những điều nghịch lại với đạo lý. Không có chuyện ác, chuyện xấu nào mà họ không dám làm. Hạng người như vậy thì làm sao mà không đọa địa ngục được?

Cuối cùng là "Hiệp cận ác hữu, vĩ bối lương sư" nghĩa là thân cận với những kẻ ác, bạn xấu và đối nghịch lại với những vị thầy tốt. Bạn xấu là những

người mà các nhà nho gọi là "tồn hữu" (hại bạn). Những thứ cướp giựt, những bọn bất lương sống ngoài vòng pháp luật là thứ mình không nên kết bạn. Kết giao với họ chỉ làm tổn hại cho mình, từ từ làm cho mình đi vào con đường sai lầm, không còn nghe theo lời khuyên bảo của cha mẹ, thầy tốt; lấy điều sai lầm cho là đúng và không còn phân biệt được chuyện phải trái trắng đen gì cả, cứ làm việc ngược ngạo, thật đáng thương xót thay!

Những tội lỗi kể trên là những điều mà mình không nên phạm, tuy rất dễ bị phạm. Nếu chẳng may mình đã phạm những lỗi đó thì phải làm sao? Quý-vị đừng lo sợ. Có câu rằng: "Di thiên đại tội, nhất sám tiên tiêu." Nghĩa là tội phạm tày trời, sám hối sạch tiêu. Tội vốn không hình tướng. Nếu mình chân chính có tâm sám hối thì sợ gì không có hy vọng. Quý-vị đừng nên coi thường mình, đừng cam tâm để bị đọa lạc.

GIỮ CỦA VÀ XẢ CỦA

Việt dịch : Diệu Hạnh

T hườ xưa có hai anh em cha mẹ mất sớm, để lại một gia sản to lớn. Không hiểu dưỡng được song thân, họ rất lấy làm buồn tiếc.

Thời gian vùn vụt trôi, hai anh em từ chí hướng đến ý thích khác biệt nhau rất xa. Người anh thì mến đạo nghĩa, thường thường làm việc thiện như bố thí của cải, do đó gia sản càng ngày càng tổn giảm ; còn người em thì mê tài sản, trổ tài mãnh lới làm các thứ kinh doanh, nên gia sản càng ngày càng tăng thêm. Vì thế, người em rất bất mãn đời sống của anh mình. Một hôm, không chịu đựng được nữa, người em gọi anh ra lên mặt dạy dỗ :

Anh em chúng ta bất hạnh nên cha mẹ mất sớm. Cha mẹ để lại gia tài cho chúng ta, chúng ta làm con, thì phải nhớ nghĩ đến từ tâm của cha mẹ, mau mau nỗ lực làm ăn buôn bán để giữ gìn và phát triển cái vốn gia sản sẵn có ấy khiến hương hồn của cha mẹ ở cõi trời được an ủi, thế mới đúng đạo làm con. Đẳng nay, anh từ sáng tới tối cứ lo chạy theo mây ông sa môn xuất gia để nghe kinh Phật, không lẽ mấy ông ấy có thể cho anh áo quần tiền tài hay sao ? Gia đình anh càng ngày càng nghèo khó, tài sản càng ngày càng hao hụt, không những có lỗi với hương hồn cha mẹ mà còn làm cho làng xóm chê cười.

Những gì chú nói, anh đã biết rõ hết, nhưng đó chỉ là những ý nghĩ thiên cận của thế tục. Chú nghĩ rằng mình phải bảo trì và khuếch trương sản nghiệp của cha mẹ mới là tận hiếu. Nhưng anh thì hoàn toàn không nghĩ như chú. Làm như thế chẳng qua chỉ cho chú có thêm điều kiện hưởng thụ, chứ vong hồn cha mẹ được lợi ích gì trong đó ? Còn anh thì lại lo giữ ngũ giới một cách nghiêm chỉnh, chuyên cần thực hành mười điều thiện, cúng dường Tam Bảo, lấy đạo cả mà cứu cha mẹ, khiến hương hồn cha mẹ được xa lìa nẻo khổ mà sinh về đường thiện, dần dần tiến đến chỗ giải thoát vĩnh hằng, đây mới là con đường báo hiếu chân chính.

Đạo và đời vốn tương phản nhau, cái mà đạo cho là sung sướng và quý giá thì đời lại chê là thấp hèn, đáng ghét. Những gì chú cho là khoái lạc hôm nay, chính là gốc rễ của phiền não về sau. Anh không muốn đuổi theo những khoái lạc huyền ảo như thế, cái khoái lạc mà người có trí huệ mong cầu là cái khoái lạc vĩnh hằng kia !

Người em nghe anh nói, cảm thấy mình không có lý lẽ để tranh cãi nhưng trong tâm thì không phục, bèn nén giận cúi đầu.

Người anh biết em mình không thể nói một lần mà hiểu, bèn phát biểu tâm chí muốn cầu học đạo của mình. Người em biết anh mình tâm đã cương quyết hướng về đạo nên im lặng, nén hận mà bỏ đi. Không lâu sau, người anh muốn cho việc học đạo của mình được chuyên tâm nên lìa bỏ gia đình, khoác y ôm bình bát làm sa môn, ngày đêm tinh tiến tu thiền, cẩn thận từng lời nói từng ý nghĩ, về sau chứng được quả A La Hán.

Người em nghe tin này, không những không vui mừng mà lòng phiền não giận hờn anh càng gia tăng thêm. Người này từ sáng đến tối lo làm ăn để tăng trưởng sự nghiệp cho đến mức đầu óc choáng váng, còn việc nhân sinh giải thoát thì không mấy may chú ý.

Cuối cùng, gia tài ức triệu nọ cũng không kéo dài được đời sống vốn có giới hạn. Quả thật là chết đi không đem theo được bất cứ vật gì, chỉ có cái nghiệp là theo sát bên thân.

Trong lúc sống người em quá ư tham dục nên bị đọa xuống kiếp súc sinh, đầu thai làm trâu. Con trâu sinh ra mạnh khỏe mập mạp, liền bị một người nhà buôn mua về kéo xe muối.

Kéo xe trèo dốc đường dài, lao khổ không phút nào ngừng nghỉ, con trâu mất sức, gầy mòn, mỗi

lần lên dốc thở phì phò mà vẫn bị roi vọt, trông thật là thê thảm, thương tâm. Vừa đúng lúc ấy, người anh đi ngang dùng đạo nhãn quán sát con trâu, biết đây là em mình nên nói để khai mở trí huệ cho em :

Chú một đời khổ cực, gia tài sản nghiệp chú gom góp được tính ra không biết bao nhiêu mà kể, bây giờ gia tài ấy đâu rồi ? Trước kia, chú nói đạo cả là vô dụng vì không đem lại quần áo ăn uống, tiền tài mới đáng quý vì nó giúp chú thỏa mãn được mọi dục lạc. Bây giờ đạo cả lại làm cho anh giải thoát được luân hồi, chứng được quả thánh, còn tiền tài mà chú quý trọng tại sao lại không cứu chú thoát kiếp trâu mà sinh về nẻo thiện ?

Nói xong, người anh vận dụng thần thông khiến con trâu thấy được kiếp trước của mình. Con trâu tuy không nói được nhưng đau khổ rơi nước mắt, biết mình kiếp trước có được thân người nhưng lại làm nhiều điều bất thiện, tham lam, ganh ghét, không tin Phật pháp, khinh chê thánh chúng, không nghe lời khuyên bảo thiện lành của anh, cho đến nỗi bây giờ đọa làm thân trâu, hối tiếc thì đã quá muộn.

Người anh biết em mình đã có tâm niệm hồi hận và tự trách liền xin người chủ mua lại con trâu này, và đem mối quan hệ giữa mình và con trâu kể cho người chủ nghe. Người chủ trâu nghe xong tóc gáy dựng đứng rùng mình ghê sợ, không đòi tiền mà đem trâu dâng tặng cho người anh. Người anh dắt trâu về chùa phóng sinh, cho nó quy y Tam Bảo và dạy nó niệm Phật. Không lâu sau, con trâu chết đi, sinh lên cõi trời Đạo Lợi.

Về sau, người chủ con trâu nghĩ đến vấn đề sinh tử luân hồi, cũng xả bỏ tất cả chuyên tâm tìm học đạo, cuối cùng được mãn nguyện, chứng được thánh quả, giải thoát phiền não.

Nỗ lực kiếm tiền cho chính bản thân mình thì tiền ấy không hề thuộc quyền sở hữu của mình ; còn dùng tiền tài để đem lại hạnh phúc cho xã hội, ích lợi cho chúng sinh, thì tiền tài ấy mới chính thật thuộc về mình. Có nhân thì tất nhiên phải có quả, đây là một đạo lý bất di bất dịch.

NÓI CHUYỆN ĐẦU NĂM

Hôm nay tôi xin chúc quý vị năm mới khoái lạc. Vậy thì năm cũ phải chăng chẳng khoái lạc ? Chúng ta phải cần vui sướng hằng năm, hằng tháng, hằng giờ. Vì sao mình cần phải vui sướng. Vui sướng không phải vì có đồ ăn ngon, cũng chẳng do mặc quần áo đẹp, mua đặng xe bóng nhoáng, ở chốn nhà cao cửa rộng. Vậy mình phải làm sao để vui sướng khoái lạc ? Thì đây : Trong thâm tâm mình phải thường luôn biết tri túc, bởi vì hề biết đủ thì ta luôn an vui. Biết nhẫn nại thì ta sẽ thường đặng an ổn. Nhận rằng mình có đủ thì mình sẽ luôn luôn đầy đủ. Chúng ta phải thường biết tri túc. Con người có trí huệ, linh tri linh giác hơn hẳn loài vật, chúng ta hơn tất cả mọi loài về đủ thứ phương diện ; do đó chúng ta phải biết tri túc. Khi biết tri túc thì mình sẽ an vui, chẳng phiền não. Cho nên chẳng phải năm mới tới mình mới vui vẻ mà phải an vui trong mọi thời mọi lúc. Khi chẳng có phiền não thì mình mới có thể :

*Vun bồi mảnh đất trong tâm,
Nuôi dưỡng bầu trời bản tánh.*

Khi mảnh đất nơi tâm sáng tỏ thì vòm trời ở thể tánh cũng chói lọi. Sự rực rỡ ấy cũng chính là sự quang minh của Phật. Vì sao chúng ta chẳng thể phóng quang minh ? Bởi vì mình chẳng vun bồi khoảnh đất trong tâm, chẳng hàm dưỡng vòm trời nơi tánh. Vì vậy trong đạo Phật, nếu bạn có thể thường an vui thì tức là bạn tu hành rồi đó.

Trong quyển Trai Căn Đàm có nói :

Quang phong tế nguyệt, thảo mộc hân hân.

Nghĩa là :

Gió mát, trăng tỏ, cây cỏ hân hoan.

Lúc gió trong, trăng tỏ là lúc gió thổi nhẹ, trăng sáng chẳng mây che. Cây cỏ vui vui là nói cây cỏ cũng tươi tốt, hân hoan, như thử là vui vẻ lấm lấm. Còn thế nào là nộ vũ tạt phong ? Tức là ám chỉ trời nổi cơn thịnh nộ, giáng cơn mưa lớn. Mưa lớn cũng như là nước mắt trời khóc vậy. Tạt phong là cuồng phong, bão táp. Khi gió ấy thổi thì đừng kể là người, ngay cả loài vật, chim chóc cũng cảm thấy thối thỏm chẳng yên. Ai cũng buồn bã. Toàn bài thơ viết như sau :

Quang phong tế nguyệt, thảo mộc hân hân,
Nộ vũ tạt phong, cầm điều thích thích.
thiên địa bất khả nhất nhật vô hoà khí,
Nhân tâm bất khả nhất khắc vô hỉ thần.

Nghĩa là :

*Gió mát, trăng tỏ, cây cỏ vui vui,
Mưa gầm, gió lộng, chim thú co ro.
Trời đất chẳng thể một ngày không hoà khí,
Lòng người chẳng thể một phút thiếu niềm vui.*

Khi trời đất nổi cơn giông tố, thì hòa khí mất hết. Do đó mới nói rằng trời đất chẳng thể một ngày không hòa khí ; mà phải luôn có gió thổi hiu mát, tỏa khí cát tường. Lòng người cũng chẳng thể một phút thiếu niềm vui. Cũng như đức Di Lạc Bồ Tát, người ta đối với Ngài như thế nào Ngài cũng không sinh phiền não. Ngài dạy rằng :

*Lão què mặc áo vá,
Cơm lạt no đầy bụng,
Áo vá che đỡ lạnh,
Vạn sự hãy tùy duyên !
Nếu ai chưởi lão què :
Lão què chỉ nói tốt.
Nếu ai đánh lão què,
Lão què nằm lăn ra.
Khạc nhổ vào mặt lão,
Để nó tự nhiên khô.
Lão què chẳng tốn sức,
Bạn cũng không phiền não.
Đó là Ba-la-mật,
Cũng là báu nhiệm màu,
Thấu được lý lẽ này,
Lo gì Đạo chẳng thành ?*

Lão què tức là chỉ lão già ngu dốt què mùa này, kẻ chẳng có sự hiểu biết. Mặc áo vá, tức là mặc áo vá vuiu, rách rời vá lại. Cơm lạt no đầy bụng : nghĩa là tôi chỉ ăn cơm đạm bạc, miễn có ăn là đủ rồi. Lão già thường vỗ bụng, rằng : Coi bụng tôi no lấm rồi đây ! Áo vá che đỡ lạnh. Áo quần của tôi đã rách rời, song chỉ cần vá lại để tôi che cho đỡ lạnh. Vạn sự hãy tùy duyên ! Cứ tùy theo mọi chuyện, chuyện tới thì ứng phó, chuyện qua rồi thì im lặng. Chuyện gì làm cũng tùy theo duyên. Nếu ai chưởi lão què : Đồ quái vật, già đầu mà chẳng chết ! Lão què tự nói : Tốt lắm ! Bạn chưởi tôi thật là hay quá ! Nếu ai đánh lão què,

Lão quê nằm lăn ra : Nếu ai đánh tôi thì tôi nằm lăn ra, đưa lưng ra cho họ đánh. Khắc nhỏ vào mặt lão : Tức là bạn nhỏ nước miếng lên mặt tôi, cứ để nó tự khô lấy : Tôi sẽ chẳng lau nó, mặc nó tự khô. Bởi vì : Lão quê này chẳng tốn công để lau nước miếng. Bạn cũng không phiền não, vì tôi sẽ không trả đũa, nhỏ vào mặt bạn, do đó bạn sẽ chẳng có gì bực bội. Đó là Ba-la-mật : Đó là một pháp Ba-la-mật, pháp đưa ta tới bờ giải thoát. Cũng là báu nhiệm màu : Mà đa số chúng ta không ai biết dùng nó, dùng phương pháp đưa ta tới bờ bên kia. Đây đúng là sự màu nhiệm trong sự màu nhiệm, báu vật của tất cả của báu. Thấu được lý lẽ này. Nếu bạn biết được đạo lý này, Lo gì đạo chẳng thành, nhất định bạn sẽ thành tựu đạo nghiệp.

Có vị giáo sư ở đây giảng về từ bi của nhà Phật và nhân từ của đạo Khổng ở Trung Hoa. Kỳ thật đạo Khổng nói về lòng trung thứ, còn đạo Cơ Đốc, Thiên Chúa giáo thì nói về lòng bác ái. Hai chữ bác ái đều có bộ chữ tâm ở trong đó, tức là chỉ lòng thương ở trong tâm. Đạo Lão thì nói về cảm ứng. Tuy đạo Lão dạy rằng thanh tịnh, vô vi, tu theo đạo tự nhiên, như Đạo Đức Kinh dạy : Con người học theo pháp đất, đất theo mẫu của trời, trời theo mẫu đạo, đạo làm theo tự nhiên. Song, thật sự thì cốt tủy đạo Lão dạy ta hai chữ cảm ứng. Đạo Phật thì chủ trương từ bi. Nho, Đạo, Thích, ba tôn giáo chẳng thể tách rời cái tâm. Ra ngoài tâm thì chẳng có tôn giáo. Đạo Khổng dạy hai chữ trung và thứ. Trung hay sự trung thành là để giữ mình (trì kỷ), thứ hay tha thứ thì dùng để đối đãi với người (đãi nhân). Giữ mình tức là khi mình làm việc gì mình cũng cần có lòng trung thành đối với người, phải làm cho tận lòng trung. Đây là điều kiện căn bản để vun bồi phẩm đức của mình. Tha thứ với kẻ khác nghĩa là bỏ qua những điều sai trái của kẻ khác. Ai làm sai mình biết tha thứ, khoan dung họ. Nếu biết trung thành để giữ mình, thì nhân cách bạn sẽ thanh cao. Nếu biết tha thứ đối đãi người khác, thì bạn sẽ làm lợi kẻ khác, mà chẳng đi tìm lỗi lầm sai trái của họ. Đây là giáo nghĩa của đạo Nho, đâu có tách rời cái tâm này. Nếu bạn xem hai chữ trung thứ, sẽ thấy nó bao gồm chữ tâm đó.

Đạo Lão dạy về cảm ứng. Thế nào là cảm ? Cảm tức là thông đạt. Sao gọi là ứng ? Chẳng có điều

cầu mong gì mà chẳng thành, gọi là ứng. Ai cầu gì cũng sẽ được toại nguyện. Rằng : Hễ cảm thì thông, cầu gì cũng ứng. Thế nào là cảm ứng ? Ví như dòng điện : Hễ điện nối tới đâu thì đèn sáng tới đó. Đó là nghĩa của câu : Hễ cảm thì thông, cầu gì cũng ứng. Cũng vậy, lòng bạn nghĩ gì, kẻ khác cũng có thể thông hiểu được, đó là vì có dòng điện cảm ứng giữa tâm bạn với tâm người. Do đó, khi cầu nguyện gì với lòng chí thành khẩn khiết, thì bạn sẽ cảm, sẽ thông : Thông đạt, tiếp giao tới thần minh. Bởi vì đạo Lão nói cảm ứng bắt đầu như sau :

"Họa phước vô môn, duy nhân tự chiêu".

Nghĩa là :

*"Họa, phước chẳng có cửa,
Chỉ do mình chiêu cảm mà tới".*

Đây tức là giải về cảm ứng. Bởi vì tai họa chẳng có cửa ngõ, mà hạnh phúc cũng chẳng có cửa vào. Nếu bạn làm thiện thì phước tới, làm ác thì họa tới. Do đó họa phước chẳng có nhất định, chỉ do mình chiêu cảm mà chúng tới.

"Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình".

Nghĩa là :

Quả báo lành, dữ, như bóng theo hình.

Quả báo lành hay dữ cũng giống như cái bóng lúc nào cũng theo thân hình ta. Mình đi tới đâu, bóng đi tới đó. Quả lành cũng là bóng, mà quả dữ cũng là bóng, chúng luôn đeo đuổi theo thân ta. Bởi vậy trời đất có thần minh coi xét việc sai trái. Trời đất cũng có thần năm, thần tháng, thần ngày, thần giờ, gọi là "tứ trực công tào". Các vị ấy yên lặng xem xét mọi chuyện. Cho nên nói : "Thiên địa hữu ty quá chi thần, nhân nhân sở phạm khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán, toán giảm tắc bản hao". Nghĩa là : "Trời đất có thần xét việc sai trái, tùy theo lỗi nặng nhẹ của người mà thần giảm bớt phần phước của kẻ ấy, khi phước phần giảm bớt, thì kẻ ấy sinh nghèo cùng, khốn đốn". Giảm bớt phước phần tức là giảm bớt tuổi thọ. Tức là kẻ ấy đáng lẽ sống lâu, bây giờ phải hết yểu. Theo như cách tính này thì giảm bớt tính theo đơn vị 12 năm, hay một kỷ. Khi mạng sống giảm bớt thì với nó là sự nghèo nàn, khốn đốn. Lúc đó thì đủ thứ tai nạn, họa hoạn, bệnh tật, thị phi, đều tới cả. Đó cũng chính là sự cảm ứng. Rằng : Hễ cảm thì thông, cầu gì cũng ứng. Tức là giáo nghĩa mà đạo Lão dạy. Đạo Phật chủ trương từ bi. Từ là gì ? Có

câu rằng : Vô duyên đại từ. Nghĩa là thái độ hiền hòa, hiền từ đối với kẻ ta chẳng có duyên. Bạn đối với kẻ ấy hiền từ, tốt đẹp, bất kể là y có đối xử tốt với bạn hay không. Kẻ ấy chẳng có duyên với bạn ? Thì mình mới dùng lòng từ hòa với họ chứ. Đó là lòng đại từ đối với kẻ chẳng có duyên. Làm sao để có lòng đại bi ? Lòng đại bi là lòng đồng tình, xem cái khổ của kẻ khác như là khổ mình chịu, như khổ nơi thân mình vậy. Cho nên mới nói : Đồng thể đại bi. Mình phải thực hành từ bi hỉ xả, bởi vì lòng hiền từ có thể đem lại sự an lạc, lòng đại bi có thể xóa tan sự đau khổ, vì khiến ta thông cảm nỗi khổ của kẻ khác. Đó cũng chính là thương người như thương mình vậy. Đạo Thiên Chúa hay Tin Lành đều dạy về lòng bác ái. Chữ bác có bộ tâm viết ở một bên, còn chữ ái cũng có bộ tâm viết ở giữa. Ái hay tình thương này cũng gần giống như tình yêu thương nam nữ vậy. Song, tình yêu nam nữ là thứ tình chẳng thanh tịnh, tình thương ô nhiễm. Tình thương thanh tịnh thì chẳng có nhiễm ô tạp nhạp. Thiên Chúa giáo dạy rằng ta phải biết yêu thương, thương tất cả mọi người. Tình thương chân chính thì vô hình vô tướng, không thể diễn bày được. Lòng bác ái không phải là tình yêu nam nữ, rằng : Nam nữ ăn ở với nhau là chuyện tự nhiên của con người. Đạo của người quân tử bắt đầu bằng quan hệ vợ chồng. Đây là pháp thế gian. Trong pháp xuất thế thì tình thương chẳng hề còn ý tưởng nhiễm ô nữa. Vì vậy mình phải thông hiểu ý nghĩa và phạm vi của chữ tình thương. Tình yêu giữa nam nữ là thứ tình si mê, trong khi đó tình thương xuất thế mới đúng là tình thương bao la, thương khắp hết thấy chúng sinh.

Le Sutra Du Merveilleux Dharma De La Fleur

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksu ni Dam Nhu

(La suite)

Ceci montre que nous mangions réellement ce que les autres ne voulaient pas manger, je disais cela et je suivais, à la lettre mon commandement, la plupart des étudiants avaient laissé mes paroles entrer par une oreille et ressortir par une autre et avaient jeté la pelure sur les tables et le plancher. Pendant le repas, personne n'est autorisé à parler après leur avoir dit de ne pas ôter la pelure, je n'avais plus fait attention à ce qu'ils faisaient. Après le déjeuner je faisais le tour des tables en tenant un bol, et ramassais toutes les pelures des pommes de terre que les étudiants avaient laissées sur les tables et sur le plancher. A la fin je m'arrêtais devant eux et mangeais ces épiluchures. Les étudiants étaient consternés et très embarrassés. A partir de ce moment, pas un seul étudiant n'osait laisser les pelures de pomme de terre. Ils ne les jetaient plus jamais. Si je n'ai pas réellement pratiqué ce que je prêchais en guise d'exemple, je n'aurais jamais influencé les étudiants et les poussés à se changer. Ils crachaient les pelures de leur bouche, je les mettais dans la mienne et les avalais. Ils en étaient absolument honteux. C'est ce que signifie « manger ce que les autres ne peuvent pas manger et supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter ».

Supporter ce que les autres ne peuvent pas supporter : qu'est ce que les gens ne peuvent pas supporter ? la colère ! si vous brutalisez une personne même légèrement, elle se mettra en colère. Alors, si seulement vous pouvez supporter les insultes des autres, en prétendant par exemple qu'ils sont en train de vous jouer une mélodie ou qu'ils parlent une langue étrangère. Faites comme si rien ne s'est passé.

Supporter, endurer, donner et renoncer représentent des conditions primordiales de ces Bodhisattvas qui cultivent la grande conduite.

6. La sixième qualité d'un Mahasattva se trouve

dans le fait qu'ils ont traversé de grands kalpas. Je précise : Un kalpa dure 139.600 ans. Mille kalpas valent un petit kalpa. Vingt petits kalpas valent un moyen kalpa. Quatre moyens kalpas équivalent un grand kalpa.

Combien de grands kalpas un Bodhisattva traverse t-il ? un nombre incalculable de trois grands kalpas. Le Bodhisattva traverse trois grands Asankhyoya de kalpas. Asankhyeya est un mot sanscrit qui veut dire « innombrable » : réfléchissez-y : Que faut-il y ajouter ?

Trois grands Asankhyeyas de kalpas ; combien de kalpas diriez-vous que cela vaut-il ? Combien de temps pensez-vous que cela ferait-il ?

Alors, il n'est pas facile d'être un Bodhisattva. Cela prend un temps infiniment long, vous devez traverser beaucoup de grands Kalpas avant d'être un Mahasattva Bodhisattva.

7. La septième qualité d'un Mahasattva consiste à rechercher le grand résultat

Qu'est ce que le grand résultat ? le résultat d'Anuttara Samyaksambodhi, c'est à dire l'éveil suprême, égal et propre, le résultat de la réalisation de la Bouddhité.

Un Bodhisattva qui a toutes les sept qualités est appelé un Bodhisattva, un grand être.

Combien de Mahasattvas étaient présents ?

Ils étaient quatre vingt mille tous entrés dans le chemin vers la certification jusqu'à l'illumination suprême, égale et immaculée. Une fois sur la route, ils ne pensaient qu'à progresser. Ainsi, le texte dit :

Ils ne revenaient jamais en arrière dans leur respect à l'égard de L'Anuttarrasamyaksamdodhi.

Il existe trois sortes d'irréversibilités.

1. l'irréversibilité de position. Les Bodhisattvas du grand véhicule, ne se retireraient jamais dans celles des deux autres petits véhicules.

2. L'irréversibilité de pensée. Les Bodhisattvas se sont voués entièrement dans leur pratique de la voie du Bodhisattva, celle des six perfections et des dix mille conduites. Dans leur esprit, ils ne pensent qu'à avancer, ils ne reculent jamais. Il ne leur arrivait jamais de penser, Ah ! je laisse tomber la voie du Bodhisattva. Je vais retourner aux deux autres véhicules, et être un Arhat indépendant, toutes ces pensées ne se produisaient pas jamais dans l'esprit d'un Bodhisattva, parce qu'il ne revenait jamais sur sa décision.

3. L'irréversibilité de la pratique ; ils avancent simplement, ne reculant jamais. Ainsi, il y a trois sortes d'irréversibilité : Celle de la position, de la pensée et de la pratique.

Tous avaient obtenu le Dharani : Dharani est un mot sanskrit signifiant « unir et maintenir », ou « supprimer et maintenir ».

Unir veut dire qu'ils réunissent tous les Dharmas. « maintenir » signifie qu'ils maintiennent des principes illimités. Les Dharmas exposés par les Bouddhas contiennent un nombre illimité de principes et les Bodhisattvas avaient tous obtenus de façon irréversible le Dharani, l'union de tous les Dharmas et la tenue de tous les principes.

Le Dharani signifie aussi « la formule magique » ou « le Mantra » il veut dire supprimer et maintenir parce que les Dharanis engendrent la bonté et détruisent le mal. Ils suppriment le mal et maintiennent le bien. Ils éliminent les mauvaises actions et produisent d'actions généreuses qu'il nous appartient d'accomplir, ils sont incapables de faire le moindre mal et pratiquent par contre toutes les bonnes actions, « c'est le sens du terme : moralité ». Cependant, il y a une légère différence avec les préceptes moraux que vous tenez vous-mêmes.

Avec le Dharani, vous récitez la formule magique qui vous aide à rompre le mal et à cultiver la bonté. Le pouvoir de la formule magique vous aide. Il y a beaucoup de sortes de Dharanis. Le texte du Sutra énonce : Tous avaient obtenu le Dharani et l'éloquence du plaisir dans la parole.

Ceci peut être interprété ainsi ils avaient obtenu le Dharani et l'éloquence du plaisir dans la parole, et tournaient la roue irréversible du Dharma. Les Bodhisattvas tournaient la roue du Dharma en enseignant et convertissant les êtres vivants. Que veut dire tourner la roue du Dharma ». il y a une expression commune, « la roue du Dharma tourne

à jamais ». La roue tournante éternelle du Dharma fait référence à l'irréversible roue du Dharma. Que veut dire par l'expression « tourner la roue du Dharma ? Quand nous faisons une conférence sur les Sutras en anglais et nous présentons la doctrine du Bouddha à tous les gens nous sommes entrain de tourner la roue du Dharma. Il existe non seulement une mais plusieurs façons de propager la doctrine du Bouddha, toutes sont considérées comme des moyens pour faire tourner la roue du Dharma afin d'enseigner les êtres vivants. Donc, en tant que disciples du Bouddha, nous devons considérer la tâche de tourner la roue du Dharma comme notre propre tâche, comme notre devoir et notre responsabilité. Nous devons faire tout ce dont nous sommes capables afin de tourner la roue de la doctrine du Bouddha.

Par exemple, à l'époque scientifique actuelle, grâce au système informatique, tous les jours, nous sortons les photocopies des textes dactylographiques de la traduction en anglais de la conférence de la nuit précédente afin que tout le monde puisse en avoir une copie. Ceci s'appelle : tourner la roue du Dharma. Tourner la roue du Dharma consiste à faire circuler la doctrine du Dharma pour qu'elle s'écoule continuellement l'eau et ne s'arrête jamais.

Lorsque j'étais jeune, je me suis occupé aussi à propager la doctrine du Dharma. Avant d'être capable de faire des exposés sur les Sutras, j'avais contribué dans l'imprimerie des Sutras, chaque fois que quelqu'un imprimait le Sutra, je contribuais assez d'argent pour imprimer des centaines voire des milliers de photocopies. Ensuite je les ai donnais à mes amis ou à ma famille. Au nouvel an ou jours de fête ou d'anniversaire je leur faisais cadeau d'une copie d'un Sutra Bouddhiste. Sachant que les Chinois aiment le papier rouge, alors je l'enveloppais dans du papier rouge pour en faire un beau cadeau. Je disais, « je vous donne le plus important cadeau qui existe. Pourquoi ?

Parce que : « il vous aide à sauver votre vie, votre sagesse et votre corps du Dharma, parce que vous êtes mon ami, je vous fais don de ce que j'aime le plus : la doctrine du Bouddha » je leur parlais très sincèrement et sérieusement et ils se sentaient obligés de la lire. Une fois qu'ils l'ont lue ils s'y intéressèrent » et vinrent me dire : « D'où vous procurez-vous ces Sutras ? J'ai des amis,

j'aimerais leur en donner aussi. Pouvez vous m'en donner encore quelques unes, j'en distribuais aux adeptes d'autres religions, peu importe la provenance ainsi que la destination des Sutras, j'y consentais. A l'époque où j'étais en Mandchourie, je n'avais d'autre richesse que les Sutras Bouddhistes. J'étais en possession de plus de Sutras dans ma chambre qu'il y a dans la salle de conférence. Partout où j'allais je contribuais à imprimer des Sutras.

A Hongkong, j'ai dépensé probablement plus d'un million de dollars HK pour imprimer les Sutras.

Quand je devais partir en Amérique, j'avais donné auparavant plusieurs centaines de milliers de dollars pour imprimer des Sutras Bouddhistes, il m'a fallu donner à chacun un gros paquet comme cadeau. J'avais l'intention de leur donner petit à petit, mais comme je devais partir en Amérique, je me dépêchais de les donner parce que je n'avais pas de place pour les stocker.

« Ce que j'aimais faire le plus était d'imprimer les Sutras aussi je suis très heureux que vous puissiez maintenant faire des photocopies des conférences ; c'est en effet une bonne manière pour diffuser le Dharma, j'en suis extrêmement content comme si je tourne l'irréversible roue du Dharma ; j'espère que tout le monde fera son maximum pour accomplir ce travail ».

Ainsi vous auriez fait des offrandes à des centaines de milliers de Bouddha non seulement vous auriez fait tourner l'irréversible roue du Dharma, mais vous auriez fait des offrandes à tous les Bouddhas qui sont au nombre incalculable. Combien ? des centaines de milliers de Bouddhas.

Et en leur présence vous auriez planté les racines de la vertu.

Ces grands Bodhisattvas, à travers des kalpas illimités et en présence d'innombrables Bouddhas,

avaient semé et nourri les racines de la nature vertueuse. Comment les nourrissaient-ils ? En faisant des offrandes au triple joyau, c'est comme si vous nourrissez et entretenez les racines de votre nature vertueuse.

Ils avaient constamment reçu des éloges de la plupart des Bouddhas

Les quatre vingt mille Mahasattvas recevaient continuellement l'éloge et la recommandation de tous les Bouddhas qui leur disaient, « braves gens ! vous agissez très bien ! braves gens, vous pratiquez très bien de la voie d'un Bodhisattva ». Les Bouddhas font tous l'éloge des Bodhisattvas.

Ils cultivaient la compassion... Ils avaient toujours utilisé un cœur compatissant pour enseigner et transformer les êtres, et ils cultivaient la compassion dans leur propre personnalité.

Ils étaient bien capables d'entrer dans la sagesse des Bouddhas, capables d'atteindre eux-mêmes la sagesse des Bouddhas.

Ils avaient pénétré la grande sagesse et étaient parvenus à l'autre bord. Ils avaient appréhendé la plus grande sagesse qui soit, c'est à dire la parfaite connaissance des Bouddhas. La grande sagesse est la sagesse des Bouddhas, ils étaient alors capables d'atteindre l'autre bord. L'autre bord se rapporte au mot sanscrit, « la perfection du Paramita ». Leur réputation s'étendait à travers un nombre infini de grands mondes et les noms des quatre-vingt mille Bodhisattvas avaient été entendus par tous les êtres vivants qui les ont connus parfaitement dans tous ces mondes.

Et ils étaient capables de sauver et transformer d'innombrables centaines de milliers d'êtres vivants. Ils pouvaient sauver et transformer un nombre incalculable de centaines de milliers de dizaines de milliers d'êtres humains. (à suivre)

LE SUTRA SHURANGAMA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksu ni Dam Nhu

(La suite)

"Troisièmement, dit Ananda : Dans le futur, quand les Sutras seront compilés, par quels mots devrions-nous débiter ?"

Le Bouddha répondit : "Utilisez ces quatre mots : Ainsi j'ai entendu." Ces mots et les six réalisations

représentent la perfection de la signification du Sutra et certifient que le Sutra était enseigné par le Bouddha.

"J'ai encore une seule et dernière question, dit Ananda. "Quand le Bouddha était en ce monde,

il pouvait maîtriser les Bhiksus au mauvais comportement. Mais quand il entrera dans le Parinirvana, qu'en fera-t-on ?"

Le Bouddha dit : "En ce qui concerne les Bhiksus au mauvais comportement, ignorez-les et ils s'en iront. Ne vous occupez pas d'eux. Ne discutez pas avec eux. Ne restez pas près d'eux. En général, considérez-les comme vils, ignorez-les. Si personne ne s'occupe d'eux, ils ne seront pas capables de faire quoi que ce soit, aussi mauvais soient-ils.

Les Bhiksus au mauvais comportement sont des moines qui ont renoncé à la vie de famille mais qui disent et qui agissent à tort et à travers. Quand le Bouddha était en ce monde, il y avait six Bhiksus qui étaient très mauvais. Vous ne devriez pas penser que toute personne qui renonce à la vie de famille est bonne. Il existe aussi beaucoup de moines indisciplinés parmi la Sangha. Le Bouddha nous conseille de les ignorer et ils s'en iront. Gardez le silence et ne vous occupez pas d'eux. De cette façon, vous pouvez les soumettre.

La troisième raison pour laquelle les Sutras commencent par "Ainsi j'ai entendu" est :

1. Résoudre les disputes de l'assemblée.

Beaucoup de disciples du Bouddha étaient de vieux pratiquants, les membres les plus âgés de l'assemblée avaient réalisé plus de certifications qu'Ananda. Ananda avait atteint juste récemment le quatrième niveau de l'état d'Arhat, alors que parmi l'assemblée beaucoup avaient été longtemps des Arhats au quatrième niveau. Alors si Ananda enseignait les Sutras, ces derniers ne lui auraient pas témoigné de respect qui lui était dû. Mais, en disant "Ainsi j'ai entendu", il montrait clairement que ce qu'ils allaient entendre n'était pas un Sutra enseigné par Ananda lui-même, mais plutôt un Sutra qu'il avait entendu du Bouddha lui-même. Donc, personne ne pouvait en discuter. Tout le monde savait qu'Ananda avait la mémoire la plus prodigieuse et pouvait se souvenir dans leur totalité sans les embrouiller ou les mélanger, de tous les Sutras que le Bouddha avait enseignés pendant ses quarante cinq ans d'enseignement. Ainsi les disputes de l'assemblée étaient évitées.

Finalement, les mots "Ainsi j'ai entendu" servent :

3. A distinguer les Sutras Bouddhistes des ouvrages des autres religions.

Les textes non-Bouddhiste commencent soit par le mot O, l'existence, ou le mot E, non-existence. Ils disent que tous les phénomènes sont soit existants ou non-existants. Mais les Sutras Bouddhistes

parlent de la vraie vacuité et de la merveilleuse existence, de la doctrine de la voie du milieu et ils évitent les doctrines extrêmes de l'existence et de la non-existence de l'étant et du non-étant, et ainsi ils débute par "Ainsi j'ai entendu" pour les distinguer des textes non-Bouddhistes.

Sutra : Il fut un temps où le Bouddha demeurait à Shravasti dans la sublime demeure du Bosquet de Jeta.

Commentaire : "Il fut un temps où" se réfère au temps où le Sutra Shurangama a été enseigné. C'était le temps où le maître, l'inclination et la voie venaient ensemble, le moment approprié pour parler du Sutra.

"Pourquoi l'année, le moi, le jour et le moment spécifiques n'étaient-ils pas mentionnés ?" Demandez-vous.

Puisque le calendrier de l'Inde et celui de la Chine ne s'accordaient pas, il n'y avait aucun moyen pour déterminer le moment exact où le Sutra Shurangama fut enseigné, alors la simple expression "il fut un temps où" fut choisie. Parmi les six réalisations, "il fut un temps où" apportait la réalisation du moment et le Bouddha, l'hôte qui enseignait le Dharma, était la réalisation d'un hôte.

Dans l'analyse finale, comment le mot Bouddha est-il expliqué ?

La plupart des Chinois avaient admis que le mot Fwo signifiait originairement Bouddha. En réalité, ce n'était pas le cas. Au début c'était la transcription du mot sanscrit Bouddhaya ou Bouddha. La transcription complète était Fwo Two Yeh. Puisque les Chinois adoraient les abréviations, finalement le mot était abrégé en Fwo, juste comme nous disons phone pour le téléphone. Vous pouvez même vous amuser avec une telle analogie quotidienne, si vous comprenez le principe de cet exemple, on peut dire que vous avez un peu d'éveil.

Quel éveil ?

L'éveil d'avoir compris le nom du Bouddha. Vous réalisez comme réel : Oh, c'est ce qu'a le Bouddha ?

Qu'est-ce qu'il a ?

Il est juste un Bouddha, c'est cela. Si vous voulez devenir un Bouddha, alors étudiez ce qu'a le Bouddha.

Qu'est-ce que le Bouddha a alors ?

Le Bouddha est heureux du matin au soir. Il ne se tourmente pas. Il n'engendre pas d'émotions perturbatrices. Il voit tous les êtres vivants comme des Bouddhas et ainsi il a réalisé lui-même l'état de Bouddha. Si vous pouvez voir tous les êtres vivants comme des Bouddhas, vous êtes aussi un Bouddha. Le mot Bouddha veut dire "éveillé". Le Bouddha a perfectionné trois sortes d'éveil : l'éveil de soi, l'éveil des autres et la perfection de l'éveil de la pratique. Ceci a été expliqué auparavant.

Dans ce Sutra, les termes pour désigner ces trois sortes d'éveil sont : l'éveil de base, l'éveil initial et l'éveil ultime, les vocabulaires sont différents mais au fond ils ont la même signification, c'est à dire ils désignent aussi : l'éveil de soi, des autres et la perfection de l'éveil dans la pratique. Dans les Sutras Bouddhistes, il y a de nombreux passages où les mots varient mais la signification reste la même. Vous ne devriez pas manquer de reconnaître le vrai sens même quand le vocabulaire change. Si quelqu'un change de nom, vous ne saurez pas le reconnaître lorsque quelqu'un prononce son nouveau nom, mais quand vous le rencontrez face à face, vous direz : Oh, c'est vous ! C'est le même processus à propos des trois sortes d'éveil du Bouddha. Si vous n'avez pas étudié profondément le Bouddhadharma, alors vous ne saurez pas le sens de l'éveil originel, l'éveil initial et l'éveil ultime, mais si vous avez étudié le Bouddhadharma, vous saurez qu'ils ont la mêmes signification que les trois éveils sus-mentionnés.

Cela est une explication générale du mot Bouddha. Mais s'il faut expliquer en détail le mot Bouddha, même si vous y mettriez trois mois, ou trois années, vous n'en aurez jamais fini. Je connais une manière de l'expliquer en trois minutes et ensuite de le laisser pénétrer tout doucement dans l'esprit. Les Américains aiment la rapidité. Ils veulent que tout soit fait rapidement. Aussi, je vais expliquer le Sutra d'une façon aussi rapide qu'un lancement d'une fusée dans la lune : Zut ! Vous êtes déjà quoique je retiens toujours les anciennes méthodes du passé mais je ne peux plus les appliquer, car elles ne sont plus appropriées.

Bouddha demeurait à Shravasti. Shravasti, un mot sanscrit, était le nom de la capitale où vivait le roi Prasenajit, dans la demeure du Bosquet de Jeta qui se trouvait près de la ville, Bouddha enseignait et transformait beaucoup d'êtres vivants. Shravasti était différente des autres villes, on y trouve, d'une manière insolite tous les plaisirs qui satisfont nos cinq désirs : les formes, les sons, les odeurs, les

saveurs et les objets tangibles. Tout était extrêmement raffinée. Concernant les formes, il y avait beaucoup de belles femmes et la ville elle-même était indubitablement très colorée. Quant aux sons, la musique mélodieuse, et quant aux odeurs, du curry indien une spécialité indienne qui sent très fort quand on cuisine. Quant aux saveurs, du ghee en Inde, mais comme je ne l'ai jamais goûté, alors je ne sais pas s'il est disponible dans ce pays. Et quant aux objets tangibles, il existe de la soie très douce au toucher, le sommet de l'élégance, à Shravasti.

La ville était remplie d'abondance et l'affluence, habitants vertueux, bien éduqués, libres. C'est pourquoi Shravasti était considérée comme une ville "d'Abondance et Vertu". Les gens étaient bien éduqués, instruits et expérimentés, intelligents, ayant une vue pénétrante et de larges connaissances. C'était un peuple libre de toute contrainte venant des pays étrangers.

Autrefois un Maître du Dharma allait chercher l'instruction chez un Maître du Dharma plus âgé. Quand il arrivait, il arrangeait sa robe et sa ceinture, s'agenouillait devant ce dernier et demandait l'instruction.

"Quelle instruction attendez-vous de moi ?" Demanda le vieux Maître.

"Je cherche la liberté." Vint la réponse.

"Qui vous attache ?" Demanda le vieux Maître.

Dès qu'il entendit la question, le jeune Maître du Dharma réalisait que rien ne l'attachait et devint immédiatement éveillé. "Je suis libre." Se rendit-il compte. "Pourquoi dois-je encore chercher la liberté ?" Cette réalisation montrait son éveil. "Si je cultive la voie pour obtenir la liberté et si quelqu'un me dit que je ne suis plus attaché, deviendrais-je éveillé ?" Demandez-vous.

C'est différent. Votre temps n'est pas encore arrivé. Votre potentiel n'a pas encore mûri. Quand il arrive, une phrase vous rendra éveillé, vous permettra tout à coup de connecter et de réaliser la voie de l'éveil.

Les gens de Shravasti étaient libres, quand ils pratiquent, il leur était très facile de réaliser la voie. Parce que Shravasti était si bien dotée d'abondance et de vertu, le Bouddha y demeurait pendant qu'il était en ce monde.

La sublime demeure du Bosquet de Jeta est le Bosquet de Jeta dans le Jardin du Bienfaiteur des orphelins et du solitaire, cité au début du Sutra Vajra.

A Shravasti vivait un grand ancien nommé Sudatta gratifié de multiples bénédictions. Personne ne savait l'étendue de sa fortune. Un jour, un ami dit à Sudatta : Le Bouddha enseigne à tel et tel lieu le Dharma. Dès que Sudatta entendit le nom du Bouddha, ses cheveux se dressèrent tellement il en fut impressionné.

"Je veux aller voir le Bouddha maintenant." Dit-il.
"Immédiatement !"

Connaissant la sincérité de son désir, le Bouddha émettait de la lumière sur Sudatta, si bien que même étant très loin et en pleine nuit, Sudatta pensât qu'il faisait déjà l'aube, alors il se leva et sortit pour aller voir le Bouddha. Puisqu'il faisait encore nuit, les portes de la ville étaient encore fermées, mais grâce au pouvoir spirituel du Bouddha, les portes s'ouvrirent d'elles-mêmes quand Sudatta arriva et se fermèrent derrière lui après son passage. Il atteignit sa destination, vit le Bouddha et écoutant celui-ci parler du Dharma, il se sentait indiciblement heureux. Alors, il demanda au Bouddha : "Vous avez beaucoup de disciples, où habitez-vous donc ?"

A ce moment là, il n'y avait pas encore la résidence sublime dans le Bosquet de Jeta. Le Bouddha dit : "Je n'ai pas de demeure permanente." "Je construirai un monastère pour vous !" Dit l'ancien. "Je vous fournirai une demeure." Puisqu'il était riche, il était sûr de ses paroles. "Dès que je suis de retour, je trouverai un endroit et commencerai la construction."

A son retour à Shravasti, il prospectait partout, finalement, il découvrait le jardin du Prince Jeta, qui se trouvait à peu près à deux kilomètres de la ville. Et qui convient parfaitement à Bouddha, il veut l'acheter pour offrir au Bouddha. Mais le jardin appartenait au Prince. Alors, il allait négocier avec lui.

"Pourquoi voulez-vous acheter mon jardin ?"
Demanda le Prince Jeta.

"Je vais construire une résidence pour inviter le Bouddha à y habiter." Répondit l'ancien.

"D'accord !" Dit le Prince Jeta en plaisantant.
"Couvrez complètement les terres du jardin de pièces d'or et je vous le vendrai." Il ne venait jamais dans l'esprit du Prince que Sudatta le ferait réellement. Qui aurait deviné que Sudatta reviendrait et ramènerait toutes les pièces d'or des entrepôts de sa famille et en couvrirait tout le jardin ?

"J'ai juste plaisanté !" Cria le Prince lorsqu'il vit le jardin couvert de pièces d'or. "Comment pourrais-

je vendre mon jardin ? Vous n'auriez pas dû me prendre au sérieux !"

"Vous êtes Prince à présent." Répondit le vieux Sudatta. "Vous serez roi dans le futur. Un roi ne plaisante pas. Vous ne pouvez pas plaisanter avec moi. Tout ce que vous dites devrait être respecté. Vous ne pouvez pas refuser de me le vendre." (à suivre)

LE MANTRA SHURANGAMA

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra : 6. FWO TWO JYU SHAI
NI SHAN.

Verse :

Mille millions de bons signes embellissent son corps.

Le grand sommet de la couronne du Bouddha rempli d'écritures secrètes et magiques

Si on les reçoit et les maintient avec la vigueur appliquée, en prenant refuge auprès du trésor du Dharma, chaque jour paraît nouveau.

Commentaire : FWO TWO traduit comme « seul illuminé » d'illumination, il y a :

1. L'illumination du moi
2. L'illumination des autres et
3. La perfection de l'illumination et de la pratique.

L'illumination du moi est la voie accomplie par les deux petits véhicules. Quand ils sont illuminés alors sont différents des profanes qui sont ignorants. Ces deux petits véhicules comprennent les auditeurs du son et ceux qui sont illuminés par des conditions, les auditeurs du son entendent la voix du Bouddha et sont éveillés. Ceux qui sont éclairés par des conditions pratiquent les douze interdépendances et sont éveillées. Mais dans ces deux véhicules les gens s'occupent seulement de leur propre illumination et n'éclaircissent pas les autres. Ils ne peuvent transporter qu'une seule personne à la libération.

Les Bodhisattvas sont différents de ceux des deux petits véhicules car non seulement ils s'éclairent eux-mêmes mais éclairent aussi les autres. Malgré cela, ils restent encore sur la route, ils n'ont pas encore atteint l'illumination et la pratique.

Ils se libèrent et sauvent les autres en chemin,

Ils s'éclairent et éclairent les autres

Ils se bénéficient et bénéficient les autres.

Ils n'ont pas encore atteint le fruit de la Bouddhité.

Les Bouddhas sont différents des Bodhisattvas dans le fait que, non seulement ils s'éclairent et

éclairent les autres, mais ils ont atteint la perfection dans l'illumination et la pratique. Leur éveil est total et leurs innombrables pratiques sont aussi parfaites.

Les trois sortes d'illuminations parfaites,

Les innombrables vertus accomplies

Il est donc appelé un Bouddha.

SYU JR est du sanscrit et se traduit comme « centaines de millions », désignant ici des centaines de millions d'embellissements de ses signes et caractéristiques qui sont pratiqués sur terre.

On dit : Pendant trois ASANKHYEYAS, il pratiquait les bénédictions et la sagesse ; pendant une centaine d'éons, il perfectionnait les signes et les caractéristiques.

Alors, les premières lignes du poème disent : Mille millions de signes embellissent son corps, le grand sommet de la couronne du Bouddha rempli d'écritures secrètes et magiques, le Mantra SHURANGAMA est appelé une écriture secrète et magique. « Car quand vous récitez le Mantra SHURANGAMA, ses effets magiques sont inconcevables et ineffables. C'est le Mantra proclamé à partir du sommet de la couronne du Bouddha, sa fonction et sa force sont inconcevables et ineffables, les gens ordinaires ne peuvent pas le connaître, ni le comprendre.

Si vous recevez le Mantra Shurangama avec la vigueur appliqué ; alors vous devriez la pratiquer avec et maintenir application, ou si vous n'avez pas beaucoup de temps, vous pouvez pratiquer et maintenir le cœur du Mantra mais ne soyez pas paresseux.

En prenant refuge auprès du trésor du Dharma, chaque jour paraît nouveau, la deuxième phrase, composée des lignes du cinquième et du sixième strophes du Mantra, représente la prise de refuge auprès de la trésorerie du Dharma de l'intégrité des dix directions. SHAI NI SHAN se traduit comme « le sommet du grand Bouddha », le merveilleux Dharma. Ainsi, nous prenons d'abord refuge auprès du trésor du Bouddha,

ensuite nous prenons refuge auprès du trésor du Dharma.

Mantra : 7. NA MWO SA PE.

Poème :

*Vénérez à tous les Mahasattvas,
Dans le champs pur des bénédictions poussent les
bourgeons du Bodhi ; nourrissez les et arrosez les,
soyez constamment vigoureux.
Quand le mérite est parfait et le fruit mûr, vous
pouvez joindre à l'assemblée de la Fleur du
Dragon.*

Commentaire : SA PE se traduit comme « tout », alors la première ligne du poème dit : Vénérez à tous les Mahasattvas, ou retourne sa vie vers tous les Bodhisattvas, les sages et les saints du Sangha, comme le Bodhisattva Kuan Yin, le Bodhisattva de la grande force, le Bodhisattva Manjushi, le Bodhisattva de la dignité universelle, aussi bien que tous les arhats. Les sages et les saints du Sangha continuent à pratiquer des « champs de bénédictions ».

Dans les champs purs de bénédictions poussent les germes du Bodhi, si vous respectez à tous les Bouddhas et Bodhisattvas, alors vous semez les grains de bénédictions et le germe du Bodhi. Nourrissez les et arrosez-les, soyez constamment vigoureux dans votre pratique. Quand le mérite est parfait et le fruit mûr, vous pouvez vous joindre à l'assemblée de la Fleur du Dragon, lorsque votre mérite et votre vertu sont parfaits, vous pouvez assister à l'assemblée de la Fleur du Dragon, l'assemblée du Dharma du Bodhisattva Maitreya, un Bouddha dans le futur. Alors, si vous pratiquez maintenant, dans le futur vous pourrez vous joindre à l'assemblée de la fleur du dragon.

Mantra : 8. BWO TWO BWO DI.

Poème :

*Grandement pénétrant, grandement éclairé c'est le
grand héros.
Maître des gens et des dieux, il est rempli de
bénédictions et de sagesse constituant la cause,
puis pratiquez les six perfections au Paramita.
Remplissez d'innombrables pratiques pour obtenir
le fruit de la merveilleuse illumination.*

Commentaire : BWO TWO comme FWO TWO, veut dire Bouddha et BWO DI comme PU TI signifie Bodhi. Les sons sont légèrement différents, mais le sens est le même. Grandement pénétrant, grandement illuminé est le grand héros, le Bouddha est celui qui a des grands pouvoirs et un grand éveil, il est un grand héros. Maître des gens et des dieux, il est rempli de bénédictions et de sagesse, il est un exemple pour les gens et les dieux, ayant pratiqué les bénédictions et la sagesse à la perfection. Tout cela constitue,

Pratiquez les six Paramitas : la donation, la tenue des préceptes, la patience, la vigueur, le Samadhi du Chan, et la sagesse constituant le fruit, remplissez d'innombrables pratiques menant à la merveilleuse illumination quand il a atteint le niveau du fruit, accompli d'innombrables aspects de sa conduite et certifié la vérité du vrai principe de la merveilleuse illumination. Il devient alors un Bouddha. (à suivre)

- ☐ Les calamités ne sont pas dues à un pouvoir céleste. Ce sont les hommes qui en supportent les conséquences. Un malheur humain est créé et subi par soi-même.
- ☐ Tuer est le karma le plus puissant du monde. L'effet de ce karma est le plus fort de tous les karmas. Les hommes s'entretuent, se vengent les uns les autres ; c'est la chose la plus tragique dans ce monde.
- ☐ Ce qui est le plus difficile dans la pratique de la vertu religieuse, c'est couper toute passion. Cela signifie transformer les passions en bodhi ou l'esprit d'éveil
- ☐ Le monde de la Félicité vient de l'esprit. Notre nature véritable est Terre Pure ; c'est aussi Bouddha Amitabha. L'absence de toute pensée ou perception, c'est Terre Pure. L'absence de passion, c'est Amitabha Bouddha.
- ☐ Celui qui pratique la vertu est comme l'eau (qui coule vers les niveaux bas), reste modeste en toutes circonstances, ne revendique aucun mérite. Il cède ce qui est bon aux autres et accepte ce qui est mauvais.

Le Vénérable Maître Hsuan Hua

LE MANTRA DE LA GRANDE COMPASSION

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

Le Sutra du cœur Dharani de la Grande compassion a été totalement expliqué mais le Mantra de la Grande compassion ne l'a jamais été. En réalité, il n'y a absolument aucun moyen d'expliquer le Mantra de la Grande Compassion parce qu'il a un langage secret et ésotérique.

Préalablement, je parle d'un vers du Mantra :

"Le grand Mantra de la Grande Compassion
pénètre le ciel et la terre
Cent récitations pendant mille jours
Font réjouir les dix rois
Sa grande compassion et sa bonté
Guérissent toute maladie
Et alors une annonce est projetée du haut
D'un écran de la faute".

Quand vous récitez le Mantra de la Grande Compassion, les cieux bougent et la terre tremble car le Mantra pénètre le ciel et la terre. Si vous le récitez 108 fois tous les jours pendant mille jours (soit à peu près trois ans), à la même heure chaque jour, sans manquer un jour, même si vous êtes occupés, alors les dix rois qui sont les gérants dans les enfers dans les cours de Yama sont ravis.

Pourquoi appelle-t-on « le Mantra de la Grande compassion ?

Parce que sa compassion peut débarrasser les êtres vivants de toutes leurs souffrances et difficultés. Parce qu'il soulage la souffrance et donne le bonheur, il est appelé le Mantra de la Grande compassion. Plus important, il peut guérir les maladies. Quelle que soit votre maladie, si vous récitez ce Mantra, vous serez guéri.

Quelqu'un demande « je le récite, pourquoi ne suis-je pas guéri ? » « Vous n'êtes pas guéri car votre cœur n'est pas sincère. Avec un cœur sincère, vous obtiendrez certainement une réponse du Mantra.

Quand vous récitez 108 fois tous les jours pendant mille jours, les dix directeurs des cours de yama seront ravis et toute maladie peut être guérie. Vous aurez gagné beaucoup de mérites parce que pendant trois ans, en récitant le Mantra, vous ne commettrez pas de fautes, vous ne boirez pas de vin, vous ne mangerez pas de viande ou les cinq plantes piquantes.

Dans les enfers, il y a une plate forme sur laquelle se tient l'écran de « l'offense ». Sur cet écran, vous voyez tout ce que vous avez fait (voler, tuer, mettre le feu...), comme le déroulement d'un film.

Si vous n'avez pas de karma, alors, rien ne se présentera sur l'écran. Parce que vous êtes dépourvus d'obstacles karmiques, partout dans les enfers, on verrait cette phrase : « Celui-ci ou celui-là a récité la Mantra de la Grande Compassion et a déjà défait sa faute karmique ». Tous les spectres et esprits dans les enfers devraient s'incliner à votre égard comme s'ils rencontraient tous les Bouddhas du passé, du présent et du futur. Ils vous protégeraient comme s'ils protégeaient les Bouddhas des trois temps et devraient informer tous les autres spectres et esprits de ne pas vous créer de problèmes. Ainsi, le pouvoir de ce Mantra est inconcevable.

NA MWO HE LA DA NWO DWO LA YE YE

Nous récitons « Na Mwo Amitabha Bouddha » et « Na Mwo Le Maître Fondamental Shakyamuni Bouddha » mais savez-vous ce que veut dire « Na Mwo » ? Très peu de gens le savent. Il y a quelques années, j'ai posé cette question à une assemblée et personne n'a su me donner une réponse satisfaisante. Na Mwo est un mot sanscrit qui signifie « prendre refuge ». Cela veut dire aussi « consacrer sa vie, se soumettre respectueusement », c'est-à-dire « j'ai donné ma vie au Bouddha. Je ne la veux pas pour moi-même. Je l'ai offerte au Bouddha et s'il me demande de vivre alors je vis et s'il me demande de mourir alors je meurs. J'obéis au commandement du Bouddha ». Ceci est appelé « consacrer sa vie à ... ». « Se soumettre respectueusement » signifie se soumettre avec vénération et avec confiance à Bouddha. Ceci est la signification de Na Mwo.

En transformant notre vie, nous prenons refuge auprès du Bouddha corps et esprit. Nous offrons notre vie au Bouddha et prenons refuge auprès

de lui. En général, Na Mwo He La Da Nwo Dwo La Ye Ye veut dire « prendre refuge auprès des Trois Joyaux illimités des dix directions ». C'est le principal corps du Bodhisattva qui observe les sons du monde. Bien qu'il soit le corps principal du Bodhisattva, il signifie aussi « prendre refuge auprès des Bouddhas dans les dix directions, du passé, du présent et du futur. En récitant cette phrase du Mantra, vous dites non seulement à vous-même de prendre refuge auprès des trois joyaux des dix directions illimités et qui demeurent éternellement dans le monde ; mais aussi à tous les êtres vivants qui ayant entendu son langage secret, sont invités à retourner leur vie et à la soumettre respectueusement. Vous savez ce que sont les Trois Joyaux, n'est-ce pas ? Le Joyau du Bouddha, le Joyau du Dharma et le Joyau du Sangha. Vous devriez connaître vraiment que ces Trois Joyaux sont ce qu'il y a de plus sublime et précieuse qui existe. Aussi bien ne ce monde ici-bas, que ceux d'au-delà : perception ou non-perception. Il n'y a rien de plus sublime et honorable que les trois joyaux de l'enseignement du Bouddha. Le monde du Dharma des Bouddhas est le plus haut des dix mondes du Dharma. Nous devrions donc nous réfugier auprès de ces Joyaux suprêmes avec vénération et une profonde croyance, l'accepter fidèlement sans le moindre doute.

On peut poser cette question : « Quel est l'avantage de prendre refuge auprès du Bouddha »? Si vous prenez refuge auprès du Bouddha, vous ne tomberez pas en enfer ; auprès du Dharma vous ne deviendrez pas un esprit affamé ; si vous prenez refuge auprès du Sangha, vous ne vous changerez pas en animal. Ceci à condition que vous adotiez toute bonne conduite en accord avec l'enseignement. Si vous continuez à mal agir comme auparavant, c'est-à-dire tuer, voler, commettre l'adultère, mentir, consommer des boissons alcoolisées, commettre des incendies, faire ce qui vous plaît, vous ne pourrez éviter les trois mauvaises destinées. Il n'y a pas de courtoisie dans l'enseignement du Bouddha, du Dharma, et du Sangha et ne vous dites pas ceci : « J'ai pris refuge auprès des Trois Joyaux et ainsi je ne tomberai pas en enfer et je ne deviendrai pas un animal ou un esprit affamé, et je suppose que je peux faire ce qui me plaît. Non ! Mais vous devez changer vos mauvaises actions. Si vous continuez à commettre des fautes, vous irez en enfer tout de même.

Le Bouddhisme n'est pas comme les religions externes qui prétendent « tout ce dont vous avez besoin c'est la foi. Si vous y croyez, même si vous commettez des fautes, vous pourrez aller au paradis.

Mais, par contre, si vous n'y croyez pas, même si vous nourrissez le mérite et la vertu, vous n'irez pas au paradis. Si vous croyez en Bouddha mais si vous commettez des fautes, vous irez quand même en enfer. Si vous ne croyez pas en Bouddha, et vous avez plein de mérites et vertus, vous irez au paradis tout de même. La doctrine du Bouddhisme ne trompe pas les gens en disant « croyez en Bouddha, alors tout marche bien ». Si vous croyez en Bouddha, vous ne devez jamais commettre de fautes car si vous en commettez, vous irez toujours en enfer.

D'accord, vous pouvez demander si « nous irons en enfer pourquoi dois-je prendre refuge auprès des Trois Joyaux ? » En prenant refuge, vous devez changer le mal et vous tourner vers le bien, changer vos fautes, vous transformer en une personne toute neuve, ne faisant que de bonnes actions et évitant toute mauvaise action. Alors, vous pourrez obtenir des bénéfiques. Par conséquent, « Na Mwo He La Da Nwo Dwo La Ye Ye » signifie « prendre refuge auprès des trois joyaux illimités ». Quand vous récitez cette phrase du Mantra, les malheurs seront extirpés. Dans une catastrophe, si vous la récitez continuellement, la catastrophe disparaîtra. Les grandes catastrophes seront minimisées et les petites disparaîtront. Ceci est le « Dharma d'extirpation des malheurs », un des cinq Dharmas Esotériques qui sont :

- Déraciner les désastres.
- Accroître les bénéfiques.
- L'accomplissement.
- Provoquer la reddition.
- Conquérir et capturer.

La récitation de cette phrase permet aussi « d'accroître les bénéfiques ». Si vous avez déjà de bonnes racines et que vous récitez le Mantra, vos bonnes racines se multiplieront et vous obtiendrez plus de bénéfiques. Ceci est le « Dharma d'augmentation de bénéfiques ».

(à suivre)

☐ Le corps de chacun est un enfer, mais nous ne le savons pas.
 ☐ Pour quelle raison l'on éprouve des soucis, de l'affliction, de la peur ? Parce que l'on est sous l'imprise de désir d'aimer. Quand disparaître ce désir, il n'y aura plus de tristesse ni crainte.

Le Vénérable Hsuan Hua

LE SUTRA DU VAJRA PRAJNA PARAMITA

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Si vous n'êtes pas attaché à la réalité du don, vous vous accumulerez sans limite votre mérite et votre vertu, même en ne donnant qu'un seul centime. Si vous négligez de pratiquer la bonne méthode, malgré vos innombrables donations effectuées à travers des grandes périodes cosmiques, en nombre infini comme des atomes de poussières, vous n'auriez toujours rien accompli. Comme si, faisant cuire du sable, vous espérez obtenir du riz ; vous pouvez le faire aussi longtemps que vous voulez, le sable ne devient jamais le riz.

Le Bouddha Sakyamuni utilisait l'analogie "de l'espace vide dans dix directions" pour représenter l'importance du mérite et de la vertu dans l'acte de donation séparée de la réalité du don. Il dit "Subhuti, un Bodhisattva devrait seulement s'attacher à ce qui a été enseigné ainsi." Quand un Bodhisattva a décidé de réaliser le Bodhi, il devrait penser à ce qui a été enseigné et le maintenir conformément dans sa pratique.

Si vous vous souvenez de ce que vous avez donné, alors je l'oublierai. Si vous l'oubliez, alors je le garderai dans l'esprit. De même le Bouddha qui connaissait les cœurs de tous les êtres vivants, est conscient du fait que vous n'avez pas oublié le mérite et la vertu dans vos donations, donc il serait inutile de les rappeler lui-même. Quand vous les oubliez, le Bouddha s'en souvient. Pensez-vous qu'il vaut mieux pour vous ou pour le Bouddha de s'en souvenir ?

Vous pensez, "Je crains que si j'oublie, le Bouddha oubliera aussi, et alors je n'aurai absolument aucun mérite du tout."

Ne craignez jamais. Si vous oubliez vos actes de donation, le Bouddha s'en souviendra

éternellement. Comme a été dit plus tard dans le Sutra du Vajra, " le Tathagata est capable de lire les pensées de tous les êtres vivants."

Quand vous faites de bonnes actions, vous vous en souviendrez, mais quand vous faites de mauvaises actions, les garderez-vous dans votre mémoire ? Non, vous essayez d'oublier vos agressions immédiatement, cependant vous vous souviendrez toujours du bien que vous avez fait. Alors que vous devriez oublier le bien et vous souvenir du mal.

Pourquoi vous souvenez-vous du mal ? Ainsi vous ne le referez plus jamais pas. Pourquoi oubliez-vous le bien ? Ainsi vous vous sentirez le besoin d'en faire plus.

Pour ceux qui étudient l'enseignement du Bouddha, tout anniversaire d'un Bouddha ou celui d'un Bodhisattva, ou le jour où il avait quitté la vie de famille, atteint son illumination, ou son entrée dans le Nirvana, sont d'excellents moments pour faire offrandes aux Triple Joyaux, à ce moment la vertu méritante augmente indéfiniment. Une cérémonie d'anniversaire du Bouddha Amitabha était célébré pour éclairer l'image du Bouddha, le vers composé à cette occasion dit :

*Amitabha signifie lumière sans limite.
Aujourd'hui nous allumons une lumière, la
lumière illimitée.*

*Lumière sans limite illumine les terres sans
limite ;*

Tous les êtres vivants sont illuminés sans bornes.

Quand on fait offrandes aux Triple Joyaux à l'occasion de ces anniversaires, dans la terre éternelle toujours brillante, le Bouddha Amitabha en tient sûrement compte, et le mérite et la vertu du donateur se multiplieront des millions de fois davantage – que ce soit des donations de biens matériels ou de force, pourvu qu'on n'y pense pas. C'est la véritable donation.

La strophe était écrite par le Maître vénérable du Tripitaka Hsuan Hua. La cérémonie était tenue le 22 décembre 1969.

5. LE PRINCIPE D' "AINSI" DU VERITABLE VOYANT.

Texte : **“Subhuti, qu’en pensez-vous, le Tathagata peut-il être vu avec ses réalités physiques ?”**

“Non, Seul Honoré du Monde, le Tathagata ne peut pas être vu avec ses réalités physiques. Et pourquoi ? Parce que le Tathagata disait que les réalités physiques sont comme les non vérités physiques.”

Le Bouddha dit à Subhuti, “ Tout est vide et faux. Si vous pouvez voir toutes les vérités comme les non-vérités alors vous voyez le Tathagata.”

Commentaire : Dans le passage précédent du texte, le Bouddha dit à Subhuti qu’un Bodhisattva devrait seulement attacher à ce qui est enseigné “Ainsi”. Vous ne devriez pas refuser le Dharma qui est enseigné, mais devriez rester fidèle aux règles dans votre pratique ; c’est en maintenant les règles que vous faites des progrès. Sans les règles, vous êtes entraîné sans but et dans le futur, vous n’aboutirez à rien.

Le Bouddha Sakyamuni appelait de nouveau, "né vide", à votre avis, est-il vrai que les trente-deux signes et quatre-vingt caractéristiques subtiles sont le corps du Dharma du Tathagata.

Parce que Subhuti avait compris le principe du vide et parce qu’il avait conscience du vide des gens et celui des Dharmas, il dit, “Non, on ne devrait pas compter sur les réalités physiques pour voir le Tathagata.

Et pourquoi ? les trente-deux vérités et quatre-vingt caractéristiques subtiles dont parlait le Tathagata sont des réalités du corps physique, ce n’est pas le vrai, réel corps du Dharma. Le Tathagata a réalisé la substance du principe, le corps du Dharma, alors bien qu’il soit doué des vérités physiques, il n’y a aucun attachement donc, ne peut pas vraiment être vu aux moyens de ces réalités.”

Le Bouddha écoutait l’explication de Subhuti et reconnut qu’il avait raison, en disant, *“Tout ce qui a une forme et une apparence est faux.”* Pourquoi le Tathagata ne peut-il pas être vu par ses caractéristiques corporelles ? Parce que l’existence des vérités est fautive. Toutes les vérités se dégradent et disparaissent. Au milieu des vérités, les connaissances sont vides. Alors vous voyez le corps Dharma du Tathagata, comme étant sans forme ni apparence. Par conséquent si vous

comptez sur les vérités pour voir le Tathagata vous faites une erreur.

Plus tard, dans le texte, un vers de quatre lignes dit :

"Si on me voit en forme,
Si on me cherche dans le Son,
On pratique une voie déviante,
Et ne peut pas voir le Tathagata".

La sagesse existante à l’origine du Prajna dépasse toute réalité.

Ne vous attachez pas à des vérités alors, le véritable Prajna est trouvé.

6. UNE BONNE CROYANCE EST RARE.

Texte : **Subhuti dit au Bouddha, “ Seul Honoré du Monde, dans le futur y auront des êtres vivants qui, ayant entendu de pareilles expressions y croiront-ils vraiment ?”**

Le Bouddha dit à Subhuti, “Ne parlez ainsi ! Après le départ du Tathagata, durant les cinq cents années qui suivront, ceux qui auront maintenu les préceptes et auront pratiqué les bénédictions croiront en ces expressions et les accepteront comme vraies.

“Vous devriez savoir que ces gens avaient semé de bonnes racines, non seulement avec un seul Bouddha, deux Bouddhas, trois, quatre ou cinq Bouddhas, mais avaient semé de bonnes racines avec des millions de Bouddhas.

Tous ceux qui entendent de pareilles expressions et produisent une pensée de la pure foi sont totalement connus et vus par le Tathagata”. (à suivre)

LE BOUDDHA PARLE DU SUTRA D'AMITABHA

UNE EXPLICATION GENEGALE PAR
LE VENERABLE MAITRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

LES SIX UNIONS HARMONIEUSES DU SANGHA

Ces Bhiksus se réunissaient et formaient un Sangha : Sangha est un mot sanscrit qui signifie "le rassemblement unifié harmonieusement". Ils vivaient ensemble sans querelles et se sont unifiés dans le respect du phénomène et noumène. Respectant l'aspect du noumène, ils ont donné preuve de la libération et de l'inconditionné en terme du phénomène, ils se sont unifiés dans le respect des six harmonies :

1. L'harmonie du groupe, habitant ensemble sous le même toit. Ils ne regardent pas les fautes les uns des autres et ne luttent pas entre eux. Ils adoptent un comportement irréprochable : pas de buveurs ni fumeurs, toujours dans une bonne entente. Même ceux qui étaient arrivés avant la formation du Sangha devaient se soumettre aussi au règlement du Sangha.

2. L'harmonie dans les paroles, ils ne se disputent pas. Ils ne bavardent pas, ne révèlent pas les fautes des autres. Trois grenouilles ont six yeux. Tout ce qu'ils disent est basé sur l'importance des principes, jamais de discussions inutiles.

3. L'harmonie dans la pensée, ils jouissent des mêmes choses. Celui qui aime étudier la doctrine du Bouddha aime aussi son prochain. Son amour pour Bouddha est aussi profond que celui qui

pratique, encourage les autres à pratiquer aussi. Tout le monde fait de vigoureux progrès. Ils pratiquent d'un esprit de plus en plus énergique, sans repos, parlant peu, d'un commun esprit harmonieux.

4. Avec les vues harmonieuses, ils ont la même libération.

5. Avec les mêmes préceptes, ils pratiquent ensemble.

6. En harmonie, ils partagent mutuellement leurs bénéfices, MILLE DEUX CENT CINQUANTE EN TOUT... Ce sont les compagnons constants du Bouddha, ses serviteurs. Lorsque le Bouddha se déplaçait pour donner des conférences sur les Sutras, ces Arhats l'ont toujours suivi, même ayant déjà entendu le Sutra.

Il y avait réellement mille deux cent cinquante cinq disciples, mais pour raison de commodité, le nombre était arrondi à mille deux cent cinquante. D'où venaient ces disciples ? Dans le Parc des Gazelles, le Bouddha a d'abord enseigné cinq Bhiksus. Ensuite Yasas, le fils d'un vieux bourgeois et ses quarante neuf serviteurs ont pris refuge, puis le vénérable Sariputra et le vénérable Mahamaudgalyayana, chacun avait cent disciples. Cela fait deux cent cinquante cinq, les frères Kasyapa avaient mille disciples, faisant mille deux cent cinquante cinq et arrondi à mille deux cent cinquante en tout. Tous devinrent disciples du Bouddha

LES FRERES KASYAPA

Les trois frères Kasyapa avaient mille disciples. Parmi eux cinq cent étaient avec Kasyapa Uruvilva. Uruvilva veut dire "la grotte de papaye", c'est à dire qu'il pratiquait dans une grotte de papayes. Certains calculateurs prétendent qu'il avait une bosse sur sa poitrine qui ressemblait à une papaye, certains le décrivaient comme concave et d'autres comme convexe ! Ce qui est probable c'est qu'il aimait manger des papayes, comme il avait pratiqué tellement longtemps dans une grotte de papaye qu'une papaye a poussé sur sa poitrine. Par ailleurs les papayes guérissent les maladies de poumons.

Kasyapa Uruvilva avait deux frères, Gaya, qui signifie "la ville" ou "la montagne à la tête d'éléphant" et Nadi, qui veut dire "la rivière". Ces deux frères avaient cinq cents disciples et si on additionne leurs disciples, le nombre monte à un total de mille.

Le Bouddha a d'abord enseigné et sauvé les cinq Bhiksus dans le Parc du Cerf. Ensuite, voyant que le potentiel des trois frères Kasyapas avait mûri, il est allé à la demeure de Kasyapa Uruvila. Il ne pouvait cependant pas dire directement, "Je viens pour vous sauver, si c'était vous. Croyez-vous cela" ? Il a dû employer un moyen intelligent qui convient à ce moment, alors il dit : "il est tard et je ne peux pas voyager plus loin. Puis-je me réfugier ici ?".

Kasyapa Uruvila, un adorateur de feu, puissant à l'époque, vit le Bouddha et pensa, "Comme il a l'air si distingué ? puissant comme il était, il ne pouvait se mesurer au Bouddha. "Etrange", pensa-t-il, "Je peux voir le passé de n'importe qui simplement en le regardant. Pourquoi je ne vois rien en lui ? Finalement il dit au Bouddha, "Très bien, vous pouvez rester ici", et il le mit dans une cave où vivait un dragon, son protecteur. Le dragon était extrêmement féroce et brûlait à mort n'importe qui s'approche de lui. Au milieu de la nuit, le dragon essaya de brûler le Bouddha mais le Bouddha entra dans le Samadhi de la lumière du feu et ne put être brûlé. Finalement il a réussi à capturer le dragon et le mettre dans son bol. Pour convaincre le dragon, il lui dit, "Vous pouvez seulement faire du feu, vous ne pouvez pas sauter hors de mon bol", plus tard le Sixième Patriarce dirait à un autre dragon, "Vous pouvez seulement vous agrandir mais pas vous rapetisser". Le Bouddha a utilisé un Dharma très naturel pour capturer le dragon et le mettre dans son bol. Ensuite il lui a expliqué le Dharma et le dragon a pris refuge.

Voyant de pareils pouvoirs spirituels et transformations, Kasyapa savait que sa propre vertu n'était pas aussi grande que celle du Bouddha. Là-dessus, il a pris refuge et a chargé ses cinq cents disciples de faire pareillement. Très tôt, après avoir quitté la vie de famille, ils ont fait preuve de porter sagement les fruits.

Les deux frères Kasyapa étaient aussi des adorateurs de feu, mais lorsqu'ils ont vu que leur frère était devenu un Bhiksu, ils ont voulu aussi quitter la famille. Ils l'ont fait et ensemble avec leur

cinq cents disciples ils ont fait bientôt preuve de porter sagement les fruits aussi.

Cela fait mille deux cent et cinquante cinq disciples. En dehors de leur gratitude à l'égard de la profonde bonté de Bouddha et de son enseignement, ils étaient les compagnons constants de ce dernier. Où qu'il aille, ils l'accompagnèrent et protégèrent l'assemblée. Par exemple, ici nous faisons des conférences sur les Sutras et ceux qui sont viennent écouter, protègent l'assemblée. Même s'ils ont compris déjà les doctrines, ils viennent quand même, en dépit de leur emploi du temps parfois très chargé, pour réécouter les doctrines qu'ils ont déjà écoutées.

Et, son seul cri "Na Mo Bouddha", suffit pour montrer sa foi sincère et mûre lui permettant de quitter sa famille et de réaliser le fruit. »

Vous ne devez pas méprendre et dire « J'ai commis beaucoup de fautes, je ne pourrai renaître au ciel. » Si vous avez de lourd Karma de fautes, vous avez maintenant une bonne occasion de le prendre avec vous à la Terre de l'Ultime Béatitude. Malgré les offenses que vous avez commises dans le passé, si vous changez votre esprit et corrigez votre conduite, vous pourrez y renaître même, avec les fautes. (à suivre)

CHANT DE L'ILLUMINATION

Le Grand Maître Yung Chia

Commentaire par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Texte : ON VOIT CLAIREMENT : QU'IL N'Y A ABSOLUMENT RIEN, PAS DE GENS, NI DE BOUDDHAS.

LES MILLE GRANDS MONDES SONT DES BULLES DANS LA MER. TOUS LES ARYAS SONT COMME DES ÉCLAIRS.

MEME SI UNE ROUE EN FER ROULAIT SUR VOTRE TETE, VOTRE SAMADHI ET VOTRE SAGESSE SERAIENT PLEINEMENT BRILLANTS ET JAMAIS PERDUS.

Commentaire : ON VOIT CLAIREMENT QU'IL N'Y A ABSOLUMENT RIEN. Une fois qu'on est en accord mutuel avec ce Dharma, on serait lucide et rempli de la vraie et pure connaissance et vision, et alors rien n'existerait plus.

IL N'Y A PLUS DE GENS, NI DE BOUDDHAS.

Puisque les choses ne sont pas constituées, les gens et les Bouddhas sont alors vides. LES MILLE GRANDS MONDES SONT DES BULLES DANS LA MER. Quoique les grands mille mondes, aussi innombrables que les grains de sable, soient immenses et vastes, ils sont pourtant comme des bulles d'écumeuses dans l'océan.

TOUS LES ARYAS SONT COMME DES ECLAIRS. Puisque les gens et les Bouddhas sont vides, les Dharmas ne seront plus créés. C'est pourquoi, on dit "tous les aryas sont comme des éclairs".

MEME SI UNE ROUE EN FER ROULAIT SUR NOTRE TETE. Si une roue en fer chaude roulait sur notre tête et notre corps était brûlait.

NOTRE SAMADHI ET NOTRE SAGESSE SERAIENT PLEINEMENT BRILLANTS ET JAMAIS PERDU. Par la force de ce Samadhi et le pouvoir de cette sagesse, on atteint un état de parfaite éternelle.

Texte : LE SOLEIL PEUT SE REFROIDIR,

LA LUNE PEUT SE RÉCHAUFFER ?

LA MULTITUDE DES DEMONS NE PEUT PAS DETRUIRE LE VRAI DISCOURS.

LA TROUPE D'ELEPHANTS S'AVANCE LE LONG DE LA ROUTE LENTEMENT ET AVEC DIGNITE.

QUI A VU UNE MANTE RELIGIEUSE QUI POUVAIT LA DÉVIER DE SA COURSE ?

LE GRAND ELEPHANT NE VOYAGE PAS SUR LE CHEMIN DU LAPIN.

LE GRAND EVEIL NE S'EST PAS RESSERRE DANS PETIT ESPACE.

NE RAPETISSEZ PAS LE CIEL D'AZUR EN LE REGARDANT A TRAVERS UN ROSEAU.

POUR CEUX D'ENTRE VOUS QUI N'ONT PAS COMPRIS, JE DÉVOILE MAINTENANT LE SECRET.

Commentaire : LE SOLEIL PEUT SE REFROIDIR,

LA LUNE PEUT SE RÉCHAUFFE. Même s'il devait en réalité arriver que le soleil dussent se changer du chaud au froid et la lune du froid au chaud,

LA MULTITUDE DE DÉMONS NE PEUT PAS DÉTRUIRE LE DISCOURS RÉEL.

Quelle que soit la tromperie diabolique utilisée par les multitudes de démons célestes, les adhérents des chemins externes, etc., ils n'arrivent jamais à briser le vrai enseignement du Dharma, la porte du Dharma de l'enseignement du soudain Venu-Ainsi.

LA TROUPE D'ELEPHANTS S'AVANCE LE LONG DE LA ROUTE LENTEMENT ET AVEC DIGNITE. La voiture tirée par le grand éléphant est pleine de dignité. Bien que l'allure de l'éléphant semble lente, elle progresse très rapidement.

QUI A VU UNE MANTE RELIGIEUSE QUI PEUT LA DÉVIER DE SA COURSE ? Qui a déjà vu une petite mante religieuse qui, en priant, peut dévier de sa course la voiture tirée par le grand éléphant ? Ceci est une illustration les grandeurs merveilleuses accomplies par les grands Bodhisattvas qui ne peuvent pas être mesurées par les démons célestes ni les adhérents des chemins externes.

LE GRAND ELEPHANT NE VOYAGE PAS SUR LE CHEMIN DU LAPIN. Le Bodhisattva du Grand Véhicule ne condescend pas à

pratiquer les portes du Dharma du Petit Véhicule, comme le grand éléphant ne marche pas dans le chemin du lapin.

LE GRAND EVEIL NE S'EST PAS RESSERE DANS UN PETIT ESPACE. En pratiquant le Grand Véhicule des portes du Dharma de l'enseignement du Bouddha (soudain), on percevra sa source originelle, sa propre nature, sa Bouddhité naturelle, en d'autres termes, la grande percée. Ceci se réfère au grand éveil de son visage originel. Cependant, il n'est pas resserré dans un petit espace.

NE RAPETISSEZ PAS LE CIEL D'AZUR EN LE REGARDANT A TRAVERS UN ROSEAU. Ne laissez pas votre vision du ciel d'azur limité à travers un roseau. Ne mesurez pas l'océan de la connaissance avec une gourde et ne continuez pas à calomnier la porte du Dharma du grand véhicule de l'enseignement du Bouddha.

POUR CEUX D'ENTRE VOUS QUI N'ONT PAS COMPRIS, JE DÉVOILE MAINTENANT LE SECRET. S'il existe des gens qui sont incapables de comprendre cette porte du Dharma parfaite et soudaine, je vais leur expliquer maintenant les secrets essentiels pour devenir éveillé et atteindre la voie. (fin)

SE REPENTIR PERMET DE S'AMÉLIORER

Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

*"Si la repentance s'accompagne d'un cœur
absolument sincère et honnête,
Aucune crainte d'en avoir une chance".*

La puissance du Bouddha Dharma est immense, néanmoins la force karmique des êtres vivants est aussi gigantesque c'est pourquoi disait ce vers :

« Un profane est pourvu de lourds karmas, de passions aveuglantes »

« Tandis qu'un Bouddha est dépourvu de karma, ainsi que de passions »

Donc, la différence entre un Bouddha et un profane réside dans la présence ou l'absence de karma et de passions.

"Eveillé, on est un Bouddha,
Ignorant, on est un profane".

Cela veut dire :

*"Quand on est éveillé, on est un Bouddha,
Et quand on est aveuglé par l'ignorance, on est
un profane".*

Or, les êtres vivants souvent s'opposent à l'éveil et se rapprochent de l'ignorance. Ils tournent le dos à la lumière de l'éveil pour se joindre, se mêler, s'intégrer à la poussière de l'ignorance. Tourbillonnés par la passion des cinq désirs : de richesse, de beauté, de célébrité, de nourriture, de sommeil, et au fil des années, ils multiplient davantage leurs mauvais karmas. Alors qu'un Bouddha qui, complètement libéré de tout désir, ne crée plus de karma. Les êtres vivants, ayant subi de lourds karmas, pour atteindre la Bouddhité, doivent, tout d'abord, racheter les mauvais karmas qu'ils ont créés, car si, d'une part, vous ne voulez pas vous confesser, et d'autre part vous voulez atteindre l'Illumination, devenir un Bouddha, c'est comme si vous faites cuire du sable et vous voulez obtenir du riz même si vous faites cuire durant une infinité de kalpas vous n'obtiendrez jamais du riz.

« Sam » veut dire : Reconnaître, confesser ses fautes, se sentir honteux de les avoir commises. « Hôï » veut dire : Se changer en mieux, se corriger, bien décidé de s'améliorer et de ne plus jamais recommencer, comme a dit Viën Liêu Phàm :

*"Les mauvais actes commis dans le passé,
La veille était le dernier jour,
Les actes accomplis dans le futur,
Aujourd'hui c'est une nouvelle vie".*

Cela veut dire :

*"Toutes les mauvaises actions qu'on a
commises auparavant dans le passé jusqu'à la
veille, c'était le dernier jour.
(On n'en commettra plus à partir
d'aujourd'hui).*

*Toutes les actions qu'on va accomplir
dorénavant, dans l'avenir
Commencent aujourd'hui une nouvelle vie".*

Si nous ne prenons pas la peine de nous confesser ; tous les mauvais karmas qu'on a créés, nous plongeront dans les Enfers. Vous souvenez-vous du jour où vous avez pris refuge auprès des Trois Joyaux ; d'abord, vous disiez votre nom, ensuite vous vous êtes confessé de la façon suivante :

*Depuis longtemps, dans le passé lointain,
J'ai maudit les Trois Joyaux,*

*J'ai été un mauvais sujet, incrédule, incorrigible,
J'ai calomnié les Sutras du Grand-Véhicule,
Rejeté le Prajna-Paramita,
Assassiné les parents, fait saigner le Bouddha,
Souillé les lieux-saints et la conduite d'autrui,
Mis le feu aux pagodes, aux stupas, et dévalisé les
Moines,*

*Nourri des pensées erronées, ne reconnaissant pas le
principe du noyau et des fruits,
Fréquenté les mauvais éléments, s'opposant aux bons
maîtres".*

Maintenant, je vais vous expliquer l'idée générale de ces quelques vers de confession.

Depuis longtemps, dans le passé lointain, nous avons créé un nombre incalculable de mauvais karmas. D'abord, nous avons calomnié les Trois Joyaux : Le Bouddha, le Dharma et le Sangha. Parmi les péchés, le plus grave c'est celui de calomnier les Trois Joyaux ; car les Moines représentent Bouddha afin de proclamer le BouddhaDharma, c'est pourquoi calomnier le Sangha est inadmissible, ne peut être confessé. Et que signifie : « Xien Dê », c'est un mot sanskrit qui veut dire : « Manque de foi » ou « manque de nature bienveillante ».

Par exemple, si vous lui prêchez une doctrine, non seulement, il ne vous écoute pas, mais en plus, il vous contredit : « Je ne vous crois pas ». De cette façon, n'a-t-il pas rompu avec sa nature bienveillante ?

« Calomnier les Sutras du Grand-Véhicule » veut dire par exemple que la doctrine contenue dans les Sutras est fautive ou que les Sutras eux-mêmes avaient été proclamés par le Roi-Démon.

Ceci constitue aussi un péché impossible de racheter. « Bât-Nhã » un mot sanskrit qui veut dire : « Sagesse ».

Il existe trois sortes de sagesse : La vraie Sagesse identique, la Sagesse obtenue par la Méditation, la Sagesse obtenue par l'étude de la voie. Si on refuse d'étudier n'importe quelle Sagesse, on s'enfonce davantage dans l'ignorance. Et la conséquence de l'ignorance c'est la réincarnation en animal.

« Assassiner les parents » veut dire : Assassiner ses propres parents. Cette phrase concerne également les Arhats et les Saints. Par exemple Devadatta a tué un Arhat du quatrième fruit.

Ensuite : « Faire saigner le corps du Bouddha » cela veut dire faire couler le sang du Bouddha. Ceci aussi est un péché impossible de racheter. Certains ayant mal compris, pensaient que ce péché s'appliquait seulement au temps du Bouddha. On commettrait ce

péché seulement, quand on blessait vraiment Bouddha en personne avec un couteau.

En réalité, après le départ du Bouddha dans le Nirvana, même en détruisant les statues ou les images du Bouddha on commettrait ce péché. Abîmer intentionnellement la couche dorée (sur les statues) ou réduire en morceaux les statues du Bouddha, quoiqu'on ne touche pas directement au corps en chair et en os du Bouddha. Ces actes sont considérés comme si on blesse réellement le corps du Bouddha, on subit quand même le châtement.

« Souiller la pureté des pagodes » : Il existe un certain nombre de fidèles Bouddhistes mariés, demeurant à la pagode, commettant des actes (impurs), incorrects tels que : Consommation de viande, tuerie, etc...

« Détruire la bonne conduite des moines » cela veut dire : détruire la pureté de la conduite des moines. Par exemple, un moine doit toujours garder la sérénité dans l'âme, mais si vous le perturbez, ce qui l'oblige à violer les préceptes, ce péché, non plus, ne peut être repenti.

« Incendier ou détruire les pagodes, les stupas et les temples ». Par exemple dans l'histoire ancienne, Phùng-Ngọc-Tường avait mis feu aux pagodes Bach-Mã et Thiêu-Lâm.

« Voler les affaires des moines » : Il s'agit ici de ceux qui utilisent des ruses malhonnêtes pour s'approprier des biens de la pagode. Ce genre d'individus nourrissent des idées, des connaissances démoniaques, des pensées erronées, mais se disent toujours avoir raison.

Ne croyant pas à la loi du noyau et des fruits, ils agissent toujours à l'encontre de la doctrine bouddhique, ne reculant jamais devant un acte de cruauté ou de malfaisance. Ce genre d'individus comment pourront-ils échapper aux enfers ?

Enfin « fréquenter les malfaiteurs, les méchants et s'opposer aux bons maîtres ». Les mauvais amis sont ceux que les anciens lettrés appelaient : « Les amis nuisibles ».

Ne vous liez pas d'amitié avec les bandits, les malfaiteurs, les hors-la-loi. S'unir avec eux ne fait que vous attirer des ennuis qui vous perdront, vous amèneront petit à petit dans le chemin obscur de l'erreur, vous n'écoutez plus les bons conseils de vos parents, de vos maîtres, prenant la mal pour le bien, incapable de discerner le bon ou le mauvais, le blanc ou le noir, agissant toujours à tort et à travers, à l'encontre du droit chemin. Comme c'est pitoyable !

Les péchés sus-mentionnés doivent être évités quoique facilement transgressés. Mais si jamais, par malheur, on en commettrait, que devrait-on faire ? Ne vous inquiétez pas. Il existe une phrase disant : « Même si le péché est aussi immense que le ciel, une sincère repentance pourrait tout effacer ». Un péché n'a fondamentalement pas de forme. Si nous nous repentissons d'un cœur absolument sincère et honnête, aucune crainte d'en avoir un espoir. Ne vous sous-estimez pas, ne vous résignez pas à vous laisser sombrer dans les enfers.

LA VIE EST UN RÊVE, UN MIRAGE

Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Phan Ngoc Anh

"On sort de l'ignorance en suivant la voie juste"
Notre vie est comme un rêve, une écume, une nappe de rosé, un éclair de lumière, c'est ainsi qu'il faut voir. Notre corps vivant est impermanent, notre œuvre est impermanent, nos richesses sont impermanentes. Pour cette raison, "toute joie est source de souffrance". Tous les plaisirs de ce monde contiennent des germes de souffrance. Pour éviter la souffrance et atteindre la vraie joie, il faut pratiquer la vertu religieuse. Pour cela il faut d'abord se débarrasser de ses habitudes. De quelle manière ? En pratiquant sa confession intérieure, en chassant le désir par un effort soutenu. L'être humain naît par le désir de beauté, meurt par le même désir, c'est la loi naturelle de l'humanité qui se répète sans arrêt dans le cycle naissance-mort-renaissance. Le moine qui quitte le foyer familial suit une voie en contre-sens qui est celle qui conduit vers la sainteté. Ce qu'affectionne l'homme mondain ne convient pas au religieux. L'homme du monde est plein de désirs ; le Bouddhiste cherche à s'en défaire. Il en est de même pour tout ce que l'homme commun adore, tout cela par ignorance. Si l'on recherche la grande voie de la délivrance, on doit quitter le chemin de l'ignorance. C'est l'ignorance qui nous rend aveugle, qui nous fait perdre notre chemin, complètement désorientés. Pour retrouver la lucidité, il faut étudier la religion. Pratiquer la vertu religieuse nécessite l'aide d'un ami vertueux qui nous montre la clairvoyance. Celui-ci nous montre la manière de cultiver la vertu pour sortir du cycle naissance-mort, nous aide à ne plus revenir dans la roue du Samsara. Le savoir de l'homme vertueux est juste, sans l'ombre d'une fausse perception des choses.

"Délaisser son esprit véritable n'est pas digne d'un

honnête homme".

Si nous n'allons pas vers la religion pour quitter l'ignorance C'est que nous dédaignons notre puissance spirituelle qui notre noble esprit véritable. Bouddha a dit : "Tous les êtres humains possèdent du Tathagata". Si nous ne pratiquons pas la vertu, nous perdrons l'occasion de développer cet esprit véritable ; nous ne sommes pas dignes d'être un homme noble.

"Le bruit lumineux de cent ans qui passent est comme l'étincelle qui brille sur une pierre à feu".

A supposer que l'on vive jusqu'à cent ans, l'on verra que les jours et mois filent comme une étincelle qui s'éteint en un laps de temps très court.

"Durant la vie, le corps est comparable à une écume".

Depuis la naissance jusqu'à la mort, cela s'appelle une vie. Le corps est comme une écume sur la surface de l'eau, ballottée, sans consistance, comme une illusion, qui disparaît en un Ksana (le plus court instant). Dans ces conditions, pourquoi s'y attacher ?

"Abandonnant fortune et femme, il ne vous reste plus rien".

A l'heure de la mort, aucun échange ne sera pas possible malgré l'énormité des richesses. Vous abandonnez bijoux, pierres précieuses ; même un sou ne vous accompagnera. Femme et fortune ne vous appartiendront plus. Vous vous présenterez les mains vides devant le roi de l'enfer.

"Les mauvais actes vous suivent comme une ombre ; il est impossible de dénier".

N'importe quel karma (tuer, voler, adultère, mentir, boire des poissons alcoolisés) nous accompagne comme un ombre. Ainsi dit-on : "Rien ne peut être porté à l'exception du karma". On ne peut nier un mauvais karma qui est dû à notre volonté, lequel produit son effet négatif. Personne d'autre ne pourra recevoir cet effet à notre place.

"En cas de possession d'une montagne d'or".

Amasser des lingots d'or jusqu'à former une montagne, devenir le roi en monnaie d'or le plus riche parmi les riches, tout cela n'est d'aucune utilité à l'heure de la mort. Les bons héritiers ne veulent pas de cette fortune ; les mauvais héritiers dilapident cette fortune dans l'accomplissement de mauvaises actions sources de karma néfaste, aggravant la faute commise par le parent donneur.

"Peut-on acheter la loi de l'impermanence" ?

Posséder or et argent même en quantité colossale ne permet pas d'acheter la mort. La mort est juste, impartiale, ne parle pas d'amour, n'accepte aucune offrande.

Le sort de l'homme d'ici-bas est ainsi. Quant à nous, nous sommes ceux qui ont quitté le foyer pour pratiquer la vertu religieuse, qui ont dépassé les habitudes du monde, lesquelles nous ont emprisonnés. C'est le moment ou jamais de pratiquer consciencieusement la vertu. Le but du vrai religieux est d'en finir avec le cycle naissance mort renaissance du Samsara, en menant une vie de vertu différente de celle du monde. Efforcez-vous !

GARDER ET DEPENSER SES RICHESSES

Traduction en français : Phan Ngoc Anh

Il était une fois deux frères orphelins de père et de mère qui héritaient d'une grande fortune. Ils étaient désolés de ne pas pouvoir exprimer leur pitié filiale envers les parents.

Le temps passait vite. Les deux frères n'avaient pas les mêmes aspirations ni les mêmes goûts et désirs. L'aîné aimait les principes moraux, pratiquait la charité et épuisait progressivement l'héritage parental. Le cadet, par contre, c'était fasciné par la richesse, déployait ses efforts dans le commerce, grossissant ainsi sa fortune. Désolé devant la manière de vivre de son aîné, le cadet s'était adressé en ces termes à son frère : "Jeunes, nous perdions nos parents qui nous ont légué une fortune. Notre devoir c'est de conserver et faire fructifier cette fortune, ce qui rassurerait nos parents dans l'autre monde ; c'est un signe de pitié filiale. Au contraire de cela, tu ne fais que courir après les moines Bouddhistes, écouter les Sutras, ce n'est pas cela qui te rapporte quelque argent. Ta famille s'appauvrit de jour en jour, ta fortune fond comme neige au soleil, ce qui pourrait attrister les âmes de nos parents et provoquer la risée de nos voisins".

"Je conçois bien tes propres, dit l'aîné. Ce sont des pensées à courte vue. Tu penses que conserver et développer notre héritage est un signe de pitié. Mais à mon avis, cela ne profite qu'à nous-même et non aux âmes de nos parents. J'observe scrupuleusement les cinq interdits du Bouddhisme, pratique les dix actes bons, prend refuge dans les Trois Joyaux, prie

pour la libération samsarique des âmes de nos parents ; c'est cela la véritable pitié filiale. Voie religieuse et vie mondaine s'opposent. Ce que Bouddha nous enseigne comme bonheur et vertu, l'homme de la rue considère comme peu valorisant et méprisable. Le plaisir d'aujourd'hui est à l'origine des passions néfastes. Je ne cours pas après ces plaisirs éphémères. L'homme d'esprit recherche le bonheur éternel" !

Le frère cadet, constatant sa différence de vue envers son aîné, acquiesça sans être convaincu. L'aîné, de son côté, connaissait l'hédonisme incorrigible de son frère ; retournait à ses occupations spirituelles religieuses. Bientôt, il quittait le foyer familial, revêtait l'habit de moine Bouddhiste, pratiquait la vertu et la Dhyana avec persévérance, contrôlait minutieusement paroles, pensées et gestes, acquérait finalement l'état d'Arhat.

Le frère cadet ne montrait aucune allégresse devant la réussite spirituelle de son aîné, continuait ses activités matérielles et commerciales comme avant jusqu'à plus soif ; ne s'intéressait aucunement aux questions religieuses. Finalement, la fortune ne peut prolonger la vie terrestre ; l'homme meurt les mains vides ; seul persiste le karma qui le suit dans le Samsara.

Ainsi, le cadet des deux frères s'était réincarné dans le corps d'un buffle vendu à un négociant comme bête de trait d'une voiture transportant du sel. Il s'agissait d'une besogne pénible demandant beaucoup d'effort de la bête qui n'arrêtait pas de recevoir des coups de fouet. Spectacle pitoyable ! Pendant ce temps, le frère aîné passait qui reconnaissait, grâce à son don de vue, son frère cadet sous la peau du bovidé.

L'aîné dit au buffle : "Frère ! Tu avais ramassé beaucoup d'argent dans ta vie antérieure. Où est cet argent maintenant ? Tu avais méprisé la religion et affectionné les richesses matérielles prétendues t'apporter toutes sortes de plaisirs. Cet argent ne peut te faire t'évader de ton état de bovidé et te réincarner en homme".

Alors, l'aîné par sa force spirituelle d'Arhat, permettait au buffle de revoir sa précédente kalpa d'homme cupide négligeant les conseils judicieux de son frère . . . Mais il est trop tard !

Pour sauver son frère, l'aîné proposait au propriétaire du buffle de lui revendre la bête après lui avoir raconté toute l'histoire entre les deux frères depuis le début. Le propriétaire

écoutait, secoué par des tremblements de peur, et proposait d'offrir le buffle au moine.

Ce dernier conduisit le buffle au temple Bouddhiste, le libéra, lui apprenait à prier et à prendre refuge dans les Trois Joyaux. Peu de temps après, le buffle mourait et gagnait le monde des Trente Trois Cieux (Trayastrimsa).

Le négociant propriétaire du buffle, ainsi convaincu de l'existence de la réincarnation, s'adoptait à la religion, pratiquait la vertu en se débarrassant des passions originelles.

Conclusion : Faire beaucoup d'efforts pour gagner des richesses d'ordre personnel est éphémère et illusoire. A l'inverse, l'argent dépensé pour apporter bonheur et aide aux autres constitue nos vraies richesses. Toute cause produit son effet, c'est une loi immuable.

LE TRIPLE JOYAU

❁ Le Bouddha était un sage. Sa personnalité, son comportement et le travail qu'il a fait, peuvent servir comme un modèle pour nous tous.

❁ Le Dharma est les enseignements du Bouddha. Il nous demanda d'arrêter tout le mal et pratiquer les bonnes actions, et nous enseignait les méthodes pour libérer les gens et le monde.

❁ Le Sangha est une communauté formée par les disciples du Bouddha. Leur obligation est d'aider à propager les enseignements du Bouddha afin qu'ils puissent se développer.

Faire naître foi dans le Triple Joyau nous apportera la richesse à la fois dans nos corps et nos esprits. Nous serons bénis et heureux.

PARLONS D'HISTOIRES DU NOUVEL AN

Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Aujourd'hui, je vous souhaite une nouvelle année pleine de bonheurs et de paix. Cela veut dire que l'année passée n'était donc pas une année de bonheurs et paix ? A chaque heure, chaque mois, chaque année, nous devrions vivre dans le bonheur. Pourquoi ? Le bonheur ne réside pas dans le fait de bien manger, bien s'habiller, d'avoir une belle voiture, d'habiter une grande maison confortable.

Alors, que faut-il faire pour vivre dans le bonheur et dans la paix. Voici la réponse : Il faut savoir se contenter de son sort ; car si on se contente de ce qu'on a, on vivra dans le bonheur et la paix ; savoir se résigner nous permet aussi de vivre dans le bonheur et la paix. Si on reconnaît que c'est suffisant, ce sera largement suffisant. Nous devrions toujours accepter notre destin. L'être humain est doté d'un esprit, d'une intelligence et d'une connaissance supérieure à l'animal. Dans tous les domaines et de toutes les espèces, nous sommes les plus privilégiés : c'est pourquoi, nous devons savoir nous contenter de notre destin. Si nous acceptons notre sort, nous éloignons toute affliction. C'est pourquoi, ce ne sera pas l'année prochaine que nous vivrons dans la joie, mais à chaque instant nous devons vivre dans le bonheur et la paix. L'absence d'afflictions : 'nous permet de fertiliser notre terre de conscience, et de dégager l'horizon de notre nature.' Quand notre terre de conscience est éclairée, notre vraie nature sera illuminée. Cette clarté c'est précisément l'illumination du Bouddha. Pourquoi sommes-nous incapables d'illuminer ? Parce que nous n'avons pas fertilisé notre terre de conscience, ni dégagé l'horizon de notre vraie nature. C'est pourquoi, selon le Bouddhisme, si vous pouvez toujours vivre dans le bonheur et la paix, vous avez déjà cultivé la voie. Dans le livre TRAI CAN DOAN, il a été dit que : 'Quand' cela veut dire : 'Dans la clarté du vent et de la lune, la nature s'égaie.'

En soufflant légèrement, le vent chasse les nuages, alors apparaît la lune éclairée et même la nature s'égaie d'une fraîcheur verdoyante, comme si elle était vraiment très gaie. Par contre que signifie : la colère impétueuse de la pluie et du vent ? Précisément, quand le ciel se met en colère, il déverse une pluie intense sur la terre. La pluie intense est considérée comme des larmes versées par le ciel. 'Tat phong' veut dire : ouragan et tempête violents. En effet, quand souffle cet ouragan, non seulement, les humains, mais même les bêtes, les oiseaux se sentiront inquiets, pas en sécurité. Tout le monde est triste. Voici le poème en entier : 'Gia.....'

Cela veut dire : 'Dans la clarté du vent et de la lune, la nature s'égaie.' 'Dans la tempête rugissante et l'ouragan violent, les oiseaux et les bêtes se recroquevillent.' C'est pourquoi : 'Le ciel et la terre ne peuvent pas ne pas

s'accommoder harmonieusement même durant une journée. De même, l'être humain ne peut pas vivre une minute sans gaieté. Quand la tempête et l'ouragan se soulèvent, l'harmonie disparaît. C'est pourquoi, on dit que le ciel et la terre ne peuvent pas ne pas s'accommoder harmonieusement même durant une journée, mais il faut une brise légère soufflant la fraîcheur, répandant partout la bienveillance. De même, l'être humain ne peut pas manquer de joie même une minute. Comme Bodhisattva Maitreya, qu'importe l'attitude des gens à son égard, il ne s'afflige jamais. Il nous apprend ceci : 'Gia kho khoac ao nap.' 'Gia kho' désigne un vieil imbécile, sans aucune connaissance. 'Khoac ao nap : ' portant une robe totalement rapiécée. 'Com lat dang no bung.' Mangeant sobrement, qu'importe la qualité de la nourriture, il mange à sa faim. On le voit souvent tapoter son ventre en disant : 'J'ai bien mangé, regardez mon ventre, il est plein. 'Va viu do rét hàn : ' mes vêtements sont tous déchirés, il suffit de les raccommoder pour me protéger du froid. 'Van su tuy duyên thôi : ' J'agis toujours selon les circonstances, au présent, je fais face, et pour le passé, je garde le silence. 'Hê ai chuoï gia kho' : Devant les insultes : 'espèce de monstre, pourquoi ne disparaissiez pas à votre âge, 'gia kho tu noi : gioi : 'le vieil imbécile vous dira : c'est bien, vous avez raison d'insulter. 'Hê ai danh gia kho', 'gia kho lan ra ngu' : Sous les coups de fouet, le vieil imbécile s'allonge et s'endort, présentant son dos pour recevoir les coups. 'Khac nhô noi mat gia' 'Cu dê no tu khô' : si les gens crachent sur son visage, le vieil imbécile le laisse sécher. Je ne l'essuierai pas, je le laisse sécher tout seul à son gré. 'Gia nay chang tôn công' 'Ban cung không phiên nao' : Car pour moi, c'est peine perdue, vous aussi, vous ne vous affligerez pas, car je ne me vengerai pas en crachant sur votre visage, aussi vous serez tout à fait tranquille, sans aucun ennui. 'Nhu thê Ba la mât' : Ca s'appelle résignation Paramita- Un Dharma qui fait passer à l'autre rive, un merveilleux Dharma que la plupart d'entre nous ne savent pas utiliser pour se faire passer à l'autre rive. C'est précisément une merveille parmi toutes les merveilles, un trésor parmi tous les trésors. 'Thâu ro ly le nây' 'Lo gi dao chang xong' : Ayant bien compris cette vérité, bien pénétré cette doctrine, n'ayez pas de souci, vous allez sûrement réussir dans votre voie. En Chine, actuellement, il y a un professeur enseignant la compassion et la miséricorde de Bouddha et la charité, la bonté de Confucius. En réalité, le Confucianisme prêche surtout la fidélité et le pardon, tandis que le Protestantisme et le Christianisme parlent surtout de l'amour universel. Dans l'écriture chinoise, les deux termes : 'Bac ai'

renferment un caractère commun qui est précisément : l'esprit ; ce qui montre que l'amour ne peut exister que dans l'esprit. Et LAO TSEU nous parle de : communication. Pourquoi le TAOISME nous enseigne la sérénité, la tranquillité, le non agi, à cultiver selon la nature, comme nous apprend 'le Sutra de la Vertu' (Dao duc Kinh) : L'être humain cultive selon les lois de la Terre ; celle-ci suit l'exemple du ciel, qui, lui-même, suit l'exemple de la religion, celle agit selon la nature ; mais en vérité, la quintessence du Taoïsme nous apprend uniquement : la communication. Le Bouddhisme soutient le thème de la miséricorde ; En somme, le Confucianisme, le Taoïsme ainsi que le Bouddhisme ne peuvent pas se détacher de l'esprit (la conscience). Aucune religion n'existe, hors de la conscience. Le Confucianisme nous enseigne la fidélité et le pardon. Pour se sauvegarder soi-même, on doit observer la fidélité. Dans les relations humaines, vous devriez faire appel au pardon. Se sauvegarder soi-même, c'est à dire qu'en accomplissant une action, on se doit être fidèle envers autrui, et l'accomplir de tout son cœur et de toute sa conscience. C'est la condition de base pour renforcer notre dignité vertueuse. Pardonner quelqu'un c'est ne pas tenir compte de ses fautes. Vous devriez tolérer, excuser les fautes commises envers vous. Si vous observez la fidélité pour vous sauvegarder vous-même, vous élevez votre dignité humaine. Si vous savez pardonner les autres, vous leur serez profitable ainsi, vous n'irez pas chercher leurs fautes. C'est l'objectif du Confucianisme, il n'est nullement séparé de la conscience. Toujours dans les caractères chinois, si vous examinez bien l'écriture des deux mots : Fidélité et Pardon, vous verrez qu'ils renferment le mot : conscience. Lao Tseu nous enseigne : la communication (cam ung) que veut dire : 'Cam' ? 'Cam' veut dire : transmettre, communiquer, et 'Ung' veut dire : répondre à l'appel ; que tout souhait sera exaucé. Chaque fois que vous formulez un vœu et le transmettez, il sera exaucé inmanquablement. Ainsi les deux termes : 'Cam-Ung' sont comparables à un courant électrique. Là où arrive l'électricité, vous avez de la lumière. De même, vous transmettez un vœu, il sera reçu et exaucé. Vous lisez bien les pensées des autres et inversement n'est-ce pas c'est parce qu'il existe un courant électrique

communiquant votre esprit et celui des autres. C'est la raison pour laquelle, quand vous priez d'un cœur absolument fervent et sincère, vos prières seront transmises, entendues puis communiquées aux anges. Lao Tseu disait que la communication commence de la façon suivante : 'HOA PHUOC VO MON, DUY NHAN TU CHIEU' cela veut dire que : 'Le bonheur ainsi que le malheur ne se trouvent pas systématiquement au même endroit. Ils arrivent seulement quand nous les évoquons.' Voici l'explication à propos de communication (Cam ung). Comme le bonheur ainsi que le malheur n'ont ni l'un, ni l'autre de porte d'entrée systématique. Si vous faites le bien, le bonheur arrive et si vous faites le mal, survient le malheur. Ils ne sont pas fixés à un endroit systématique mais arrivent selon notre action positive ou négative.

'Thiên ac chi bao nhu anh tuy hình.' Cela veut dire que : 'les conséquences fastes ou néfastes suivent (des actions bonnes ou mauvaises) comme l'objet et son ombre de notre corps, il nous suit partout, où que nous soyons. Qu'elle soit faste ou néfaste, elle est toujours notre ombre, et nous suit partout constamment. C'est la raison pour laquelle, il existe dans le ciel et sur terre des Génies éclairés qui jugent nos bonnes et mauvaises actions ; ils sont au nombre de quatre : le génie annuel, mensuel, journalier et horaire qui examinent et jugent secrètement et à chaque instant toute action de ce monde. C'est pourquoi : 'Thien dia huuban hao.' Cela veut dire : Dans le ciel et sur la terre, il existe des Génies qui observent et qui jugent les fautes de chaque individu, et en fonction de la gravité de ses fautes, il diminuerait ses mérites. Une fois que ses mérites sont diminués, il serait malheureux et vivrait dans la misère. Diminution de bénédictions veut dire aussi diminution de durée de vie. Autrement dit, au lieu de bénéficier d'une longue vie, il devrait mourir jeune. Sa durée de vie serait écourtée d'un cycle de douze ans. Cette diminution de vie entraîne avec elle toutes sortes de malheurs : misère, accidents, maladies, incendies médisances. Tout cela se rapporte aussi au principe de la communication. Toute mauvaise action appelle des conséquences néfastes. Il suffit de transmettre, de communiquer pour obtenir des réponses correspondantes. Ceci est l'objectif de l'enseignement taoïste. Le Bouddhisme soutient le thème de la miséricorde et de la compassion (Tu Bi). Que veut dire le terme : 'Tu' ? A ce propos, il existe un proverbe disant : 'Vô duyên Dai Tu' : Cela veut dire : adopter une attitude douce et paisible à l'égard des gens avec qui, vous n'avez semé aucune relation, peu importe qu'ils soient bons ou mauvais envers vous. S'ils n'ont pas semé des

relations avec vous ? Raison de plus pour que vous soyez bienveillants envers eux. Ceci s'appelle la Grande Compassion. Comment faire pour avoir la grande miséricorde ? Avoir la grande Miséricorde c'est considérer l'autrui comme son égal, leurs souffrances comme les nôtres. C'est pourquoi on dit : 'Dong thê dai bi.' Nous devons pratiquer : la compassion, la miséricorde, la joie, le pardon. Autant la compassion peut apporter la joie et la sécurité ; autant la grande miséricorde peut effacer toute souffrance car nous comprenons mieux la souffrance des autres.

Autrement dit, nous devons aimer les autres, comme nous nous aimons nous-mêmes. Le Christianisme comme le Protestantisme proclame l'amour universel. (Bac ai) Dans l'écriture chinoise du mot 'Bac' figure le mot 'esprit' sur le côté, et dans le terme 'Ai' le mot : 'Esprit' se trouve au milieu. 'Ai' ou 'amour' signifie à peu près l'amour existant entre un homme et une femme, un amour impur, souillé. Le Catholicisme préconise qu'on doit aimer l'un l'autre et aimer tout être humain sans exception. Or l'amour juste et pur est invisible, sans forme, et n'être exprimé. L'amour universel n'est nullement l'amour existant entre un homme et une femme. Or le fait que l'homme et la femme vivent ensemble, c'est la loi naturelle de l'espèce humaine. Et le devoir d'un honnête homme commence par les relations existant dans un couple. C'est le Dharma mondain. Tandis que dans le Dharma extra-mondain, l'amour ne renferme plus aucune pensée souillée. C'est pourquoi, nous devons bien comprendre le sens et les limites du mot : amour. L'amour entre homme et la femme c'est un amour passionné ; alors que l'amour extra-mondain c'est précisément l'amour universel couvrant toute créature.

LE SOUVENIR DE LA VIE DU VÉNÉRABLE MAÎTRE HSUAN HUA

La suite

TOUT DESIR EST EXAUCÉ

P'an Chi Shih du comté Shuang Ch'eng était l'homme le plus riche dans le village. A quarante ans, cependant, lui et sa femme étaient sans enfant et désiraient ardemment un fils pour continuer la ligne de la famille. Ayant entendu la vertu impressionnante du Maître, le couple partit à sa rencontre et le salua immédiatement comme leur maître. Sous sa direction, ils étudiaient les enseignements, pratiquaient la méditation Dhyana et priaient le Bodhisattva Kuan Yin d'exaucer leur vœu. Quand le Maître leur conseilla d'offrir la moitié de leur richesse pour secourir les êtres vivants, ils suivirent son conseil. Ils reconstruisaient des temples, installant des statues de Bouddha et soutenaient le Triple Joyau dans toutes ses activités. Au bout d'un an, un fils était né. Ils le nommaient Shih Te, la Donation Vertueuse. C'était un garçon exceptionnellement intelligent et sage. Par la suite, Mr. P'an pratiquait avec plus d'assiduité lisant les Sutras, récitant le nom du Bouddha et en faisant de bonnes actions de toutes ses forces.

LE PRÉCIEUX CACHET

A Ta Nan Kou, dans la ville d'Harbin, vivait un jeune garçon nommé Kao Te Fu par nature très filial. Sa mère était une droguée et sa toxicomanie l'avait rendue malade. Elle était incapable même de fumer l'opium. Ses lèvres étaient déchirées et saignaient. Sa langue était noire. Les médecins chinois et occidentaux disaient tous qu'elle mourait sûrement, mais son fils dit :

Non ! Elle ne peut pas mourir. Je couperai ma main en guise d'offrande sincère aux Bouddhas et aux Bodhisattvas. Je suis sûr qu'ils viendront à mon aide.

Il allait au Temple des Trois Conditions pour réaliser son vœu afin de sauver la vie de sa mère. Le garçon s'agenouilla, défit le couteau de boucher enveloppé dans un journal qu'il avait apporté et l'éleva dans l'air. Quand soudain quelqu'un le saisit par derrière.

Arrêtez ! Dit-il. Vous ne pouvez pas vous suicider ici !

Je fais cette offrande pour sauver la vie de ma mère, répondit le garçon. Vous ne pouvez pas m'arrêter !

Juste après, le disciple laïc du Supérieur Ch'ang Jen, Li Ching Hua, arriva et emmena le garçon voir le Vieux Supérieur. Le Supérieur envoya chercher le Maître et demanda l'aide de ce dernier.

Mais je suis un simple novice, dit le Maître. Pourquoi insistez-vous pour me donner votre travail.

Soyez compatissant, dit le Supérieur.

Le Maître dit au garçon : Rentrez chez vous à vélo et je vous suivrai.

Connaissez-vous le chemin ? Dit le garçon.

Ne vous inquiétez pas pour moi, dit le Maître. Rentrez chez vous.

Le garçon partit lorsque le soleil se couchait. Il était à peu près cinq heures de l'après-midi. Le garçon prit la route principale et le Maître emprunta un raccourci. Quand le garçon arriva à la maison, il était surpris de voir le Maître assis là en train de l'attendre.

Vieux pratiquant, dit-il, comment êtes-vous arrivé avant moi ?

Peut-être vous vous êtes arrêté pour jouer au foot ou pour regarder un film, dit le Maître. En tout cas, votre bicyclette ne va pas aussi vite que la mienne. Et alors je suis là le premier.

Quand le Maître vit la mère du garçon, il était convaincu qu'il n'y avait plus rien à faire. Mais il décida quand même d'essayer. Il écrit un précieux cachet qui se lit :

Ce garçon est si sincère qu'il essayait

De couper sa main pour sauver la vie de sa mère.

Maintenant que je l'ai empêché de faire cela,

Cette femme ne doit pas mourir.

Si elle meurt, Roi Yama, dit-il, je serai impoli envers vous.

Le Maître le cacheta et l'envoya. Il employa un Dharma destiné à rallonger la vie. Et jusqu'à, à trois heures du matin, il allait se coucher. Mais le lendemain, la femme qui avait été dans le coma pendant sept jours, se redressa.

Chu Tsu, Chu Tzu, dit-elle, appelant son fils par son petit-nom, j'ai faim. Apportez-moi du riz.

Le garçon se précipita vers sa mère, rempli de joie. Il ne l'avait pas entendu appeler ainsi depuis sept jours.

Mama, cria-t-il. Vous étiez malade pendant plusieurs jours ! Vous vous sentez mieux ?

"J'étais dans une grotte sans lumière du soleil, ni de la lune, des étoiles ou d'une lampe, dit-elle. J'ai couru pendant plusieurs jours, cherchant ma maison. J'ai appelé mais aucune réponse. Ensuite j'ai rencontré un moine habillé d'une robe en lambeaux qui m'a guidée chez moi.

A quoi ressemblait-il, le moine ? Demanda son fils. Il était très grand, dit-elle.

Est-ce lui, dit le garçon en montrant du doigt le Maître.

Oui, s'exclama-t-elle. C'était lui qui m'a ramenée.

La famille entière, fils et filles, jeunes et vieux, vinrent s'incliner devant le Maître. Puis le village entier prit refuge avec le Maître en disant :

Dorénavant, toutes nos actions seront conformes à vos conseils, nous suivrons avec joie vos enseignements.

CHAPITRE VI

LE DISCIPLE

KUO NENG QUITTE LA MAISON

Kuo Neng, dont le nom laïc est Lu, était le premier disciple à quitter la maison pour suivre le Maître. Il était tailleur. Bien qu'il gagnât beaucoup d'argent, cela ne suffisait pas car sa petite amie fumait l'opium et dépensait tout son. Quand il se rendit compte combien elle était méchante, il décida de quitter la maison. Quand il apparut sans ressources et en guenilles au temple du Maître Ju Kuang, le Maître Ju Kuang dit :

Vous êtes trop pauvre. Allez-vous en.

Kuo Neng s'asseyait dans la cour du temple jusqu'à ce que les portes soient fermées : on l'a jeté à la porte. Il retourna à son hôtel où a eu lieu l'ouverture d'un nouveau restaurant végétarien. Le directeur l'appela :

Mon Maître est ici. Venez le rencontrer.

Quand ils se rencontrèrent, Kuo Neng était timide et embarrassé. Il osait à peine regarder le Maître.

Pourquoi êtes-vous si contrarié ? Demanda le Maître.

Je n'ai pas d'argent, dit Kuo Neng. Mais pourquoi êtes-vous ici ?

Le Maître souriait. -Je suis venu pour vous chercher, dit-il.

Pourquoi faire ? Demanda Kuo Neng.

Pour vous faire quitter la vie de famille, dit le Maître.

Kuo Neng était effrayé. Il n'avait raconté à personne qu'il voulait quitter la maison.

Allons-nous en, dit le Maître, avant que votre petite amie revienne.

Mais je n'ai pas de robe ! Dit Kuo Neng.

Voilà, dit le Maître. Et il enleva sa robe extérieur et la donna à Kuo Neng.

Tous deux partaient dans la neige de l'hiver pour le temple des Trois Conditions.

Au temple, Kuo Neng faisait des travaux durs. Il accomplissait des tâches que personne ne voulait faire : la cuisine, le nettoyage, puiser de l'eau. Un jour, il construit lui-même un beau lit en briques.

Qui vous a donné la permission de construire ceci ? Dit le Maître quand il le vit.

Kuo Neng restait planté là. Personne, dit-il.

Pensez-vous que vous pouvez faire tout ce qui vous plaît ? Vous n'êtes pas le directeur ici, n'est-ce pas ? Dit le Maître.

Non, dit Kuo Neng. Que dois-je faire, maintenant ? Démontez-le, dit le Maître. Ensuite allumez un bâton d'encens au vernis jaune et agenouillez-vous devant le Bouddha jusqu'à ce que la baguette d'encens soit consumée. (Environ trois heures).
(à suivre)

L'HISTOIRE DU BOUDDHA

La suite

LE VOYAGE COMMENCE

Siddharta restait seul dans la forêt, prêt à commencer sa grande aventure. Il se dit : "A partir d'aujourd'hui, je ne suis plus un prince. Ce n'est pas correct que je continue de ressembler et de m'habiller comme un prince." Il prit son poignard et coupa ses longs cheveux tombants, un signe de royauté. Après, il rencontra un pauvre chasseur et lui dit : "Monsieur, je n'ai plus besoin de ces vêtements de soie. Je dois vivre dans la forêt, je devrais porter quelque chose de grossier comme les vôtres. Échangeons nos vêtements." Le chasseur était surpris et enchanté de recevoir de tels habits coûteux en échange des siens et il accepta rapidement la proposition de Siddhârta.

Maintenant, il s'habillait comme un pauvre chercheur de vérité. Siddhârta commença à chercher un maître qui pouvait lui montrer la méthode pour éliminer toute souffrance. Il errait à travers la forêt et interrogeait tous les hommes saints qu'il trouvait là-bas. Partout où il allait, il fut accueilli avec respect. Même s'il portait des vêtements en lambeaux et mangeait seulement la pauvre nourriture qu'il pouvait mendier, il était toujours un très beau jeune homme et un homme au regard impressionnant. Quand les gens dans la forêt le virent arriver, ils se disaient : "Regardez cette personne très spéciale qui arrive. Son visage est si fort et déterminé ! Si un homme pareil recherche la vérité, il est certain de la trouver."

Siddhârta étudiait avec plusieurs maîtres, mais il n'était pas satisfait de ce qu'il apprenait chez eux. "Ce qu'ils enseignent est utile mais cela ne mène pas au parfait bonheur." Se dit-il. Enfin, il entendit parler d'un certain homme très sage qui vivait dans le royaume de Magdha où régnait le roi Bimbisara. Alors, il décida de voyager loin vers le sud et vers l'Est pour le trouver.

Un jour, lorsqu'il traversa Rajagriha, la capitale de Magadha, il passit près des portes du palais. Un des ministres du Roi Bimbisara le vit et se rendit immédiatement chez le roi.

"Seigneur, dit-il d'une manière agitée, je viens de voir un homme le plus exceptionnel dans la ville. Il est habillé de lambeau et mendie la nourriture de porte en porte. Mais je suis sûr qu'il doit être un grand personnage. Son visage est si aimable et il marche avec une telle dignité. On dirait qu'il y a une lumière spéciale qui brille en lui !"

Le roi était très intéressé et demandait que Siddhârta soit amené devant lui. Ils discutaient ensemble pendant un moment et le Roi était très impressionné par son intelligence, sa modestie et son aimable comportement. Alors le roi dit : "Je n'ai jamais rencontré un homme à qui je pouvais me confier plus que vous. S'il vous plaît, restez ici à Rajagriha et aidez-moi à diriger mon royaume."

Siddhârta répondit avec politesse : "Oh! Roi, j'ai déjà eu l'occasion de régner sur un royaume, mais j'ai du refuser. Je ne m'intéresse pas à la richesse ou au pouvoir, seule la voie de la vérité m'intéresse. Je vous remercie beaucoup de votre proposition, mais je suis venu dans votre royaume seulement pour trouver des maîtres qui peuvent m'aider dans ma recherche."

Ensuite le Roi salua l'homme en lambeaux et dit : "Je souhaite que vous ayez de la chance dans votre voyage. Si vous trouvez ce que vous recherchez, veuillez retourner ici et me l'enseigner. Mais même si vous échouez, vous êtes toujours le bienvenu en retournant dans mon royaume." Siddhârta le remercia beaucoup et continua son chemin.
(à suivre)

Chùa/Pagode Kim Quang
8 B rue Fontaine
93000 Bobigny-France
Tel./Fax : 01.48.50.98.66
kimquang@free.fr
kimquangtu@hotmail.com

Những ai đối với mình không có thái độ từ bi, hoặc không nói chuyện đàng hoàng, đều là thiện tri thức của mình. Nếu bạn có gặp điều nghịch ý mà vẫn nhẫn chịu, tức là gặp chuyện trái ý khó chịu vô cùng mà bạn vẫn có thể an nhiên xử lý thì mới thấy được công phu nhẫn nhục của bạn. Đừng nên vì một lời nói mà tâm mình liền bị dao động. Nếu bạn tu tới chỗ chẳng bị dao động, rằng có thể nhẫn nại điều người khác khó nhẫn nại, thì đó mới chính thật là công phu chân chính. Nếu chẳng được như vậy, bạn phải làm lại từ đầu.

Ceux qui manquent de compassion envers nous, qui tiennent des propos indignes sont nos amis vertueux. Si on reste patient devant des contrariétés tout en résolvant calmement la situation, cela permet de mesurer sa faculté de résignation. Ne laissons pas notre esprit réagir à la moindre parole. Si vous pratiquez la vertu jusqu'à cette sérénité, si vous gardez votre patience devant des situations où d'autres n'arrivent pas à garder la leur, c'est que vous avez fourni un effort véritable. Sinon, vous devez recommencer votre effort depuis le début.

Lòng ham tiền làm người ta điên đảo. Lòng háo sắc cũng làm người điên đảo. Tham danh cũng làm họ điêu đứng. Tham ăn càng làm người ta đảo điên. Mà tham ngủ nghỉ hưởng thụ cũng làm người ta quay cuồng. Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ hưởng thụ là năm cái gốc của địa ngục. Song , chúng ta ai ai cũng chôn cái gốc ấy sâu trong lòng. Gốc lành thì mình chẳng trồng nó cho sâu trong khi lại trồng thật sâu năm thứ dục vọng. A ! Nghĩ rằng nó chưa đủ sâu, mình cứ tiếp tục chôn nó sâu thêm !

La cupidité perturbe l'homme ainsi que l'argent, l'amour de la beauté, la recherche des honneurs, la gourmandise de bon repas, l'exagération du sommeil. L'argent, la beauté, les honneurs, la nourriture, le sommeil sont les cinq racines de l'enfer. Pourtant, elles sont enfouies dans chacun de nous. Souvent, nous négligeons de planter les bonnes racines ; nous n'arrêtons pas de consolider les mauvaises racines.

Le Vénérable Maître Hsuan Hua/ Hoà Thượng Tuyên Hoá